



TẠP CHÍ
Nghiên cứu
Triết học

SỐ 20
(3 - 2025)
ISSN 2734 - 990X

**TƯ TƯỢNG
NGOẠI GIAO
HỒ CHÍ MINH**

**ĐẠO ĐỨC
CÁCH MẠNG**

**NHÂN LỰC
CHẤT LƯỢNG CAO**

**ANH HÙNG DÂN TỘC
TRONG LÒNG DÂN**

**HỘI TRIẾT HỌC VIỆT NAM
VIETNAM PHILOSOPHICAL ASSOCIATION**

TRAM + PHÁT SÓNG 84

Chương trình phát triển tài năng Việt
#moinguoilamottramphatsong

MỖI NGƯỜI LÀ
MỘT TRẠM PHÁT
SÓNG



Quét mã đăng ký



TẠP CHÍ
NGHIÊN CỨU
TRIẾT HỌC

SỐ 20
(3 - 2025)

TẠP CHÍ XUẤT BẢN
MỖI THÁNG MỘT KỶ

TỔNG BIÊN TẬP
GS. TS. NGUYỄN TRỌNG CHUẨN

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
CHỦ TỊCH
GS. TS. LÊ HỮU NGHĨA

ỦY VIÊN
GS. TS. NGUYỄN TRỌNG CHUẨN
GS. TS. PHẠM VĂN ĐỨC
GS. TS. TRƯƠNG GIANG LONG
GS. TS. TRẦN VĂN PHÒNG
GS. TS. HỒ SĨ QUÝ
PGS. TS. NGUYỄN TÀI ĐÔNG
PGS. TS. NGUYỄN AN LỊCH
PGS. TS. TRƯƠNG NGỌC NAM
PGS. TS. NGUYỄN ANH TUẤN
TS. NGUYỄN THỊ LUYỆN

BAN BIÊN TẬP

TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢNG CÁO
HALOTIMES

Số 39 đường 37, khu phố 1,
Phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HÀ NỘI:
Biệt thự số 34 Lô N07A, Khu đô thị Dịch Vọng,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0902 446 140
Email: info@halotimes.com

GIÁ: 96.000 VNĐ

MỤC LỤC

I. NGHIÊN CỨU, VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN 05

TS. Huỳnh Tuấn Linh	Tư tưởng thêm bạn bớt thù trong hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1945-1954 - giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại	05
TS. Trần Thị Thúy Chinh	Thành tựu gần 40 năm đổi mới đất nước - cơ sở để phản bác các quan điểm sai trái, thù địch phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	13
Nguyễn Việt Thanh Lương Thị Hoài Thanh	Giáo dục, rèn luyện chuẩn mực đạo đức cách mạng cho cán bộ đảng viên theo Quy định 144 của Bộ Chính trị vì một Việt Nam phát triển phồn vinh, hùng cường	20
PGS. TS. Nguyễn Thị Quyết TS. Lại Văn Nam	Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện theo quan điểm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng	29
PGS.TS. Hoàng Anh	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong kỷ nguyên mới của dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh	36
TS. Phạm Thanh Hà	Một số khác biệt trong giáo trình triết học Mác - Lênin dành cho sinh viên không chuyên lý luận chính trị của Trung Quốc và Việt Nam	43
ThS. Cao Văn Đan	Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác thu hút và trọng dụng nhân tài ở tỉnh Bắc Ninh hiện nay	49

II. NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI 57

ThS. Hồ Thị Xuân Thanh	Giá trị yêu nước trong tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc của người Việt	57
TS. Bùi Xuân Dũng	So sánh tư tưởng giáo dục đạo đức của John Dewey và Khổng Tử: bài học cho giáo dục đạo đức của Việt Nam hiện nay	65
ThS. NCS. Nguyễn Thị Quỳnh	Xây dựng xã hội văn minh trên cơ sở phát triển hài hòa giữa kinh tế - xã hội và văn hóa	71
ThS. Phan Hữu Chánh	Tiêu chí đánh giá hiệu quả chính sách an sinh xã hội khi nhà nước thu hồi đất	76
TS. Hoàng Thu Trang	Khát vọng cống hiến của đội ngũ doanh nhân Việt Nam hiện nay	83

III. PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA TRONG KỶ NGUYÊN MỚI 90

Chương trình truyền hình thực tế Về Quê Làm Giàu chính thức lên sóng tập đầu tiên	90	
Anh Thịnh	Người trẻ nghĩ gì về ý tưởng "Về quê làm giàu"?	92

IV. CHÂN DUNG NHÀ TRIẾT HỌC 94

Đỗ Minh Hợp	Heraclit	94
Hoài An (Sưu tầm)	Triết lý cuộc sống	97

V. TÓM TẮT TIẾNG ANH 98

CONTENTS

RESEARCH AND APPLY HO CHI MINH THOUGHT AND MARXISM-LENINISM 05

Dr. Huynh Tuan Linh	The thought of more friends and fewer enemies in ho chi minh's diplomatic activities in the period 1945-1954 and its historical value	05
Dr. Tran Thi Thuy Chinh	Achievements of nearly 40 years of the national renovation - the foundation for refuting hostile misconceptions that deny Vietnam's path to socialism	12
Nguyen Viet Thanh Luong Thi Hoai Thanh	Education and training in revolutionary ethics standards for party's cadres and members under regulation 144 of the politburo - for a prosperous and strong vietnam	22
Assoc. Prof. Dr. Nguyen Thi Quyet Dr. Lai Van Nam	Building well-rounded Vietnamese individuals according to general secretary Nguyen Phu Trong's view	30
Assoc. Prof. Dr. Hoang Anh	Developing high-quality human resources in the new era according to Ho Chi Minh's thought	39
Dr. Pham Thanh Ha	Differences in marxist-leninist philosophy textbooks for students not specialized in political science in china and vietnam	46
M.A. Cao Van Dan	Solutions to enhance talent attraction and retention in Bac Ninh province	53

RESEARCH – EXCHANGE 57

M.A. Ho Thi Xuan Thanh	The value of patriotism in the worship of national heroes by the Vietnamese people	57
Dr. Bui Xuan Dung	A comparison the moral education thoughts of john dewey and confucius': lessons for vietnam's moral education today	61
M.A. Nguyen Thi Quynh	Building a civilized society based on the harmonious development of economy, society, environment, and culture	71
MA. Phan Huu Chanh	Criteria for Evaluating the Effectiveness of Social Welfare Policies When the State Reclaims Land	76
Dr. Hoang Thu Trang	The aspirations of the Vietnamese business community today	83

CULTURE AND CULTURAL INDUSTRY DEVELOPMENT 90

	Reality TV Show "Going Home to Get Rich" officially aired its first episode Information - Halotimes Media Group	90
Anh Think	What do young people think about the idea of "Going back to the countryside to get rich"?	92

PORTRAIT OF THE PHILOSOPHER 94

Do Minh Hop	Heraclit	94
Hoai An (collected)	Philosophy of life	97

ENGLISH SUMMARY 98

NGHIÊN CỨU, VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ NIN

TƯ TƯỞNG THÊM BẠN BỐT THÙ TRONG HOẠT ĐỘNG NGOẠI GIAO CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 1945-1954 - GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VÀ Ý NGHĨA THỜI ĐẠI

TS. HUỲNH TUẤN LINH *

TÓM TẮT

Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công năm 1945, cách mạng Việt Nam rơi vào tình trạng “ngàn cân treo sợi tóc”, thù trong giặc ngoài, kinh tế kiệt quệ. Đất nước bị các thế lực phản động, đế quốc phong tỏa, lực lượng cách mạng bị cô lập, nhằm cắt đứt mọi liên lạc với bên ngoài hòng tìm cách xóa bỏ chính quyền cách mạng vừa mới thành lập. Cục diện chính trị ở nước ta lúc đó vô cùng phức tạp, tương quan lực lượng về mọi mặt giữa ta và địch có khoảng cách rất lớn. Để giải quyết các khó khăn chồng chất ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra đường lối thêm bạn bớt thù, phân hóa, cô lập kẻ thù trong hoạt động ngoại giao nhằm tránh đối đầu cùng lúc với nhiều kẻ thù lớn. Nhờ đường lối đối ngoại khoa học, linh hoạt, mềm dẻo, cách mạng nước ta đã giành được những thắng lợi có tính bước ngoặt, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn trước thực dân Pháp xâm lược 1954.

Từ khóa: Ngoại giao, thêm bạn bớt thù, hòa bình, hòa hiếu.

Nhận bài: 12/11/2024; Đưa vào quy trình biên tập: 12/11/2024; duyệt đăng: 25/2/2025.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, vấn đề đối ngoại trở nên hết sức quan trọng, góp phần quyết định nhiều vấn đề lớn liên quan đến sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, đến bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc. Việc cân bằng trong mối quan hệ với các nước lớn, xây dựng lòng tin trong quan hệ với các nước đối tác chiến lược, các nước láng giềng, các nước bạn bè truyền thống đang là một bài toán khó hiện nay. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh giao lưu, hợp tác với thế giới của Việt Nam với phương châm “đôi bên cùng có lợi” đang đặt ra nhiều thách thức, đòi hỏi Việt Nam phải xử lý

linh hoạt trong các mối quan hệ. Đặc biệt, hiện nay tình hình thế giới và khu vực có những thay đổi hết sức phức tạp, khó lường, nhất là vấn đề tranh chấp vùng biển, vùng trời đang căng thẳng, ảnh hưởng hoặc trực tiếp, đe dọa đến độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Do vậy, việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, trong đó, nghiên cứu tư tưởng “thêm bạn bớt thù” trong hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1945-1954 nói riêng để kịp thời đề ra các chủ trương, chính sách ngoại giao khoa học, phù hợp với xu thế mới trong sự thay đổi phức tạp của thế giới và khu vực có giá trị và ý nghĩa to lớn đối với cách mạng Việt Nam hiện nay.

2. TƯ TƯỞNG THÊM BẠN BỚT THÙ TRONG HOẠT ĐỘNG NGOẠI GIAO CỦA HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 1945-1954.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, V.I.Lênin khẳng định: “Chỉ có thể thắng một kẻ thù mạnh hơn bằng một nỗ lực hết sức lớn và với một điều kiện bắt buộc là phải lợi dụng một cách hết sức tỉ mỉ, hết sức khôn khéo bất cứ một rạn nứt bé nhỏ giữa các kẻ thù, cũng như phải lợi dụng mọi khả năng dù bé nhỏ nhất để có được một bạn đồng minh về số lượng, dù đó là bạn đồng minh tạm thời, bấp bênh, ít chắc chắn và ít tin cậy” [9, tr.68]. Kế thừa quan điểm trên của V.I.Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Muốn làm cách mạng thắng lợi thì phải biết phân biệt rõ ai là bạn, ai là thù, phải thực hiện thêm bầu bạn, bớt kẻ thù” [8, tr.453]. Do vậy, trong đối sách ngoại giao, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tìm cách giảm bớt kẻ thù để tránh cùng lúc đối đầu với nhiều kẻ thù. Đồng thời, Người xác định kẻ thù chính để tập trung mũi nhọn đấu tranh với chúng. Sau khi cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, cách mạng Việt Nam rơi vào tình thế rất khó khăn, thù trong, giặc ngoài. Để giải quyết khó khăn ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra đường lối ngoại giao mềm dẻo, linh hoạt với phương châm “làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết” [1, tr. 32]. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh nguyên tắc của ngoại giao là phải làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết. Do vậy, Người luôn đặt cách mạng Việt Nam trong dòng chảy của cách mạng thế giới, luôn tìm cách vận động sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ các nước, mở rộng sự đoàn kết quốc tế trên cơ sở độc lập, tự chủ, toàn vẹn lãnh thổ. Để thực hiện nguyên tắc trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh, tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa và ra tờ báo “Người cùng khổ” (1921 - 1926) nhằm tăng cường sự đoàn kết giữa những người yêu nước Việt Nam với những người yêu nước ở các nước thuộc địa. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1945-1954, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện thành công chủ trương “ba tầng mặt trận” để phát huy sức mạnh tổng hợp

toàn dân tộc: Mặt trận đoàn kết nhân dân trong nước, Mặt trận đoàn kết nhân dân Việt - Lào - Campuchia và Mặt trận đoàn kết nhân dân thế giới, tạo ra sức mạnh vô cùng to lớn của cách mạng Việt Nam, tạo tiền đề cho những thắng lợi quan trọng cho dân tộc, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Nguyên tắc ngoại giao là phải làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết. Tuy nhiên, trong hoạt động ngoại giao, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn xác định kẻ thù chính, kẻ thù chủ yếu của cách mạng Việt Nam để tập trung mũi nhọn vào chúng - Thực dân Pháp. Do đó, Người yêu cầu cách mạng Việt Nam phải tập trung toàn bộ lực lượng chống thực dân Pháp để giành độc lập, tự do cho dân tộc. Đối với Anh, Mỹ, Tưởng thì tránh xung đột trực tiếp, luôn giao thiệp thân thiện nhưng có nguyên tắc. Đối với bọn tay sai của quân Tưởng, một mặt vừa mềm dẻo thuyết phục tranh thủ những người có tư tưởng yêu nước; mặt khác tìm cách phân hóa bọn cầm đầu, thuyết phục chúng chấp nhận hòa hoãn nhưng kiên quyết ngăn chặn những hành động phá hoại của chúng.

Nét nổi bật trong tư tưởng ngoại giao “thêm bạn, bớt thù” của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1945-1954 mang tính nhân văn cao cả, được thể hiện rõ nét trong cách đối đãi với kẻ thù, đặc biệt là các tù binh chiến tranh. Khi chiến tranh chống Pháp kết thúc, Người yêu cầu cách mạng Việt Nam thực hiện chính sách khoan dung, độ lượng đối với những tù binh chiến tranh. Trong thực tiễn, Người không chỉ nêu lên nhiều quan điểm thể hiện tính nhân văn cao cả trong tư tưởng “thêm bạn, bớt thù”, mà cả trong hành động, Người luôn tìm mọi cách để đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho tù binh Pháp, thậm chí nhường miếng cơm, manh áo cho họ. Rất nhiều tù binh Pháp cảm kích và xúc động trước tấm lòng yêu thương con người của Chủ tịch

Hồ Chí Minh. Không chỉ với tù binh Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn dành nhiều tình cảm cho những người phụ nữ ở Pháp, đồng cảm với sự xa cách, thậm chí những mất mát không thể nào bù đắp được. Vì sự ích kỷ, viễn vông về sự bá chủ thế giới của thực dân Pháp mà chồng, con họ đã bị đẩy vào một cuộc chiến phi nghĩa, bị nhân loại lên án. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Tôi nghiêng mình trước anh hồn những chiến sĩ và đồng bào Việt Nam đã vì Tổ quốc mà hy sinh tính mệnh. Tôi cũng ngậm ngùi thương xót cho những người Pháp đã tử vong. Than ôi, trước lòng bác ái, thì máu Pháp hay máu Việt cũng đều là máu, người Pháp hay người Việt cũng đều là người” [3, tr. 51]. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tìm được điểm chung trong những người cùng cảnh ngộ, cùng mất mát đau thương, qua đó đoàn kết họ lại tạo thành sức mạnh vô địch trong cuộc đấu tranh vì chính nghĩa, góp phần mang lại những thắng lợi trên mặt trận đối ngoại. Đây là cơ sở để Chủ tịch Hồ Chí Minh hình thành đường lối ngoại giao “thêm bạn bớt thù”, “bốn phương vô sản đều là anh em”.

Bên cạnh đó, để “thêm bạn, bớt thù”, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn chủ trương khoan hồng với những người Việt Nam đã từng làm tay sai cho đế quốc, thực dân. Trong quá trình xâm lược nước ta, các đế quốc, thực dân luôn cấu kết với lực lượng phản động trong nước, thi hành chính sách thâm độc “dùng người Việt đánh người Việt”. Vì vậy, để chống chủ nghĩa thực dân, đặc biệt là chủ nghĩa thực dân mới với sự trá hình, Chủ tịch Hồ Chí Minh có chủ trương cô lập kẻ thù đế quốc bằng cách cảm hóa, lôi kéo những người Việt lầm đường, lạc lối để trở về với chính nghĩa, với dân tộc; loại bỏ “vây cánh”, phân tử tay sai của chúng. Xuất phát từ quan điểm đó, Người chủ trương: “Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ” [4, tr. 438]. Từ đó, dân tộc ta luôn đoàn kết thống nhất một lòng, tạo thành sức mạnh tập thể để vượt qua mọi thách thức, khó khăn

trong đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước. Bên cạnh đó, để thêm đồng minh, giảm bớt kẻ thù, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn yêu cầu nhân dân ta phải phân biệt rõ thực dân Pháp hiếu chiến với nhân dân Pháp tiến bộ, yêu chuộng hòa bình, dân chủ để tranh thủ sự ủng hộ và đoàn kết với nhân dân Pháp. Người khẳng định với nhân dân Pháp tiến bộ: “Chúng tôi bao giờ cũng muốn cộng tác với dân tộc Pháp như anh em, trong hòa bình và tin tưởng lẫn nhau” [6, tr. 24]. Hay trong bức thư gửi ông G. Xanhtony năm 1947 - thời điểm chiến tranh giữa nước ta và Pháp đang trong giai đoạn quyết liệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Bạn thân mến!...Tôi muốn được nhắc lại với ông, mặc dù mọi việc đã xảy ra, giữa ông và tôi, chúng ta vẫn còn là bạn. Và tôi cũng có thể khẳng định với ông, nhân dân hai nước chúng ta cũng vẫn là bạn của nhau” [3, tr. 79].

Để thực hiện nguyên tắc “thêm bạn, bớt thù”, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương ngoại giao gắn với hòa bình, hòa hiếu. Kế thừa truyền thống yêu chuộng hòa bình, trọng hòa hiếu của dân tộc, cũng như kế thừa những giá trị văn hóa của Đông - Tây về một thế giới đại đồng, tự do, bình đẳng, bác ái, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên nhấn mạnh và đặt lên trên hết nguyện vọng về nền hòa bình hợp tác, hữu nghị, bình đẳng, không có chiến tranh. Ngay cả trong giai đoạn chiến tranh diễn ra ác liệt từ năm 1945-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn bày tỏ thiện chí muốn đàm phán để giải quyết mọi xung đột, kết thúc chiến tranh trong hòa bình. Qua đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định, chính sách ngoại giao của Việt Nam chỉ có một điều quan trọng là luôn muốn thân thiện với tất cả các nước dân chủ trên thế giới để giữ gìn nền hòa bình và Việt Nam luôn trung thành với chính sách hòa bình, quan hệ hợp tác tốt đẹp với các nước theo Hiến Chương Liên hợp quốc. Người nói: “Chúng tôi trung thành với chính sách hòa bình và hợp tác với các nước trên cơ sở năm nguyên tắc chung sống hòa bình” [7, tr. 271]. Trong từng giai đoạn, từng hoàn cảnh cụ thể, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn giữ nguyên tắc

giải quyết mọi xung đột giữa các nước bằng đối thoại, thương lượng để đảm bảo lợi ích của quốc gia và dân tộc. Theo Người, lợi ích của các quốc gia cao nhất đó là nền hòa bình vĩnh viễn, do đó, phải đấu tranh cho hòa bình trên thế giới được bền vững, đó cũng chính là giữ gìn nền hòa bình và lợi ích của chúng ta. Người tuyên bố: “Giữ hòa bình thế giới tức là giữ gìn lợi ích của nước ta” [6, tr. 11]. Bằng tình yêu thương con người, quý trọng sinh mạng con người, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm mọi cách để ngăn chặn xung đột vũ trang, quân sự, đồng thời, tận dụng mọi khả năng và bằng nhiều biện pháp khác nhau để giải quyết mọi xung đột bằng thương lượng, đàm phán để giữ gìn hòa bình. Tư tưởng này được thể hiện rất rõ khi Người chủ trương “Hoa - Việt thân thiện” để vừa hạn chế hành động chống phá cách mạng Việt Nam của quân Tưởng, vừa có thể tập trung mũi nhọn đối phó với thực dân Pháp. Hiệp định sơ bộ (6-3) và Tạm ước (14-9) năm 1946 cũng là một ví dụ điển hình của chủ trương ngoại giao “thêm bạn, bớt thù”, phân hóa kẻ thù, ưu tiên đối thoại nhằm kéo dài hòa bình, đồng thời tranh thủ thời gian hòa hoãn để chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến trường kỳ sau này.

Trong khi cuộc chiến tranh đang diễn ra ác liệt trong giai đoạn 1945-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khéo léo, linh hoạt giữ vững nguyên tắc hòa bình, hòa hiếu trong mọi trường hợp, chúng ta luôn chủ động, với thiện chí giải quyết mọi bất đồng bằng thương lượng để tránh tổn thất sức người và sức của. Trong Lời kêu gọi Chính phủ và nhân dân Pháp ngày 10 tháng 01 năm 1947, Người viết: “Chúng tôi muốn hòa bình ngay để máu người Pháp và Việt ngừng chảy. Những dòng máu đó chúng tôi đều quý như nhau” [3, tr. 24]; “máu Việt Nam và máu Pháp đổ đã nhiều rồi. Không nên đổ nữa” [2, tr. 511]. Hành động Người giơ tay bịt đầu nòng pháo khi đi thăm khu bảo tàng Normandi ở Pháp năm 1946 là minh chứng hùng hồn nhất cho mong muốn hòa bình và chấm dứt chiến tranh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mặc dù khát vọng

về một nền hòa bình, hòa hiếu, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh đến sự quyết tâm chống lại mọi kẻ thù xâm lược với tinh thần “thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ” để bảo vệ nền độc lập cho dân tộc. Người nói: “Đế quốc chủ nghĩa là nguồn gốc của chiến tranh” [3, tr. 486], do đó, muốn giữ gìn hòa bình một cách thiết thực thì phải ra sức chống đế quốc chủ nghĩa. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tôn trọng hòa bình, tuy nhiên chúng ta buộc phải chấp nhận chiến tranh không có nghĩa là đồng lõa với cái ác, cái phi nghĩa, tàn bạo, mà chấp nhận chiến tranh mục đích để bảo vệ lẽ phải, bảo vệ tính chính nghĩa, đó không phải là tội đồ mà trái lại đó là sự hy sinh cao cả của những con người có trái tim nhân hậu, của một dân tộc yêu chuộng hòa bình, dũng cảm và có trách nhiệm trước dân tộc. Thực tiễn lịch sử đấu tranh của dân tộc Việt Nam đã chứng minh một điều tưởng chừng là phi lý, nhưng thực tế là chân lý: “Muốn đi tới hòa bình có khi phải chiến tranh” [2, tr.146]. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh là cuộc chiến tranh chính nghĩa, cuộc đấu tranh để giành độc lập cho dân tộc Việt Nam, đồng thời cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc bị áp bức bóc lột trên thế giới giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc để hướng tới một nền hòa bình thực sự của nhân loại. Người khẳng định: “Đánh đuổi đế quốc Pháp - Mỹ không phải là lợi ích riêng cho nước ta, mà cũng làm yếu thế lực đế quốc, góp phần giữ gìn hòa bình thế giới” [5, tr. 273]. Với đường lối ngoại giao yêu chuộng hòa bình, hòa hiếu, bằng những lời nói hết sức chân thành, thấu tình đạt lý của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm xúc động hàng triệu trái tim cùng cảnh ngộ của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới. Vì lẽ đó, cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập, tự chủ của dân tộc Việt Nam đã nhận được sự ủng hộ to lớn của nhân dân thế giới và Chủ tịch Hồ Chí Minh được ghi nhớ không chỉ là người anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam mà còn là anh hùng suốt đời đấu tranh không khoan nhượng để xóa bỏ mọi bất công, bất bình đẳng trên thế giới này.

Như vậy, tư tưởng ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh về “thêm bạn bớt thù” trên nguyên tắc hòa bình, hòa hiếu có sự thống nhất biện chứng giữa hai điều tưởng chừng như mâu thuẫn với nhau, đó là, tận dụng mọi cơ hội để giải quyết chiến tranh bằng thương lượng, hòa bình, đồng thời cũng kiên quyết sử dụng bạo lực cách mạng để tiến hành

chiến tranh chống đế quốc, giành độc lập cho dân tộc. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh Người sử dụng phương án nào thì mục đích cuối cùng vẫn là hướng tới một nền độc lập thực sự của dân tộc, và hơn hết đó là hướng tới một thế giới hòa bình, dân chủ, tiến bộ và phát triển của nhân loại.

3. GIÁ TRỊ LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG “THÊM BẠN BỚT THÙ” TRONG HOẠT ĐỘNG NGOẠI GIAO CỦA HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 1945-1954.

Tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam nói chung và tư tưởng “thêm bạn bớt thù” trong hoạt động ngoại giao giai đoạn 1945-1954 nói riêng là một di sản tinh thần vô cùng quý báu của dân tộc Việt Nam, nhất là trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do cho Tổ quốc, tư tưởng ấy càng tỏa sáng rực rỡ và trở thành ngọn đuốc soi đường, dẫn dắt cho cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Do vậy, tư tưởng “thêm bạn bớt thù” trong hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1945-1954 có giá trị lịch sử to lớn:

Một là, tư tưởng “thêm bạn bớt thù” trong hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1945-1954 góp phần định hướng cho cách mạng Việt Nam đẩy mạnh chiến lược ngoại giao nhằm hạn chế đối đầu cùng một lúc nhiều kẻ thù, tiến tới phân hóa, cô lập kẻ thù. Đồng thời, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các nước láng giềng, các nước xã hội chủ nghĩa, nhân dân tiến bộ Pháp, các lực lượng yêu chuộng hòa bình, công lý trên thế giới, để đấu tranh giành độc lập cho dân tộc; tư tưởng “thêm bạn bớt thù” trong hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1945-1954 là cơ sở khoa học để cách mạng Việt Nam đề ra sách lược nhằm đánh bại chủ trương đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp, đẩy lùi nguy cơ và thời gian chiến tranh lan rộng ra cả nước, tranh thủ xây dựng, củng cố lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài với thực dân Pháp. Ngoài ra, tư tưởng “thêm bạn bớt thù”

trong hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1945-1954 còn là cơ sở lý luận và phương pháp luận khoa học cho đường lối đối ngoại trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta sau này.

Hai là, tư tưởng “thêm bạn bớt thù” trong hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1945-1954 góp phần quan trọng vào thắng lợi của cách mạng Tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, tiến tới xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân; góp phần bảo vệ thành quả cách mạng và sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc thành công của dân tộc ta. Bên cạnh đó, tư tưởng “thêm bạn bớt thù” trong hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1945-1954 còn góp phần đánh bại ý chí tiếp tục chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, buộc Pháp phải chấp nhận đàm phán để kết thúc chiến tranh ở Việt Nam.

Ba là, tư tưởng “thêm bạn bớt thù” trong hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1945-1954 đặt nền móng cho đường lối ngoại giao hòa bình, hòa hiếu, hợp tác, hữu nghị, hội nhập quốc tế sâu rộng ở nước ta hiện nay. Tư tưởng này trở thành kim chỉ nam định hướng cho hoạt động đối ngoại của Việt Nam, khẳng định vị thế một Quốc gia yêu chuộng hòa bình, tôn trọng và hợp tác với bạn bè quốc tế.

4. Ý NGHĨA THỜI ĐẠI TƯ TƯỞNG “THÊM BẠN BỚT THÙ” TRONG HOẠT ĐỘNG NGOẠI GIAO CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 1945-1954 ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM HIỆN NAY.

Hiện nay, tình hình thế giới và khu vực đang có những biến động phức tạp, khó lường, khó dự đoán. Xu hướng hòa bình, hợp tác phát triển vẫn là mục tiêu chung của thời đại, nhưng đang đối diện với nhiều thách thức. Sự cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc diễn ra dưới nhiều hình thức, ngày càng gay gắt và phức tạp, làm tăng thêm các yếu tố bất định và rủi ro cho môi trường kinh tế, chính trị, và an ninh quốc tế, khu vực. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, bao gồm Đông Nam Á, trở thành trung tâm của những cuộc cạnh tranh căng thẳng giữa các cường quốc, với nhiều yếu tố bất ổn tiềm ẩn. Tranh chấp chủ quyền biên giới, biển đảo diễn ra ngày càng căng thẳng, phức tạp. Hòa bình, ổn định, tự do, an ninh và an toàn hàng hải, hàng không trên Biển Đông đối mặt với những thách thức, tiềm ẩn nguy cơ xung đột. Đồng thời, các vấn đề như biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường, sự lây lan của bệnh truyền nhiễm, phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, chủ nghĩa khủng bố và các lực lượng cực đoan ngày càng lan rộng...

Trước sự tác động của tình hình thế giới và khu vực, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ động đề ra các chủ trương, chính sách đối ngoại nhằm thích ứng với tình hình mới. *Về mục tiêu*: Đối ngoại phải bảo đảm cao nhất lợi ích Quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi; *Về phương hướng*: Đối ngoại phải chủ động, tích cực triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, bao gồm đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân, đối ngoại của các cấp, các ngành, các địa phương; *Về nhiệm vụ cơ bản*: Đối ngoại phải phát huy vai trò tiên phong trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển và bảo vệ đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước.

Sau hơn 38 năm đổi mới, dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh và sự lãnh đạo của Đảng

Cộng sản Việt Nam, lĩnh vực đối ngoại đã gặt hái được những thành tựu quan trọng, có ý nghĩa lịch sử. *Một là*, củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển, tích cực gia nhập các tổ chức, các diễn đàn quốc tế như: Việt Nam đã tham gia Hiệp định thương mại tự do ASEAN (AFTA), gia nhập một loạt các cơ chế đa phương quan trọng như Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM) năm 1996, Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) năm 1998, Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 2007. Đặc biệt, lần đầu tiên trong lịch sử, Việt Nam có quan hệ chính thức với tất cả các nước lớn, kể cả 5 nước Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; tháng 5/2008 thiết lập quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc; ngày 13/7/2001, ký kết Hiệp định thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ, ngày 10/9/2023 Việt Nam và Hoa Kỳ đã nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược toàn diện vì hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững; ngày 7/10/2024, sau hơn nửa thế kỷ thiết lập quan hệ ngoại giao, Việt Nam và Pháp đã nâng cấp quan hệ lên Đối tác chiến lược toàn diện, mở ra thời kỳ mới - thời kỳ hợp tác, ổn định và phát triển. *Hai là*, hội nhập kinh tế quốc tế có nhiều đột phá. Chúng ta thiết lập hơn 220 đối tác thương mại, trong đó, 71 quốc gia công nhận quy chế kinh tế thị trường. Vị thế và hình ảnh của đất nước không ngừng được nâng cao. Hai lần làm chủ tịch ASEAN (2010, 2020), hai lần tổ chức Hội nghị APEC (2006, 2027), hai lần trúng cử Ủy viên không thường trực Hội đồng bảo an Liên hiệp quốc (nhiệm kỳ 2008-2009 và 2020-2021). *Ba là*, giải quyết hòa bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan. Đàm phán thành công với Malaysia về giải pháp “gác tranh chấp, cùng khai thác” ở vùng biển chồng lấn giữa hai nước. Ký kết với Trung Quốc Hiệp ước về

phân định biên giới trên bộ, Hiệp định phân Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác về nghề cá ngày 2/4/2002. *Bốn là*, thực hiện tốt công tác chăm lo cho cộng đồng, phát huy nguồn lực của kiều bào ở nước ngoài. Thời gian qua, chúng ta đã triển khai công tác bảo hộ cho hơn 50 ngàn công dân, triển khai gần 800 chuyến bay để đưa hơn 200 ngàn công dân về nước an toàn trong đại dịch Covid-19... Tuy nhiên, trước sự tác động của bối cảnh thế giới và khu vực, Việt Nam cũng đang đứng trước những thách thức rất lớn, đặc biệt trong vấn đề xử lý mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; bảo đảm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững hòa bình, ổn định, để xây dựng và phát triển đất nước theo con đường chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện, hoàn cảnh quốc tế và trong nước có những biến đổi khó lường, việc nghiên cứu hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, nghiên cứu tư tưởng “thêm bạn bớt thù” trong hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh giai đoạn 1945-1954 để kịp thời đề ra những chủ trương, đường lối đối ngoại khoa học trong sự thay đổi phức tạp của thế giới là việc làm có ý nghĩa thời đại to lớn đối với cách mạng Việt Nam hiện nay.

Một là, tư tưởng “thêm bạn bớt thù” trong hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1945-1954 là “*kim chỉ nam*” định hướng cho Đảng, Nhà nước hoạch định các đường lối, chính sách đối ngoại của Việt Nam thời kỳ đổi mới; tư tưởng “thêm bạn bớt thù” trong hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh giai đoạn 1945-1954 là động lực tinh thần to lớn để Việt Nam tiếp tục thực hiện

đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường gắn với mở rộng quan hệ quốc tế, vì mục tiêu hòa bình, độc lập và tiến bộ xã hội. Ngoài ra, tư tưởng “thêm bạn bớt thù” trong hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1945-1954 còn cung cấp cơ sở lý luận cho các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền và Nhà nước thực hiện cuộc đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình” trên mặt trận đối ngoại, chống lại các thế lực thù địch xuyên tạc đường lối, chính sách đối ngoại của Việt Nam thời kỳ đổi mới.

Hai là, tư tưởng “thêm bạn bớt thù” trong hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1945-1954 góp phần tác động đến việc nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trước sự thay đổi nhanh chóng và phức tạp của tình hình thế giới và khu vực những thập niên đầu thế kỷ XXI; là cơ sở thực tiễn để Đảng, Nhà nước xây dựng, bổ sung, phát triển và hoàn thiện các chủ trương, đường lối đối ngoại trong thời kỳ đổi mới, chuyển các quan hệ quốc tế từ đối đầu sang đối thoại, hợp tác sâu rộng trên tinh thần “đôi bên cùng có lợi”, vì lợi ích thiết thực của nhân dân các nước với phương châm “gác lại quá khứ, hướng tới tương lai” vì một ngày mai tốt đẹp hơn. Bên cạnh đó, tư tưởng “thêm bạn bớt thù” trong hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh giai đoạn 1945-1954 góp phần to lớn để mặt trận đối ngoại gặt hái được những thành tựu quan trọng trên tất cả các mặt của đời sống xã hội, góp phần nâng cao uy tín, địa vị và hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế.



5. KẾT LUẬN

Tư tưởng “thêm bạn bớt thù” trong hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1945-1954 có giá trị lý luận và thực tiễn quan trọng, giúp cách mạng Việt Nam vượt qua những khó khăn trong cách mạng, giành lấy những thắng lợi to lớn trước thực dân Pháp xâm lược. Ngoài ra, tư tưởng đó còn có ý thời đại to lớn trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam hiện nay, khi tình hình thế giới và khu vực đang thay đổi nhanh chóng và phức tạp, việc vận dụng tư tưởng ngoại giao “thêm bạn bớt thù” của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1945-1954 để xây dựng các chính sách đối ngoại mới, phù hợp nhằm mở rộng và củng cố quan hệ quốc tế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Do vậy, chúng ta cần quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh là một kho tàng quý báu, là một di sản chứa đựng bao giá trị để định hướng cho cách mạng đi đến thành công.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001): *Văn kiện Đảng toàn tập, t.8*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, t.4*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, t.5*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, t.7*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, t.8*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, t.10*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, t.11*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, t.13*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. V.I. Lênin (1980): *Toàn tập, t.41*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva.



THÀNH TỰU GẦN 40 NĂM ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC - CƠ SỞ ĐỂ PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI THÙ ĐỊCH PHỦ NHẬN CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

TS. TRẦN THỊ THÚY CHINH *

TÓM TẮT

Bài viết chỉ ra một số quan điểm sai trái thù địch phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trên cơ sở phân tích, khẳng định những thành tựu đạt được qua gần 40 năm đổi mới đất nước, bài viết đi đến khẳng định các quan điểm sai trái, thù địch phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là hoàn toàn bịa đặt, phi khoa học, trái với thực tiễn đang diễn ra ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: thành tựu đổi mới đất nước, chủ nghĩa xã hội, quan điểm sai trái, thù địch, đấu tranh, phản bác.

Nhận bài: 15/12/2024; đưa vào quy trình biên tập: 15/12/2024; duyệt đăng 25/2/2025.

1. MỞ BÀI

Hiện nay, để thực hiện chiến lược “điễn biến hòa bình” các thế lực thù địch, phản động tăng cường tuyên truyền xuyên tạc, phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Chúng cho rằng: Việt Nam lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là một sai lầm lịch sử, là “đi theo vết xe đổ” của Liên Xô và các nước Đông Âu; Chủ nghĩa xã hội đồng nghĩa với lạc hậu, đói nghèo, kém phát triển; muốn giàu có, thịnh vượng phải từ bỏ chủ nghĩa xã hội, theo chủ nghĩa tư bản;... [1, tr. 8-10]. Đây là luận điệu hoàn toàn bịa đặt, phi khoa học, phi lịch sử, trái với những gì đã và đang diễn ra ở Việt Nam hiện nay. Chúng ta có đầy đủ cơ sở để phản bác những luận điệu sai trái thù địch trên, đặc biệt với những thành tựu đạt được trong gần 40 năm đổi mới đất nước là minh chứng rõ ràng, thuyết phục nhất.

Trong gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước (từ 1986 đến nay), dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu vô cùng to lớn, không thể phủ nhận, đặc biệt là trên các phương diện sau:

2. LÝ LUẬN VỀ ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI, VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM NGÀY CÀNG ĐƯỢC HOÀN THIỆN

Trong quá trình đổi mới đất nước, gắn với sự kiên định, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta không ngừng bổ sung, phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội cho phù hợp với thực tiễn phát triển của từng thời kỳ, làm nền tảng tư tưởng, định hướng cho sự phát triển đất nước, cụ thể:

Một là, lý luận về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng hoàn thiện

Trong gần 40 năm đổi mới, tư duy lý luận của Đảng ta về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được bổ sung, phát triển cụ thể, rõ ràng, đầy đủ hơn. Đảng ta đã nhận thức đầy đủ hơn về tính chất lâu dài, khó khăn, phức tạp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, khẳng định thời kỳ này vừa có tính kế thừa, phủ định biện chứng chủ nghĩa tư bản, vừa xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Do vậy, quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp

lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp vì nó phải tạo ra sự biến đổi sâu sắc về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhận thức mới này đã khắc phục được những biểu hiện nóng vội, đốt cháy giai đoạn, vi phạm quy luật khách quan diễn ra ở thời kỳ trước đổi mới.

Đặc biệt, thời kỳ này Đảng ta đã nhận thức ngày càng rõ về cách thức “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa” ở Việt Nam. Tại Đại hội Đảng lần thứ IX (2001), Đảng ta đã xác định rõ quan niệm về “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa” ở Việt Nam là “bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại” [2, tr. 84]. Như vậy, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua chế độ áp bức, bất công, bóc lột tư bản chủ nghĩa; bỏ qua những thiết chế, thể chế chính trị không phù hợp với chế độ xã hội chủ nghĩa, song phải kế thừa, chất lọc những thành tựu, tinh hoa văn minh mà nhân loại đã đạt được ngay cả trong thời kỳ phát triển tư bản chủ nghĩa trên quan điểm phát triển, có chọn lọc.

Hai là, lý luận về đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam ngày càng hoàn thiện

Mô hình chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng là “một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người; một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn; sự phát triển bền vững, hài hoà với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai; một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân” [3, tr. 9].

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung, trong thời kỳ đổi mới nói riêng, Đảng ta đã thường xuyên bổ sung, phát triển lý luận để cụ thể hóa mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tại Đại hội lần thứ VII, Đảng đề ra Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời

kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Cương lĩnh đã xác định mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam với 06 đặc trưng. Đến Đại hội X, Đảng bổ sung thêm 02 đặc trưng và điều chỉnh nội dung một số đặc trưng trong Cương lĩnh 1991. Đến Đại hội XI, Đảng đã đề ra Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển), trong đó tiếp tục khẳng định 08 đặc trưng và xác định rõ hơn nội dung các đặc trưng nêu ra ở Đại hội trước. Cho đến nay, Đảng ta vẫn tiếp tục khẳng định mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam với 08 đặc trưng sau: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; Do nhân dân làm chủ; Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng; Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Có thể khẳng định, lý luận về đặc trưng mô hình xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày càng được hoàn thiện, là cơ sở để Đảng ta có những quyết sách, đường lối mang tính chất đột phá, đặc biệt trên cơ sở đó xác định phương hướng, con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thực tiễn.

Ba là, lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng hoàn thiện

Trong thời kỳ đổi mới, tư duy lý luận của Đảng về phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng được hoàn thiện, cụ thể hóa, phản ánh được xu thế bối cảnh thế giới và gắn với thực tiễn đất nước ở từng giai đoạn. Tại Đại hội VI (1986) Đảng nêu tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế, đó là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh của đất nước

và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa, điều quan trọng nhất là phải cải biến căn bản tình trạng kinh tế - xã hội kém phát triển, vượt qua mọi rào cản, nhất là những rào cản trong tư duy, nhận thức đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong Cương lĩnh năm 1991, Đảng ta xác định phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đó là: Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân; Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại; không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân; thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu; Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa; Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa; Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước; Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam; nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng; Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm cho Đảng làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, trong Cương lĩnh năm 2011, Đảng ta đã bổ sung, phát triển phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cho phù hợp với tình hình mới, bối cảnh mới. Theo đó, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

trong Cương lĩnh 2011 được xác định với 08 phương hướng, đó là: Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường; Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; Xây dựng nền dân chủ XHCN, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất; Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Đặc biệt, một trong những sáng tạo lý luận quan trọng của Đảng trong xác định phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam, đó là việc xác định rõ 3 trụ cột: Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho sự phát triển đất nước; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là công cụ, phương tiện giải phóng sức sản xuất, phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội Việt Nam; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là hình thức tối ưu bảo đảm quyền lực nhà nước của nhân dân và thực thi, bảo vệ quyền dân chủ của nhân dân.

Tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng ta đã xác định rõ mục tiêu, khát vọng** và 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 [4, tr. 114-120]. Mục tiêu, khát vọng và định hướng này là kết quả tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, tham chiếu kinh nghiệm quốc tế, khẳng định Đảng ta ngày càng làm sáng rõ hơn kiểu quá độ “gián tiếp” từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội phù hợp trình độ, điều kiện của Việt Nam và thích ứng với xu hướng vận động mới của thế giới.

Có thể khẳng định, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng

được bổ sung, phát triển và hoàn thiện dựa trên nền tảng lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước, xu thế

vận động của thời đại. Đó là cơ sở, nền tảng, kim chỉ nam để Việt Nam tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội và đạt được nhiều thành tựu to lớn.

3. SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI ĐẠT ĐƯỢC NHIỀU THÀNH TỰU TO LỚN, TOÀN DIỆN TRÊN CÁC LĨNH VỰC

Thực tiễn gần 40 năm đổi mới đất nước, chúng ta đã đạt những thành tựu to lớn trên các lĩnh vực:

Một là, trên lĩnh vực chính trị

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả rõ rệt; Sức mạnh đại đoàn kết dân tộc được củng cố; dân chủ xã hội chủ nghĩa tiếp tục được phát huy; Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có nhiều tiến bộ, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn; bảo đảm thực hiện đồng bộ các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, vận động đông đảo nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, phát huy ngày càng tốt hơn vai trò đại diện quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân; chủ động tham gia giám sát và phản biện xã hội; làm tốt vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân [5, tr. 337].

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã tạo ra được sự chuyển biến rất tích cực, kết hợp hài hoà, nhuần nhuyễn hơn giữa “xây” và “chống”. Đặc biệt là, công tác cán bộ tiếp tục được coi trọng hơn, đúng mức hơn với vị trí, vai trò là “then chốt của then chốt”. Chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên cũng từng bước được nâng lên, trên cơ sở thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, đặc biệt là kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khoá XIII về vấn đề này. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng tiếp tục được đổi mới, tăng cường trên cơ sở ban hành có chất lượng và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ nhiều quy định mới của Đảng.

Một trong những thành tựu nổi bật trong nửa đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII là Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương “Về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới” được ban hành. Chúng ta đã tổ chức rất thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Trên cơ sở đó, Quốc hội, Chính phủ khoá XV đã sớm kiện toàn bộ máy tổ chức và nhân sự các chức danh lãnh đạo của các cơ quan nhà nước nhiệm kỳ 2021 - 2026 ở Trung ương và địa phương, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Chính phủ và chính quyền các cấp tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; quyết liệt chỉ đạo, thực hiện phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống các cơ quan tư pháp đã có nhiều nỗ lực đẩy mạnh cải cách tư pháp; tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả các hoạt động tư pháp, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Hai là, trên lĩnh vực kinh tế

Hiện nay, xét về quy mô, nền kinh tế của nước ta đang đứng thứ 5 trong khu vực ASEAN và thứ 35 trong tổng số 40 nền kinh tế lớn nhất trên thế giới. GDP năm 2023 của nước ta đạt 435 tỷ USD, trong đó bình quân đầu người khoảng 4.280 USD. Việt Nam từ một nền kinh tế đóng cửa, khép kín đã trở thành một nền kinh tế có mức độ hội nhập toàn cầu, là đối tác thương mại lớn thứ 22 thế giới, với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt gần 700 tỷ USD, thu hút lượng đầu tư lớn từ nước ngoài đạt 23 tỷ USD (năm 2023) [6]. Đặc biệt, từ một nước có nền sản xuất nghèo nàn lạc hậu, kém phát triển, tự cung

tự cấp là chính, hiện nay nước ta đã vươn lên trở thành “quốc gia xuất khẩu” với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2023 là 683 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 354,5 tỷ USD, nhập khẩu đạt 328,5 tỷ USD. Ngay trong quý I năm 2024, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam vẫn đạt trên 178 tỷ USD (tăng 15,5% so với cùng kỳ năm trước), trong đó, xuất khẩu ước đạt 93,06 tỷ USD. Cùng với những kết quả đó thì thứ bậc Thương hiệu quốc gia Việt Nam cũng tăng lên nhanh chóng, nước ta trở thành quốc gia có giá trị thương hiệu tăng trưởng giá trị nhanh nhất toàn cầu trong 05 năm (từ 2019 - 2023), đạt 102% và xếp thứ 33 trong Top 121 thương hiệu quốc gia mạnh trên thế giới tham gia xếp hạng [7].

Ba là, trên lĩnh vực văn hóa - xã hội

Lĩnh vực văn hoá, xã hội tiếp tục được quan tâm chăm lo, đầu tư phát triển, đạt được nhiều kết quả quan trọng, rõ rệt. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa được kế thừa, bảo tồn và phát huy. Văn hóa trong chính trị và trong kinh tế bước đầu được coi trọng và phát huy hiệu quả tích cực... Hệ thống giáo dục quốc dân từng bước được củng cố và sắp xếp lại. Hoàn thành và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục. Chất lượng giáo dục phổ thông được nâng lên. Tự chủ đại học được đẩy mạnh, thứ hạng đại học Việt Nam tăng cao. Bước đầu xây dựng xã hội học tập và tạo điều kiện cho mọi người học tập suốt đời. Việt Nam tập trung hoàn thành xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000 và phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2010; số sinh viên đại học, cao đẳng tăng gần 17 lần trong 35 năm qua [8, tr. 32]. Năm 2019, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đạt mức 0,704, thuộc nhóm nước có HDI cao của thế giới, nhất là so với các nước có cùng trình độ phát triển [9, tr. 32-33].

Bảo đảm cơ bản an sinh xã hội, quan tâm nâng cao phúc lợi xã hội cho người dân; thực hiện ngày càng tốt hơn chính sách đối với người có công; tiếp tục cải thiện chính sách

tiền lương; mở rộng bảo hiểm xã hội; tỷ lệ bảo hiểm y tế đạt trên 90%. Hệ thống tổ chức y tế tiếp tục được kiện toàn. Quy mô, năng lực, chất lượng y tế dự phòng, khám, chữa bệnh, phòng, chống dịch, chăm sóc sức khỏe nhân dân có bước phát triển, tiếp cận được nhiều kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đạt nhiều kết quả quan trọng. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm còn dưới 3%; đã hoàn thành các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ, trong đó có nhiều mục tiêu về giảm nghèo, y tế, giáo dục hoàn thành trước thời hạn, được đánh giá là điểm sáng; đang tích cực triển khai thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 [10, tr. 64].

Bốn là, trên lĩnh vực quốc phòng an ninh

Tiếp tục giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng; sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với quốc phòng, an ninh và lực lượng vũ trang. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước [11, tr. 67-68]. Xử lý linh hoạt, cân bằng, hài hoà quan hệ với các nước láng giềng, các nước lớn, các nước trong khu vực cũng như các tình huống phức tạp trên biển và tuyến biên giới. Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, an ninh, an toàn cho các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước. Năm 2023, Việt Nam nằm trong nhóm các quốc gia cải thiện thứ hạng về chỉ số hòa bình, tăng 4 hạng lên vị trí 41/163 quốc gia và vùng lãnh thổ [12].

Năm là, trên lĩnh vực đối ngoại

Quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế tiếp tục được mở rộng và đi vào chiều sâu, tạo khung khổ quan hệ ổn định và bền vững với các đối tác. Chủ động tham gia xây dựng các nguyên tắc, chuẩn mực trong các thể chế đa phương khu vực và toàn cầu; xử lý đúng đắn, hiệu quả quan hệ với các nước láng giềng, các nước lớn, các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và các đối tác khác. Đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân được triển khai đồng bộ và toàn diện [13, tr. 69]. Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế tiếp tục được mở rộng và đạt nhiều kết quả quan trọng. Từ một nước bị bao vây, cấm vận, đến nay Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 193 nước, trong đó có 7 nước đối tác chiến lược toàn diện, 11 nước đối tác chiến lược và 12 nước đối tác toàn diện [14]. Qua đó, vị thế và uy tín của Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế.

Những thành tựu đạt được trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội gần 40 năm đổi mới là hết sức to lớn: chính trị ổn định; kinh tế không ngừng tăng trưởng, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao,... như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Xét trên nhiều phương diện, người dân Việt Nam ngày nay đang có các điều kiện sống tốt hơn so với bất cứ thời kỳ nào trước đây... Những thành tựu đổi mới tại Việt Nam đã chứng minh rằng:

Phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa không những có hiệu quả tích cực về kinh tế mà còn giải quyết được các vấn đề xã hội tốt hơn nhiều so với các nước tư bản chủ nghĩa có cùng mức phát triển kinh tế” [15, tr. 33]. Đây là minh chứng để giải thích vì sao công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo được toàn dân tộc đồng tình, ủng hộ, chung sức, đồng lòng cùng thực hiện. Đó là. Đó là cơ sở, minh chứng sinh động phản bác các quan điểm sai trái, thù địch phủ định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Tóm lại, Qua gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, hơn 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. “Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay” [16, tr. 25-26]. Với những thành tựu đó, có thể khẳng định rằng: Việt Nam lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội “là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử” [17, tr. 70]. Đây là cơ sở quan trọng, xác đáng để chúng ta bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.



CHỦ THÍCH

⁽¹⁾ Mục tiêu, khát vọng phát triển đất nước “phồn vinh, hạnh phúc”, phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”, cụ thể là: “1. Đến năm 2025: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; 2. Đến năm 2030: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; 3. Đến năm 2045: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao”

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Nguyễn Tuấn Anh, Phạm Thị Như Quỳnh (2023): Ban Chỉ đạo 35 Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Đấu tranh phân bác các quan điểm sai trái, thù địch về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam giai đoạn hiện nay*.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Nguyễn Phú Trọng (2022): *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Hội đồng Lý luận Trung ương (2020): *30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. <https://tuoitre.vn/viet-nam-dung-thu-35-trong-nhom-40-nen-kinh-te-lon-nhat-the-gioi-20240329111536528.htm>.
7. <https://ttdn.vn/nguyen-cuu-trao-doi/bai-2-thanh-tuu-kinh-te-luan-cu-danh-thep-phan-bac-moi-xuyen-tac-103449>.
8. Nguyễn Phú Trọng (2022): *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
9. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ*

nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

12. Ngọc Anh, “Việt Nam tăng hạng trong Chỉ số Hòa bình toàn cầu năm 2023”, Báo Quân đội nhân dân, <https://www.qdnd.vn/xa-hoi/tin-tuc/viet-nam-tang-hang-trong-chi-so-hoa-binh-toan-cau-nam-2023-733389>.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

14. <https://thanhnien.vn/diem-sang-an-tuong-cua-nganh-ngoai-giao-viet-nam-185240325084252359.htm>.

15. Nguyễn Phú Trọng (2022): *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.



GIÁO DỤC, RÈN LUYỆN CHUẨN MỤC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN THEO QUY ĐỊNH 144 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÌ MỘT VIỆT NAM PHÁT TRIỂN PHỒN VINH, HÙNG CƯỜNG

NGUYỄN VIỆT THANH *
LƯƠNG THỊ HOÀI THANH **

TÓM TẮT

Vấn đề giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm “cốt” mới hoàn thành sự nghiệp cách mạng. Tuy nhiên, hiện nay, vẫn còn một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, phai nhạt lý tưởng, tham nhũng, tiêu cực, làm mất niềm tin của nhân dân. Bài viết đánh giá thực trạng đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, đề xuất giải pháp tăng cường giáo dục và rèn luyện đạo đức cách mạng theo Quy định 144-QĐ/TW Quy định 144 của Bộ Chính trị (ngày 9/5/2024) về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới (Quy định 144) vì một Việt Nam phát triển phồn vinh là nhiệm vụ vừa cơ bản, lâu dài, vừa cấp bách trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay.

Từ khóa: Cán bộ, chuẩn mực đạo đức, đảng viên, đạo đức cách mạng, Quy định 144 của Bộ Chính trị.

Nhận bài: 11/12/2024; đưa vào quy trình biên tập: 11/12/24; duyệt đăng 25/2/2025.

1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC, RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định đạo đức là nền tảng, là gốc của người cách mạng. Cách mạng là một sự nghiệp vĩ đại, người cách mạng phải có đạo đức cách mạng thì mới hoàn thành được sự nghiệp ấy. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người rất chú ý nêu cao thực hành đạo đức cách mạng, đặc biệt là Người luôn chú trọng công tác giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Trong Di chúc của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng” [13, tr. 622]. “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải

có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân” [9, tr. 92].

Đạo đức cách mạng mà Đảng Cộng sản Việt Nam xây dựng là đạo đức cộng sản, dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát triển giá trị truyền thống quý báu của dân tộc và tinh hoa văn hóa đạo đức nhân loại; thể hiện tư duy biện chứng, thống nhất giữa nhận thức và hành động cách mạng trong đường lối, chiến lược độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Đối với cán bộ, đảng viên đạo đức cách mạng là gốc, nền tảng. Chỉ khi cán bộ, đảng viên nhận thức và hành động đúng đắn, chuẩn xác các chuẩn mực đạo đức cách mạng mới tạo nên sự thống nhất cao, sức mạnh lớn

của toàn Đảng, đẩy lùi nhận thức sai trái, lệch chuẩn, ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của Đảng. Chuẩn mực đạo đức cách mạng là những nguyên tắc mang tính mực thước, điều chỉnh hành vi của cán bộ, đảng viên gắn với lý tưởng cộng sản, tạo cơ sở để cán bộ, đảng viên học tập suốt đời tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, tinh thần phụng sự, cống hiến vì một Việt Nam phát triển phồn vinh, hạnh phúc, hùng cường. Chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới ra đời có ý nghĩa sâu sắc, góp phần phát huy sức mạnh nội sinh của Đảng và cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên là nội dung trọng tâm của xây dựng Đảng về đạo đức. Trải qua quá trình liên tục giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng, đội ngũ cán bộ, đảng viên đã không ngừng lớn mạnh, trưởng thành về lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị, là những tấm gương cao đẹp, mẫu mực về phẩm chất đạo đức, lối sống; nêu cao tinh thần yêu nước, hăng hái đi đầu trong lao động sản xuất, học tập, công tác và chiến đấu, cống hiến tâm huyết, sức lực, trí tuệ của mình cho sự nghiệp cách mạng của Đảng. Nhiều người trong số đó đã hy sinh cả cuộc đời mình cho mục đích, lý tưởng cách mạng của Đảng; vì độc lập, thống nhất của Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của nhân dân.

Trong bối cảnh thế giới, khu vực thay đổi nhanh chưa từng thấy, có nhiều bất định, bất ổn, đột biến và rủi ro khó lường như hiện nay, các thế lực thù địch, phản động lợi dụng việc một số cán bộ, đảng viên vi phạm, bị xử lý kỷ luật, xử lý hình sự để đẩy mạnh bôi xấu, xuyên tạc, tiếp tục chống phá Đảng, Nhà nước ta và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên có phẩm chất đạo đức cách mạng, có năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Quy định số 144 của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên

trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, là sự phát triển, bổ sung và hoàn thiện tư tưởng Hồ Chí Minh, tựu trung lại, gồm những điểm cơ bản sau đây:

Một là, yêu nước, tôn trọng Nhân dân, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc. Đây là phẩm chất đạo đức cơ bản, hàng đầu của mỗi cán bộ, đảng viên, bao trùm nhất, chi phối các phẩm chất khác. Trung thành vô hạn với mục tiêu lý tưởng của Đảng và dân tộc, tham gia tích cực vào việc thực hiện công cuộc đổi mới vì một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc. Luôn tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; hết lòng, hết sức phục vụ nhân, giải quyết kịp thời những nguyện vọng chính đáng của dân; khắc phục thói vô cảm trước những khó khăn, bức xúc của nhân dân, chống bệnh quan liêu. “Đặt lợi ích quốc gia - dân tộc, lợi ích chung của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân lên trên hết, trước hết; kiên quyết, kiên trì đấu tranh với mọi hành vi gây phương hại đến lợi ích quốc gia - dân tộc, lợi ích của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân” [3]. Đó mới thật là phẩm chất đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên.

Hai là, bản lĩnh, đổi mới, sáng tạo, hội nhập. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, sắt son lòng trung thành với Đảng, vì nước quên thân vì dân phục vụ, đặt lợi ích của Đảng, quốc gia, dân tộc, tập thể, lên trên lợi ích cá nhân. Nêu cao ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, quyết tâm vượt qua mọi thử thách, khơi dậy tinh thần, nghị lực, ý chí và khát vọng cống hiến suốt đời vì mục tiêu lý tưởng của Đảng, xây dựng chủ nghĩa xã hội, đem lại phồn vinh cho đất nước, hạnh phúc cho nhân dân, sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Dám nghĩ; dám nói; dám làm; dám chịu trách nhiệm; dám đổi mới, sáng tạo; dám đương đầu với khó khăn, thử thách, càng khó khăn, càng bình tĩnh, càng sáng suốt; dám hành động vì lợi ích chung, vì nước, vì dân, nghĩ đến tiền đồ của dân tộc. Tích cực công tác,

lao động sáng tạo, năng suất cao, chất lượng, hiệu quả; biết quý trọng công sức lao động và tài sản của tập thể, của nhân dân. Phải biết làm người công bộc tận tụy, trung thành của nhân dân. Công trạng thì của nhân dân, gương mẫu nhận khuyết điểm, sau đó sửa sai. Mềm dẻo, linh hoạt, làm việc phải nghĩ xa, đối với kẻ địch phải mưu lược, khôn khéo. Xử lý khôn khéo để không mất lòng bạn bè quốc tế, giữ vững tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung. Trên cơ sở bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, vừa hợp tác vừa đấu tranh, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

Ba là, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, một trong những chuẩn mực quan trọng được nhấn mạnh trong Quy định 144 là Điều 3. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi cần, kiệm, liêm, chính là bốn đức tính cơ bản của con người, giống như “Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc. Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính. Thiếu một mùa thì không thành trời. Thiếu một phương thì không thành đất. Thiếu một đức thì không thành người” [10, tr.117]. Chí công vô tư về thực chất là nối tiếp cần, kiệm, liêm, chính, có quan hệ chặt chẽ với nhau, ai cũng phải thực hiện, song cán bộ, đảng viên phải là người thực hành trước để làm kiểu mẫu cho dân. Xây dựng và thực hiện văn hóa cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong công việc và trong mọi mặt của đời sống xã hội. Nếu cán bộ, đảng viên không giữ đúng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân. Tuyệt nhiên không được để gia đình, người thân, bạn bè, người khác lợi dụng chức vụ, vị trí công tác của mình để trục lợi. Không vì tư lợi, không chút thiên tư, thiên vị, không sa ngã trước những cám dỗ về vật chất, không lãng phí

thời gian, tiền bạc, công sức và các nguồn lực vật chất khác của nhân dân; phải nêu cao lòng tự trọng, giữ gìn phẩm giá, uy tín, danh dự của bản thân và tổ chức đảng. Thiếu sự tu dưỡng, rèn luyện chuẩn mực đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư dễ dẫn đến suy thoái, biến chất, sẽ đánh mất sự trong sạch.

Bốn là, đoàn kết, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm. Đây là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất. Đại đoàn kết toàn dân tộc - cội nguồn sức mạnh của mọi thành công. Cán bộ, đảng viên luôn phát huy ý chí và sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc có ý thức giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng, đoàn kết trong Nhân dân, đoàn kết trong nước, trong cơ quan, đơn vị, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Đặt mình trong tổ chức, trong tập thể, tôn trọng kỷ cương, kỷ luật, nguyên tắc tổ chức của Đảng, cơ quan, đơn vị. Có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc; có lương tâm nghề-nghiệp trong sáng, ra sức cống hiến nhiều nhất cho quê hương, đất nước. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ cá nhân “gia đình - tập thể - xã hội”; quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi, với tinh thần suốt đời phấn đấu hy sinh cho lợi ích chung của Tổ quốc và nhân dân; việc gì lợi cho dân thì quyết chí làm, việc gì hại cho dân thì phải hết sức tránh. Kiên quyết chống bệnh lười biếng, lối sống buông thả, hưởng thụ, vị kỷ, nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít. Rèn luyện đời tư chính trực, trong sáng, giản dị, khiêm tốn, không tự kiêu, tự đại; phát huy ưu điểm, sửa chữa, khắc phục hạn chế, khuyết điểm; không nịnh hót người trên, không xem khinh người dưới; phải để công việc nước lên trên, lên trước việc tư, việc nhà; “dĩ công vi thượng”.

Thực hiện chủ nghĩa nhân văn, sống có nghĩa có tình, thương yêu dân tộc, đồng bào, những người nghèo khổ, có hoàn cảnh khó khăn. Tình yêu thương phải biến thành hành động vì người dân, làm cho người dân đều có cơm ăn áo mặc, được học hành, chữa bệnh, có

chỗ ở. Sống với nhau phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau, thì mới gọi là hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin. Muốn vậy, cán bộ, đảng viên tự phê bình và phê bình, nghiêm chỉnh giúp nhau sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm để cùng tiến bộ.

Năm là, gương mẫu, khiêm tốn, tu dưỡng rèn luyện, học tập suốt đời. Đây là nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong xây dựng nền đạo đức mới, nội dung của nguyên tắc này là sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, tư tưởng và hành động, nhận thức và việc làm. Đối với cán bộ, đảng viên, lời nói đi đôi với việc làm thể hiện bản chất và phẩm chất của người cách mạng. Nói đi đôi với làm đối lập hoàn toàn với thói đạo đức giả, nói nhiều làm ít, nói một đằng làm một nẻo, thậm chí nói mà không làm. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh nói phải đi đôi với làm, xây đi đôi với chống, tu dưỡng đạo đức suốt đời, nêu gương về đạo đức: “Trước hết, mình phải làm gương, gắng làm gương trong anh em và khi đi công tác, gắng làm gương cho dân. Làm gương về cả ba mặt: Tinh thần, vật chất và văn hóa” [8, tr.171]. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong” “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân” [12, tr. 612]. Cán bộ, đảng viên mẫu mực về tinh thần làm việc chủ động, sáng tạo, hăng hái, khoa học, có chương trình, kế hoạch cụ thể trong thực thi công vụ, chức trách, sẵn sàng đảm nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Không né tránh, đùn đẩy, hoặc có tư tưởng trung bình chủ nghĩa, làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm, không dám làm, quyết liệt chống “bệnh” nói không đi đôi với làm, nói một đằng làm một nẻo. Lấy gương người tốt việc tốt hàng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới.

2. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC, RÈN LUYỆN CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG HIỆN NAY

Qua gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu vĩ đại: Kinh tế cũng ngày càng khởi sắc và trên đà phát triển ổn định, quy mô nền kinh tế tăng từ GDP 26,3 tỷ USD trong những năm đầu đổi mới lên 430 tỷ USD vào năm 2023. Thu nhập bình quân đầu người tăng 58 lần, đạt hơn 4.300 USD, và tỷ lệ hộ nghèo giảm đáng kể, chỉ còn 2,9% theo chuẩn nghèo đa chiều. Việt Nam đã trở thành nước có quy mô nền kinh tế lớn thứ 5 trong ASEAN, thứ 35 trong 40 nền kinh tế lớn nhất thế giới. Đời sống của người dân được cải thiện rõ nét, trình độ dân trí ngày càng được nâng cao, con người ngày càng có nhiều điều kiện phát triển toàn diện, v.v. dưới sự lãnh đạo của Đảng đã giúp Việt Nam tích lũy đủ thế và lực cho sự phát triển bứt phá trong giai đoạn mới. Không phải ngẫu nhiên mà Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định rằng đất nước ta đang bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Nhận thức được tầm quan trọng đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên đất nước Việt Nam chính thức bước vào kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra sức giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Cán bộ, đảng viên đã không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, tận lực cống hiến, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, cũng cần thẳng thắn nhìn nhận, vẫn còn một số không nhỏ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ, đảng viên trẻ “chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, thiếu gương mẫu, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, sa vào chủ nghĩa cá nhân, nói chưa đi đôi với làm, vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật” [2]. Họ thờ ơ với các vấn đề chính trị - xã hội và vận mệnh quốc gia. “Tham nhũng, lãng phí trên một số lĩnh vực, địa bàn vẫn còn nghiêm trọng, phức tạp, với những biểu hiện ngày càng tinh vi, gây bức xúc trong xã hội. Tham nhũng

vẫn là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta” [1, tr. 93]. Đó là vấn đề đặc biệt nan giải cần được quan tâm sớm giải quyết. Nếu tình trạng này không được khắc phục kịp thời, không được quan tâm đúng mức thì sẽ không thể tạo ra những cán bộ, đảng viên tiếp theo vừa có tài, vừa có đức. Vì vậy, có thể nói, giáo dục, rèn luyện chuẩn mực đạo đức cách mạng, để cán bộ, đảng viên phải thường xuyên “sửa đổi lối làm việc”, “quét sạch chủ nghĩa cá nhân”, đây là việc làm có ý nghĩa thiết thực, cấp bách.

Nhận định rõ tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, đặc biệt nguy hiểm là sự “trỗi dậy” của chủ nghĩa cá nhân, lối sống xa hoa, thực dụng chạy theo đồng tiền, xem nhẹ các giá trị văn hóa tinh thần; dùng tiền bạc do tham nhũng để mua chức, bất chấp cả liêm sỉ, đạo lý làm người, gây bất bình; phai nhạt lý tưởng cách mạng của Đảng, xói mòn niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, sự tồn vong của chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong 10 năm qua (2012 - 2022), “cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật 2.740 tổ chức đảng, hơn 167.700 cán bộ, đảng viên, trong đó có 7.390 đảng viên bị kỷ luật do tham nhũng; đã kỷ luật 170 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, trong đó có 4 ủy viên Bộ Chính trị, nguyên ủy viên

Bộ Chính trị; 29 ủy viên Trung ương nguyên ủy viên Trung ương Đảng; 50 sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang” [15, tr.117 -118]. Riêng từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng đến đầu năm 2024, kỷ luật 79 cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương quản lý, cao hơn gấp 4 lần so với nhiệm kỳ khóa XI và bằng gần một nửa số cán bộ cấp cao bị xử lý của nhiệm kỳ khóa XII. Thực tiễn cho thấy, khi người cán bộ, đảng viên không thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng thì sẽ dần đánh mất mình, đánh mất “nền tảng gốc” là đạo đức cách mạng, dẫn đến suy thoái về tư tưởng chính trị; và đó là một bước ngán, hết sức nguy hiểm, dẫn đến “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Nhiều trường hợp cán bộ bị kỷ luật đảng và xử lý trước pháp luật thời gian qua có nguyên nhân gốc rễ là không chú ý giữ gìn đạo đức cách mạng.

Bộ Chính trị ban hành Quy định số 144-QĐ/TW về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới, để đội ngũ tinh hoa này, có đủ đức và tài, năng lực, phẩm chất, trí tuệ, có uy tín cao, ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm cho Đảng vững mạnh toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, vì Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP GIÁO DỤC, RÈN LUYỆN CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG THEO QUY ĐỊNH 144 ĐỂ VIỆT NAM BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN MỚI - KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC

Qua gần 40 năm đổi mới đất nước, Việt Nam đạt những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Tuy nhiên, trước những tác động của mặt trái, mặt tiêu cực của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nền kinh tế thị trường, một số cán bộ, đảng viên lối sống chạy theo đồng tiền, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, bất chấp cả liêm sỉ, xem nhẹ đạo lý làm người, tham nhũng làm mất niềm tin của nhân dân. Nguyên nhân là do bản thân cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện; lập trường tư tưởng, chính trị không vững vàng; sa vào chủ nghĩa cá nhân, bị cám dỗ danh lợi; thiếu tiên phong, gương mẫu.

Để phát huy mặt tích cực, khắc phục những hạn chế trên, trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, giáo dục và rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên theo Quy định 144 của Bộ Chính trị vì sự phát triển bền vững, phồn vinh của đất nước Việt Nam, cần đặc biệt quan tâm đến một số nội dung sau:

Một là, Quy định số 144 về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới, là sự phát triển, bổ sung và hoàn thiện tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như hệ thống quan điểm của Đảng về xây dựng Đảng. Đây là căn cứ quan trọng để tiếp tục xây dựng Đảng vững mạnh về đạo đức sẽ

tạo ra cơ sở vững chắc để xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị, tổ chức. Đồng thời tạo ra sức mạnh cho mỗi tổ chức Đảng trong hành trình đi đến tương lai. Đây là bản chất khoa học của Đảng, cách mạng của chủ nghĩa xã hội và con đường để đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, là thời kỳ lịch sử mở đầu bằng một sự kiện trọng đại, có ý nghĩa quyết định chiều hướng phát triển về sau của xã hội hay của một lĩnh vực nào đó [14, tr.656] vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phát triển cường thịnh, phồn vinh, hạnh phúc.

Cán bộ, đảng viên “suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng cách mạng của Đảng; nêu cao tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với sự nghiệp cách mạng của Đảng; hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân”. Phải đứng trên lập trường của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để “kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng và các nguyên tắc xây dựng Đảng. Kiên quyết, kiên trì bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Thực hiện nghiêm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước” [3]. Đây là một hệ thống lý luận khoa học, cách mạng, mang tính mở đồng thời cũng còn do những yêu cầu khác. Trong đó có yêu cầu, đòi hỏi khi đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Bối cảnh là hoàn cảnh lịch sử, là điều kiện cụ thể ảnh hưởng, tác động đến cán bộ, đảng viên và hoạt động của cán bộ, đảng viên, trong đó có chính sách của con người. Do vậy, việc cán bộ, đảng viên vận dụng, phát triển sáng tạo là phải phù hợp thực tiễn đất nước và thời đại, tránh giáo điều, dập khuôn, máy móc hoặc kinh nghiệm chủ nghĩa cũng như “cơ hội” và “xét lại”.

“Bản lĩnh, đổi mới, sáng tạo, hội nhập, chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng; năng lực công tác, làm việc trong môi trường quốc tế. Tích cực tham gia quá trình hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng theo đường lối đối ngoại của Đảng phù hợp với luật pháp quốc tế, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng cộng đồng vì hoà bình, ổn định, tiến bộ và phát triển” [3]. Đồng thời, phải bổ sung những kết luận mới từ tổng kết thực tiễn mà ở thời đại của mình các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác-Lênin cũng như Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa có được. Đúng như V.I.Lênin đã chỉ rõ, “Chính vì chủ nghĩa Mác không phải là một giáo điều chết cứng, một học thuyết nào đó đã hoàn thành hẳn, có sẵn đâu vào đấy, bất di bất dịch, mà là một kim chỉ nam sinh động cho hành động, chính vì thế nó không thể không phản ánh sự biến đổi mạnh mẽ của điều kiện sinh hoạt xã hội” [5, tr.103]. Cán bộ, đảng viên nắm vững và vận dụng nhuần nhuyễn các nguyên tắc phương pháp luận của phép biện chứng duy vật và phép biện chứng xã hội vào nhận thức và xử lý quan hệ giữa kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng. Làm được đúng như vậy thì chúng ta sẵn sàng bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc một cách chủ động, tích cực, sáng tạo và sẽ thực hiện được hai mục tiêu 100 năm để xây dựng thành công một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc, hùng cường.

Hai là, trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, thì các đồng chí đứng đầu Đảng, Nhà nước phải nêu cao tấm gương trong cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Đồng thời, cần chú trọng đến công tác xét xử thật nghiêm minh, công khai các cán bộ, đảng viên tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, đục khoét bòn rút của công, làm thất thoát tài sản của nhà nước, vi phạm đạo đức cách mạng. Đặc biệt, đội ngũ cán bộ tư pháp phải thực sự là những người “phụng công, thủ pháp, chí công vô tư” [7, tr.74]. Mặt khác, cần gắn việc học và làm theo Bác với công tác xây dựng,

chính đốn Đảng theo phương châm xây đi đôi với chống, nâng cao đạo đức cách mạng và phát triển văn hóa trong Đảng, để đội ngũ tinh hoa này, có đủ đức và tài, có uy tín cao, ngang tầm nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Ba là, Quy định số 144 về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, có thể nói Quy định 144 là sợi chỉ đỏ, là “bảo bối” gối đầu giường cho cán bộ, đảng viên ở bất kỳ cương vị nào. Những điều trong Quy định 144 chính là sự cụ thể hóa việc học tập tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh về “cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”, “nói phải đi đôi với làm”, đặc biệt, mục tiêu, nội dung cốt lõi, động lực và những tiền đề cần thiết để Việt Nam vững bước vào kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín là cơ sở để Việt Nam bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Cán bộ, đảng viên phải nêu cao tinh thần yêu nước, tôn trọng nhân dân, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc; phải có bản lĩnh, đổi mới, sáng tạo, hội nhập; phải thực hiện nghiêm cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; có ý thức đoàn kết, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm; gương mẫu giữ gìn phẩm giá của người cách mạng chân chính, khiêm tốn, làm người phải thanh bạch, tinh khiết, làm việc phải trong sáng, tuân thủ pháp luật, giữ gìn liêm, chính. Cán bộ, đảng viên phải ý thức tu dưỡng, rèn luyện suốt đời thực hành chuẩn mực đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; phải giữ hình ảnh, danh dự, uy tín của mình, của tổ chức và của gia đình; xây dựng nếp sống thanh cao, văn hóa gia đình, mãi mãi giữ vững bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên trung của người cộng sản chân chính. Không để người thân, gia đình, bạn bè và bằng hữu, mối quan hệ thân thiết lợi dụng chức vụ, vị trí công tác để trục lợi. Thực hiện dựng văn hoá liêm chính, văn hóa từ chức khi không đủ khả năng, uy tín. Có thể nói,

Quy định 144 là thang thuốc tốt nhất cho cán bộ, đảng viên ở bất kỳ cương vị nào.

Bốn là, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức vai trò của giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên theo Quy định số 144-QĐ/TW khi Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Đạo đức là nhân tố cốt lõi tạo nên giá trị nhân văn của con người Việt Nam. Đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức của bậc “đại nhân, đại trí, đại dũng”, của một vĩ nhân, một lãnh tụ thiên tài của cách mạng Việt Nam, một người cộng sản ưu tú, đồng thời, cũng là đạo đức cách mạng của một người chân chính, bình thường, gần gũi, giản dị ai có thể học tập và làm theo để trở thành người cách mạng, người công dân tốt hơn. Chủ tịch Hồ Chí Minh “là tấm gương sáng, là hiện thân của nền đạo đức cách mạng Việt Nam, mãi mãi là ngọn đèn pha chiếu rọi con đường rèn luyện, phấn đấu để trở nên “tốt” hơn, đạt đến “chân, thiện, mỹ” của con người Việt Nam ngày nay và mai sau” [4, tr. 290]. Nâng cao nhận thức, bồi đắp niềm tin, tạo thêm động lực đấu tranh, phản bác các thủ đoạn bôi nhọ cán bộ, đảng viên, mục đích của các phần tử cực đoan nhằm hạ uy tín cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt, cấp cao của Đảng ta, Nhà nước, tạo thị phi trong xã hội, gây chia rẽ nội bộ, làm giảm lòng tin của nhân dân. Đây là chiêu trò “rượu cũ” nhưng “bình mới” rất nguy hiểm, cần sớm nhận diện và đấu tranh loại bỏ. Cần phải tăng cường giáo dục lí tưởng cách mạng, đạo đức, sống có lí tưởng, nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, cống hiến cho Tổ quốc. Xây dựng các giá trị, các chuẩn mực đạo đức mới; chống lại các biểu hiện, các hành vi vô đạo đức. Xây phải đi đôi với chống, muốn xây phải chống, chống nhằm mục đích xây, lấy xây làm chính. Phải tẩy sạch chủ nghĩa cá nhân, chống tham ô, lãng phí, quan liêu... để thực hiện cần, kiệm, liêm, chính. Phải kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, trong “xây” có “chống”, trong “chống” có “xây”. Nêu gương về đạo đức cách mạng, “người đảng viên - dù công tác to hay nhỏ, địa vị cao

hay thấp - ở đâu cũng phải làm gương mẫu cho Nhân dân” [11, tr. 55]. Nêu gương có ý nghĩa giáo dục đạo đức cách mạng rất lớn cho cán bộ, đảng viên, làm cho phần tốt nảy nở như hoa mùa xuân, phần xấu dần dần mất đi. V.I.Lênin đã từng cảnh báo: “Không ai có thể tiêu diệt được chúng ta, ngoài những sai lầm của bản thân chúng ta” [6, tr. 311]. Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh: “Nêu cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên” [1, tr.183]; không có biện pháp nào tốt hơn bằng chính sự tự giác của mỗi đảng viên trong rèn luyện đạo đức cách mạng; đây cũng là phương thuốc “đặc trị” để phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Đồng thời, phải xử lý kịp thời, công khai những cán bộ, đảng viên vi phạm, dù ở cương vị, chức trách nào để trị tận gốc tham nhũng, tiêu cực, những thói hư, tật xấu của cán bộ, đảng viên.

Năm là, đổi mới phương thức giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho đảng viên theo tư tưởng Hồ Chí Minh và Quy định số 144-QĐ/TW trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải nhận thức rõ vai trò nòng cốt trong công tác tuyên truyền, giáo dục sâu rộng nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về nội dung, ý nghĩa của Quy định số 144-QĐ/TW, bồi đắp niềm tin, tạo thêm động lực “đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng” [1, tr. 41].

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân, báo chí, truyền thông trong phòng, chống chiến lược diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch, các phần tử cơ hội chính trị chống phá con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, nền tảng tư tưởng của Đảng. Nhân dân là lực lượng đông đảo trong xã hội; là “tai mắt” của Đảng, chính quyền, đoàn thể, chủ thể sáng tạo ra những nội dung, phương thức; là “bức tường thành” vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, với tinh thần “một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao”, tạo thành “thể trận lòng dân”, “pháo đài vững chắc”, tạo nên sức mạnh của cả quốc gia,

dân tộc, sức mạnh ấy không tồn tại một cách trừu tượng mà là rất cụ thể bởi trí tuệ, thể chất và lòng nhiệt huyết, tiềm năng vốn có của mỗi cá nhân con người trong mỗi giai cấp, tầng lớp của xã hội, tạo nên một pháo đài kiên cố, vững chắc để bảo vệ và ngăn chặn mọi âm mưu, thủ đoạn thâm độc của các thế lực thù địch một cách có hiệu quả nhất.

Báo chí và truyền thông trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, cần nhận diện rõ âm mưu, thủ đoạn của các phần tử cực đoan lợi dụng trí tuệ nhân tạo (AI), robot mạng, người máy thông minh để chống phá Đảng, chống phá con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam và bôi nhọ thanh danh, nhân phẩm của các lãnh tụ, cán bộ, đảng viên. Lợi dụng AI, robot mạng, người máy thông minh để tạo và lan tỏa thông tin bịa đặt, xấu, thâm độc, sử dụng một số phần mềm AI như “photoshop giọng nói” hoặc “kỹ thuật chỉnh sửa video” để chỉnh sửa nội dung phát biểu của các nhân vật, thậm chí làm giả hoàn toàn một video clip để tạo ra các câu chuyện không đúng sự thật, chấp nối các sự kiện không liên quan với nhau, chèn thông tin giả vào một sự kiện có thật, sử dụng nhân chứng giả về một chủ đề, tận dụng AI tạo ra các nhân vật ảo với khuôn mặt và giọng điệu giống hệt các lãnh tụ của Việt Nam, lợi dụng AI để thu thập dữ liệu thông tin cá nhân của cán bộ, đảng viên, nhiều video được gắn logo của các kênh tin tức uy tín, gây nhầm lẫn cho người xem rằng đây là thông tin thật đã được kiểm chứng nhằm phục vụ các mục đích chống phá chế độ ta, hạ bệ uy tín, bôi nhọ thanh danh của các lãnh tụ, cán bộ, đảng viên. Những tin giả này được tự động tán phát một cách thần tốc tới nhân dân, nhất là giới trẻ tạo ra một lượng lớn tin giả trong thời gian rất ngắn gây hoang mang xã hội. Cần tỉnh táo, nhận diện sớm, từ xa để phòng, chống đấu tranh loại bỏ chiêu trò, thủ đoạn mới rất nguy hiểm, lợi dụng AI, robot mạng, người máy thông minh để phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Phát huy vai trò của báo chí, truyền thông làm lan tỏa tính ưu việt của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng

Hồ Chí Minh; cung cấp thông tin chính xác đường lối của Đảng, Nhà nước ta về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, dân tộc, nhân quyền, tôn giáo, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, để cán bộ, đảng viên và

người dân nhận biết, nhận thức đúng, tạo “chất đề kháng, tự miễn dịch”, chung sức, đồng lòng làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các phần tử cực đoan lợi dụng AI, robot mạng, người máy thông minh để chống phá Đảng, Nhà nước.

5. KẾT LUẬN

Bối cảnh quốc tế và trong nước để Việt Nam bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, tạo ra những thuận lợi, thời cơ, bên cạnh đó cũng có những thách, mặt trái, mặt tiêu cực của nó, làm cho một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên sống đua đòi chạy theo đồng tiền, xa hoa, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, phai nhạt lý tưởng, tham nhũng, mất niềm tin của nhân dân, thì giáo dục và rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên theo Quy định số 144-QĐ/TW gắn với học và làm theo Bác, để cán bộ, đảng viên có đủ đức, đủ tài năng là nhiệm vụ hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng. Phát triển mạnh mẽ con người, lấy con người là trung tâm, động lực của sự phát triển trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới đất nước để sẵn sàng bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện đại hội toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII về Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “Tự diễn biến”, “Tự chuyển hóa”.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2024): *Quy định 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị, ngày 9/5/2024 về Chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới*, Hà Nội.
- Võ Nguyên Giáp: *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2017, tr.290
- V.I.Lênin (2005): *Toàn tập, t.20*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- V.I.Lênin (2016): *Toàn tập, t.42*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (1990): *Nhà nước và pháp luật, Toàn tập*, Nxb. Pháp lí, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, t.4*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, t.5*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, t.6*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, t.7*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, t.11*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, t.15*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Hoàng Phê (2021)(Chủ biên): *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Hồng Đức., 2021.
- Nguyễn Phú Trọng (2023): *Kiên quyết, kiên trì phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN THEO QUAN ĐIỂM CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG

PGS. TS. NGUYỄN THỊ QUYẾT *
TS. LẠI VĂN NAM **

TÓM TẮT

Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện là quan điểm, đường lối chiến lược quan trọng của việc xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc bảo đảm cho sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về “đức - trí - thể - mỹ” sẽ tạo động lực mạnh mẽ, to lớn để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Bài viết làm rõ những quan điểm, tư tưởng cơ bản của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, mở cửa, hội nhập, quốc tế sâu rộng hiện nay; trên cơ sở đó, đề xuất những định hướng cơ bản tiếp tục xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện theo quan điểm của Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.

Từ khóa: Con người Việt Nam, phát triển toàn diện, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.

Nhận bài: 10/01/2025; đưa vào quy trình biên tập: 10/01/2025; duyệt đăng: 25/02/2025.

1. MỞ ĐẦU

Con người luôn là vấn đề trung tâm, cơ bản, là động lực của sự phát triển xã hội. Các nguồn lực về tự nhiên, khoa học công nghệ dù có phong phú, đa dạng đến bao nhiêu mà không có con người tác động để khai thác, sử dụng thì mãi vẫn ở dạng tiềm ẩn, nằm im trong miền sâu thẳm. Suy đến cùng, mọi hoạt động của xã hội đều bắt nguồn từ con người, con người với khả năng sáng tạo của mình không những nhận thức được quy luật của tự nhiên, xã hội mà còn tạo ra cách thức, biện pháp tác động vào giới tự nhiên, xã hội để phục vụ cho nhu cầu đời sống và phát triển của mình. Lịch sử phát triển của xã hội loài người trên trái đất gắn liền với hoạt động lao động sản xuất, với công cuộc chinh phục tự

nhiên để khám phá, tìm ra những khả năng sáng tạo vô tận của con người. Đối với dân tộc Việt Nam, con người là vốn quý nhất, có con người là có tất cả. Cho nên, vấn đề xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đặc biệt quan tâm. Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã kế thừa, vận dụng linh hoạt, sáng tạo quan điểm, tư tưởng của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về con người vào điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể cách mạng nước ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, mở cửa, hội nhập quốc tế sâu rộng để đưa ra quan điểm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện đúng đắn, phù hợp.

* Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.

** Trường Đại học Tài chính - Marketing TP. Hồ Chí Minh.

Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chỉ ra: “Hướng các hoạt động văn hoá vào việc xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, ý thức công dân, tuân thủ pháp luật, làm cho văn hoá trở thành nhân tố thúc đẩy con người tự hoàn thiện nhân cách” [4, tr.60].

2. QUAN ĐIỂM CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG VỀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN

Trong dòng chảy của lịch sử dân tộc, con người Việt Nam đã hấp thụ được truyền thống yêu nước nồng nàn, ý chí kiên cường, bất khuất, không chịu khuất phục trước sự đè nén, áp bức của các thế lực ngoại bang. Truyền thống yêu nước của dân tộc được nâng lên thành giá trị văn hoá của dân tộc, trở thành niềm tin, lẽ sống, quyết định sự tồn tại, vận động, phát triển của con người Việt Nam. Mỗi người dân Việt Nam được sinh ra và lớn lên trong dòng chảy của lịch sử hào hùng hơn 4000 năm dựng nước và giữ nước. Chính thực tiễn lịch sử ấy đã làm hình thành, phát triển giá trị của con người Việt Nam. Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ rõ: “Cha ông ta đã mấy nghìn năm để lại, không phải nơi nào cũng có được; chúng ta có trách nhiệm phải giữ gìn, trân trọng và phát huy nếu không là chúng ta có tội với lịch sử, là vong ơn bội nghĩa với Tổ tiên, cha ông chúng ta. Bác Hồ trước lúc đi xa vẫn còn dặn lại rằng: Muốn yêu Tổ quốc mình, càng yêu thắm thiết những khúc hát dân ca” [4, tr. 50]. Điều đó cho thấy, văn hoá có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống của con người, là sức mạnh tinh thần to lớn, động lực bên trong thúc đẩy sự phát triển đi lên ổn định, bền vững của đất nước và cũng là cách thức, biện pháp quan trọng để mỗi người tự hoàn thiện phẩm chất nhân cách của mình.

Văn hoá chính là sản phẩm của con người, do con người sáng tạo ra trong từng giai đoạn, thời kỳ lịch sử khác nhau, phản ánh tồn tại xã hội, do tồn tại xã hội quyết định. Vì vậy, văn hoá chỉ thực sự trở thành giá trị

khi được “chưng cất”, “gạn đục khơi trong” ở nhiều tầng nấc, nhiều thế hệ khác nhau, đó là những gì tinh túy, tinh hoa nhất; có vai trò tích cực trong việc điều chỉnh thái độ, hành vi của con người, đánh thức, khơi dậy trong mỗi con người ý chí, khát vọng vươn lên mạnh mẽ, quyết liệt. Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ rõ: “Văn hoá Việt Nam là sản phẩm của cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước, là kết tinh những giá trị tốt đẹp nhất, lâu bền nhất của dân tộc, và chính nó đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam, góp phần làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc” [4, tr. 96]. Trong nhiều tác phẩm của mình, đồng chí Tổng Bí thư đã thể hiện sự am hiểu sâu sắc về truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc. Một trong những nội dung quan trọng được Tổng Bí thư đặc biệt quan tâm đó là vấn đề phát triển toàn diện con người Việt Nam: “Chúng ta xác định: Con người giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển; *phát triển văn hoá, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới*” [5, tr. 27 - 28]. Vì vậy, Tổng Bí thư cho rằng, “mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu” [5, tr. 48]. Nhân dân theo cách dùng của Tổng Bí thư ở đây chính là con người, con người là trung tâm của sự phát triển, không có con người thì không thể có sự sáng tạo, sự phát triển của xã hội. Con người là chủ thể sáng tạo ra lịch sử, sáng tạo ra những giá trị văn hoá tích cực, tốt đẹp, đến lượt mình những giá trị văn hoá đó lại quay trở lại phục vụ nhu cầu đời sống con người, nâng tầm vị thế, uy tín của con người trong một xã hội đa dạng và phức tạp như hiện nay.

Tuy nhiên, vấn đề xây dựng, phát triển con người, đặc biệt con người tận trung với Đảng, tận hiếu với dân theo Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng là vấn đề rất khó. Bởi, con người như M.Goroki nói: “Hai tiếng ấy vang lên kêu hãnh làm sao”. Nhưng *con người*, như tục ngữ ta nói cũng đủ cả, ta biết con người

là thế nào rồi, “miếng ăn là miếng tồi tàn, mất ăn một miếng thì lộn gan lên đầu”! Nhìn thấy khuyết điểm của người khác thì rất rõ, nhưng nhìn khuyết điểm của mình thì rất khó; nhìn mình bao giờ cũng thấy hay hơn, giỏi hơn người khác, nhưng lại bị thiệt hơn người khác; còn người khác thì kém mình mà lại được hưởng hơn mình, cho nên mới có những tâm tư này khác, mặc dù cũng có những tâm tư chính đáng, nguyện vọng chính đáng” [6, tr. 294-295]. Chính vì vậy, trong hầu hết các tác phẩm của mình, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đều nhấn mạnh đến việc con người phải giải quyết tốt các mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, lợi ích của đảng viên với lợi ích của Đảng, đó là, đặt lợi ích của quốc gia, dân tộc lên trên lợi ích cá nhân; lợi ích của cá nhân không được trái với lợi ích của tập thể, mình chỉ là phần nhỏ bé trong tập thể, làm việc gì cũng phải nghĩ đến lợi ích của tập thể, của Nhân dân.

Là nhà lý luận sắc bén, trải qua nhiều cương vị lãnh đạo khác nhau, am hiểu thực tiễn sâu sắc, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã thấm nhuần những quan điểm, tư tưởng của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột, bất công, đem lại độc lập, tự do, hạnh phúc thực sự cho con người, áp dụng vào điều kiện hoàn cảnh lịch sử, cụ thể của Việt Nam, bởi như C.Mác đã chỉ ra: “Thay cho xã hội tư bản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện bảo đảm cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người” [3, tr. 628]. Đây chính là điểm mấu chốt, vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung và tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng, phản ánh giá trị nhân văn, nhân đạo sâu sắc, chứa đựng những mục tiêu, lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa cộng sản hướng đến là tạo ra những điều kiện tốt đẹp nhất để con người phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực. Con người được tự do về mọi mặt sẽ là cơ sở, điều kiện quan trọng để cống hiến tài năng, trí tuệ của mình cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Điều đặc biệt quan trọng được đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, khẳng định sự khác biệt về chất so với xã hội tư bản chủ nghĩa, đó là luôn quan tâm, chăm lo phát triển con người một cách toàn diện, đầy đủ trên các lĩnh vực, các mặt của đời sống xã hội: “Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ nhân văn chứ không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé”, vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm” [5, tr. 21-22]. Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội đối với chủ nghĩa tư bản chính là ở sự chăm lo, phát triển toàn diện con người Việt Nam. Đảng ta cũng khẳng định: “Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hoá, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện” [2]. Vì vậy, hơn bao giờ hết việc xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về đức - trí - thể - mỹ cần luôn được coi trọng, đặt lên hàng đầu, trong đó “đức” là “gốc”, là nền tảng vững chắc bảo đảm cho sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước.

Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện theo quan điểm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng là xây dựng con người với đầy đủ phẩm chất, năng lực, đạo đức, nhân cách, trong đó đặc biệt chú trọng giáo dục đạo đức con người, bởi theo Tổng Bí thư, “Con người Việt Nam là kết tinh của nền văn hoá Việt Nam. Vì vậy, trong quá trình xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam cũng chính là quá trình thực hiện chiến lược con người, xây dựng và phát huy nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Đây là khâu quan trọng của sự nghiệp xây dựng nền tảng tinh thần, tiềm lực văn hoá

và chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta... Đưa nội dung giáo dục đạo đức con người, đạo đức công dân vào các hoạt động giáo dục của xã hội” [4, tr. 60, 61]. Đó là những tiền đề

rất cơ bản để Đảng ta tiếp tục đề ra đường lối chiến lược cụ thể, phù hợp xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện trong kỷ nguyên mới hiện nay.

3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN THEO QUAN ĐIỂM CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG

Trong thời gian tới, tình hình thế giới có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn rất gay gắt, quyết liệt, trong đó có cạnh tranh về nguồn nhân lực chất lượng cao; những thách thức an ninh phi truyền thống vẫn là mối đe dọa ảnh hưởng trực tiếp đến con người; việc phát triển con người toàn diện được nhiều quốc gia, dân tộc đặc biệt quan tâm, có những chiến lược, bước đi cụ thể để nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống cho người dân... Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó, để hoàn thành mục tiêu trở thành nước công nghiệp phát triển có thu nhập có thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào năm 2045 kỷ niệm 100 năm thành lập nước cần phát huy giá trị văn hoá và sức mạnh con người Việt Nam. Để xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước đi và từng chính sách phát triển cụ thể, *trước hết* cần thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, an sinh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân. Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững và cần có sự vào cuộc quyết liệt của hệ thống chính trị các cấp, nhất là cấp cơ sở. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại. Bảo đảm cung cấp và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nhất là với người nghèo, người yếu thế trong xã hội, quan tâm, chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ của nhân dân. Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “*Mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát*

triển xã hội; mỗi chính sách xã hội phải nhằm tạo ra động lực thúc đẩy phát triển kinh tế; khuyến khích làm giàu hợp pháp phải đi đôi với xóa đói, giảm nghèo bền vững, chăm sóc những người có công, những người có hoàn cảnh khó khăn. Đây là một yêu cầu có tính nguyên tắc để bảo đảm sự phát triển lành mạnh, bền vững, theo định hướng xã hội chủ nghĩa” [5, tr. 27].

Đại hội lần thứ XIII của Đảng cũng chỉ rõ: “Gắn chính sách phát triển kinh tế với chính sách xã hội, quan tâm lĩnh vực công tác xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân” [1, tr. 148]. Những chính sách về xã hội là sự phản ánh tập trung bao quát nhất quan điểm, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước vì sự phát triển toàn diện của con người, tạo động lực mạnh mẽ, to lớn để đánh thức, khơi dậy tiềm năng, thế mạnh vốn có trong mỗi con người, phục vụ hữu ích cho sự nghiệp dựng xây, kiến thiết đất nước trong kỷ nguyên mới. Để đạt được mục tiêu này, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cho rằng “xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, phong phú; chăm lo, vun đắp vốn văn hoá nước ta ngày một giàu có; bảo tồn, phát huy di sản văn hoá dân tộc, sáng tạo ra những sản phẩm văn hoá mới và tiếp thu tinh hoa văn hoá thế giới, làm cho những giá trị ấy thấm sâu vào cuộc sống mỗi con người và toàn xã hội” [4, tr. 85].

Hai là, nâng cao chất lượng dân số; tận dụng hiệu quả cơ hội thuận lợi từ cơ cấu dân số vàng; chủ động thích ứng với xu thế già hóa dân số.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cho rằng, đầu tư cho dân số chính là đầu tư cho phát triển,

gắn công tác dân số với những vấn đề kinh tế - xã hội, gắn dân số với y tế, giáo dục, văn hoá, nâng cao chất lượng cuộc sống, phân bố dân cư hợp lý, đặc biệt là giải quyết tốt vấn đề di dân tự do. Hiện nay, dân số Việt Nam là 100 triệu người, sự phong phú, đa dạng về cơ cấu, thành phần dân số cho phép chúng ta khai thác, sử dụng hợp lý từng nguồn lực con người vào những hoạt động khác nhau. Đảng, Nhà nước ta có nhiều cơ chế, chính sách để xây dựng, phát triển con người Việt Nam trong thời kỳ mới, đó là: triển khai thực hiện nhiều chương trình, dự án về phát triển kinh tế - xã hội nói chung và vùng dân tộc thiểu số miền núi nói riêng; xây dựng nông thôn mới, xây dựng đời sống văn hoá mới, hợp tác lao động với các nước trên thế giới, giải quyết việc làm cho người lao động; thực hiện chương trình xóa nhà tranh, nhà tạm; thường xuyên quan tâm, chăm lo cải thiện đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, rút ngắn khoảng cách chênh lệch giàu nghèo. Với sự vào cuộc quyết liệt của hệ thống chính trị các cấp, từ Trung ương đến địa phương, đời sống của các tầng lớp Nhân dân không ngừng được nâng lên về mọi mặt. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ rõ: “Từ một nước bị thiếu lương thực triền miên, đến nay, Việt Nam không những đảm bảo được an ninh lương thực mà còn trở thành một nước xuất khẩu gạo và nhiều nông sản khác đứng hàng đầu thế giới... tỷ lệ hộ nghèo trung bình mỗi năm giảm khoảng 1,5%... hầu hết các xã nông thôn đều có đường ô tô đến trung tâm” [5, tr. 31, 32]. Cùng với đó, Đảng, Nhà nước ta chủ trương nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, thông qua hệ thống chính sách an sinh xã hội phù hợp, hiệu quả với từng đối tượng, ở từng khu vực, địa bàn cụ thể, bảo đảm “không ai bị bỏ lại phía sau”... Những hành động, việc làm cụ thể đó sẽ tác động trực tiếp đến nhận thức, hành động của con người, từng bước làm thay đổi tư duy về cuộc sống, công việc; qua đó, nâng cao tính chủ động, tự giác của con người trên mọi phương diện, từ đó, con người năng động,

sáng tạo hơn, có cách nghĩ, cách làm phù hợp, hiệu quả, không ngừng vươn lên, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra ngày càng cao của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, đẩy mạnh phát triển giáo dục, đào tạo, trong đó chú trọng đến giáo dục đạo đức, nhân cách, lối sống cho người học.

Theo Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, nền văn hoá của dân tộc được xây dựng trên nền tảng của nền giáo dục, đào tạo thấm đẫm truyền thống hiếu học của ông cha. Dân tộc Việt Nam đã sớm định hình và khẳng định được mình không chỉ có lòng yêu nước nồng nàn, ý chí đấu tranh kiên cường, bất khuất mà còn ở tinh thần hiếu học, chính điều này đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng, bồi đắp nên con người Việt Nam “dạ sắt, gan vàng”, dang hiến cả cuộc đời và tuổi thanh xuân cho nền độc lập, tự do của dân tộc. Việc xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện không tách rời quá trình giáo dục, đào tạo. Đảng ta khẳng định: “Xây dựng đồng bộ thể chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước” [1, tr. 136]. Giáo dục, đào tạo không chỉ có nhiệm vụ dạy chữ, truyền đạt tri thức cho người học mà còn có sứ mệnh lịch sử quan trọng hơn cả là dạy người, hình thành phẩm chất, nhân cách cho người học. Phẩm chất nhân cách, hay đó chính là “đức” của con người theo Tổng Bí thư là yếu tố quan trọng hàng đầu, là gốc, cội nguồn của sự phấn đấu, hy sinh cho mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng. Đồng chí Tổng Bí thư đã nhiều lần nhấn mạnh đến nội dung này “Nếu chỉ phòng, chống tham nhũng về tiền bạc, tài sản thì chưa đủ, mà nguy hại hơn là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Đây mới là cái gốc của tham nhũng; không suy thoái, hư hỏng thì làm gì dẫn đến tham nhũng?... Vì vậy, phòng, chống, tiêu cực,

mà trọng tâm là phòng, chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, tức là trị tận gốc của tham nhũng” [6, tr. 16].

Việc giáo dục, đào tạo tốt không chỉ có liên quan trực tiếp đến người học, mà còn góp phần định hướng, xây dựng nền tảng tinh thần vững chắc trong xã hội với những giá trị nhân văn tiến bộ, coi trọng con người, con người sống có tình thương, luôn quan tâm, chia sẻ, động viên, giúp đỡ nhau. Đồng chí chỉ rõ: “Chúng ta xây dựng, phát triển kinh tế cuối cùng cũng vì sự phát triển bền vững của xã hội, vì cuộc sống văn minh, hạnh phúc con người” [4, tr. 74]. Đó là chiều sâu tư tưởng thể hiện một tầm nhìn chiến lược của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, chứa đựng những giá trị nhân văn của lý tưởng cộng sản chủ nghĩa và cũng là mục đích hướng đến của chúng ta hiện nay là vì con người. Đảng ta cũng nhấn mạnh: “Chú trọng hơn giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc tốt đẹp của người Việt Nam; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tầm vóc con người Việt Nam” [1, tr. 136-137]. Những nội dung giáo dục trên đã thể hiện sâu sắc, toàn diện, đầy đủ vấn đề xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Con người khi được trang bị đầy đủ kiến thức, có phẩm chất đạo đức, lối sống tốt sẽ tận tâm, tận lực cống hiến tài năng, trí tuệ cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Điều quan trọng quyết định là phải phát huy được truyền thống yêu nước, tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tự lực, tự cường, không cam chịu

đói nghèo, thua kém người khác; quyết vươn lên xây dựng đất nước bằng chính sức mình; đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau; mở rộng quan hệ bang giao quốc tế” [4, tr. 136]. Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện là hướng đến những nội dung trên, tạo lập ý chí mạnh mẽ tự mình hoàn thiện về mọi mặt, bứt phá với một tinh thần, trách nhiệm cao nhất trước hết đối với chính bản thân mỗi người, gia đình, cơ quan, đơn vị, địa phương và cho đất nước.

Bốn là, không ngừng quan tâm, chăm lo đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng đặt ra.

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã giương cao ngọn cờ cách mạng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đấu tranh nhằm đem lại độc lập, tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân. Để xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, vai trò lãnh đạo của Đảng là nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định đến mọi thắng lợi của dân tộc. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ ra: “Từ ngày có Đảng đến nay đã chứng minh rằng, sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng nước ta, làm nên nhiều kỳ tích trên đất nước Việt Nam; đồng thời, chính trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta được tôi luyện, thử thách và không ngừng trưởng thành, dày dặn kinh nghiệm để ngày càng xứng đáng với sự tin cậy của nhân dân” [5, tr. 208]. Trong điều kiện Đảng ta đã trở thành Đảng cầm quyền, là Đảng duy nhất có đủ năng lực, uy tín lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh cần được đặc biệt coi trọng. Việc này làm không tốt sẽ tạo cơ hội để các thế lực thù địch, phản động lợi dụng chống phá, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, điều tồi tệ hơn là làm

giảm sút niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, khiến cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam còn gặp thêm nhiều khó khăn, trắc trở. Đồng chí Tổng Bí thư đã nêu rõ: “Hiện nay, sự lãnh đạo của Đảng, sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng, tính tiên phong, gương mẫu (cả về trí tuệ và phẩm chất) của cán bộ, đảng viên có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Bởi vì nếu hôm qua, con tàu của chúng ta phải vượt qua sóng to gió lớn thì hôm nay con tàu chẳng những phải vượt qua sóng to gió lớn mạnh hơn mà còn có cả sóng ngầm, đá ngầm. Đây là thách thức có tính sống còn đòi hỏi người cầm lái, người thuyền trưởng và người thủy thủ ở vị trí chiến đấu của mình phải lớn lên vượt bậc, dũng cảm và tài năng, vật lộn với sóng gió, đồng thời chủ động vượt qua sóng gió, vượt qua mọi chướng ngại để đưa con tàu đi đến mục tiêu đã định” [4, tr. 137 - 138].

Mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương cùng với việc quan tâm, chăm lo, giải quyết những nhu cầu, lợi ích chính đáng của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thuộc phạm vi, quyền hạn quản lý cần phải quan tâm, chăm lo đến người dân; chú trọng đến việc giáo dục truyền thống lịch sử dân tộc, khát vọng vươn lên làm giàu trong cuộc sống; nâng cao trình độ dân trí của người dân, đặc biệt vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Sự hiểu biết toàn diện của người dân về các vấn đề xã hội, nhất là kiến thức về pháp luật cần được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong Nhân dân, đây là nội dung được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng rất quan tâm. Bởi, theo Tổng Bí thư, sự hiểu biết của Nhân dân chính là thước đo, trình độ phát triển của xã hội, Nhân dân thấm nhuần, hiểu biết các quan điểm, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước là động lực to lớn, mạnh mẽ xây dựng xã hội ngày càng tiên tiến, văn minh, hiện đại; tạo ra của cải vật chất, tinh thần ngày càng nhiều cho xã hội.

4. KẾT LUẬN

Đất nước ta đang bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Việt Nam đang có nhiều thời cơ, vận hội để phát triển. Điều đó đặt ra yêu cầu cho Đảng và Nhà nước ta là phải xây dựng kế hoạch, lộ trình, bước đi cụ thể, thiết thực để xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện; từ đó, đánh thức, khơi dậy mạnh mẽ nguồn lực bên trong của mỗi người ở từng lĩnh vực, hoạt động cụ thể. Việc quán triệt và thực hiện tốt những quan điểm, tư tưởng của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện trong giai đoạn hiện nay cần có sự vào cuộc và hành động mạnh mẽ, quyết liệt của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương tạo sự chuyển biến về chất, xây dựng thêm những cơ sở, tiềm lực mới cho dân tộc trên con đường dựng xây, kiến thiết đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (1998): Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16-7-1998 của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 5 (khoá VIII) về Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- C.Mác và Ph.Ăngghen (2006): Toàn tập, t.4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Nguyễn Phú Trọng (2024): Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Nguyễn Phú Trọng (2022): Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Nguyễn Phú Trọng (2023): Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO TRONG KỶ NGUYÊN MỚI CỦA DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. HOÀNG ANH *

TÓM TẮT

Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người khẳng định tầm quan trọng của con người trong sự phát triển xã hội. Trong tất cả các bước ngoặt đánh dấu sự phát triển của xã hội, nhân tố con người thường xuyên đứng ở vị trí đầu tiên. Vì vậy, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh vấn đề chăm lo, bồi dưỡng, giáo dục con người là việc làm hết sức cần thiết của sự phát triển. Con người là yếu tố then chốt và là động lực chính cho mọi thành công trong sự nghiệp cách mạng cũng như trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

Con người là mục tiêu và động lực của cách mạng, đặc biệt, trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, yếu tố quan trọng, quyết định sự thành công, cất cánh của dân tộc chính là nguồn lực con người, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, nắm bắt công nghệ hiện đại, đưa “khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp”. Bài viết khái quát nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về con người, về xây dựng con người xã hội chủ nghĩa và đề xuất giải pháp vận dụng tư tưởng của Người vào phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

Từ khóa: Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người, con người XHCN, nguồn nhân lực chất lượng cao, kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Nhận bài: 12/12/2024; đưa vào quy trình biên tập: 12/12/2024; duyệt đăng: 25/02/2025.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vấn đề con người được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm trong triết lý phát triển của mình. Theo Người, tất cả mọi sự phát triển đều vì con người, do con người và thuộc về con người. Logic phát triển trong tư tưởng Hồ Chí Minh đều xoay quanh việc tìm một chân giá trị về các vấn đề: dân - dân chủ - dân vận - dân tộc - đại đoàn kết dân tộc [1, tr.195 - 224]. Hồ Chí Minh là nhà tư tưởng có sự thống nhất biện chứng giữa tình cảm giai cấp công nhân - tình cảm dân tộc - tình cảm thế giới và nhân loại. Suốt đời Người nâng niu những giá trị về con người. Nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh

được đặt trên mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Từ “*Bản án chế độ thực dân Pháp*” đến “*Tuyên ngôn độc lập*” và từ “*Tuyên ngôn độc lập*” tới “*Di chúc*”, ở đâu Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng khẳng định trước hết là vấn đề con người. Giáo sư Trần Văn Giàu đã khẳng định: “Tâm cốt lõi một hiền triết chưa chắc ở chỗ giải đáp mối tương quan giữa tồn tại và tư tưởng, ở chỗ xác định thế giới ấy là thực tại hay ảo ảnh, là khả tri hay bất khả tri, ở chỗ lựa chọn giáo điều hay sáng tạo mới lạ, mà chung quy ở mức độ quan tâm đến con người, con người thật đang sống trên trái đất này và chắc còn sống lâu dài đến vô tận thời gian, lấy đó làm trung tâm của

mọi suy tư và chủ đích của mọi hành động. Cụ Hồ thuộc loại hiền triết đó; vì thế mà cụ vĩ đại” [6, tr.361].

Nhân loại đang bước vào kỷ nguyên văn minh trí tuệ, trí tuệ nhân tạo (AI), cách mạng công nghiệp lần thứ 4, khoa học công nghệ đang phát triển như vũ bão và trở thành lực lượng sản xuất chính của nhiều quốc gia. Với Việt Nam, thành quả của sự nghiệp đổi mới đất nước gần 40 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng minh chứng tính đúng đắn, sáng suốt của tư tưởng Hồ Chí Minh, đổi mới thực chất là trở về với tư tưởng Hồ Chí Minh. Để xây dựng con người XHCN theo tư tưởng Hồ Chí Minh trước kia, hay hiện nay chúng ta gọi là nguồn nhân lực chất lượng cao đòi hỏi một chiến lược toàn diện, kết hợp giữa giáo dục và đào tạo, phát triển phẩm chất đạo đức và trách nhiệm, khuyến khích đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp, xây dựng tinh thần đoàn kết, tinh thần tự lực, tự cường, bảo đảm chính sách phù hợp và nâng cao chất lượng cuộc sống. Điều này sẽ tạo ra những con người không chỉ giỏi chuyên môn mà còn có phẩm chất đạo đức tốt, ý thức trách nhiệm cao, sẵn sàng cống hiến vì sự phát triển của đất nước, đây chính là yếu tố tiên quyết đóng góp vào sự phát triển đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI

Khái niệm về con người được xây dựng trên nền tảng chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân văn và lý tưởng cộng sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi con người là trung tâm của mọi hoạt động cách mạng và là nguồn lực quan trọng nhất để xây dựng và bảo vệ đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra một định nghĩa khá toàn diện về con người như sau: “Chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người” [8, tr.130].

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặt con người, mỗi cá nhân con người trong mối quan hệ ba chiều: quan hệ với một cộng đồng nhất định, trong đó mỗi người là một thành viên; quan hệ

với một chế độ xã hội nhất định, trong đó con người được làm chủ hay bị áp bức, bóc lột; quan hệ với tự nhiên, mà con người là một bộ phận không tách rời. Người luôn xem xét và nhìn nhận con người là một chỉnh thể thống nhất về tâm lực, thể lực, trí lực và các hoạt động đa dạng và luôn vươn tới Chân-Thiện-Mỹ. Nhưng đồng thời, Người cũng nhìn nhận con người trong sự thống nhất của hai mặt đối lập: thiện - ác, hay - dở, tốt và xấu, hiền và dữ,... bao gồm cả mặt xã hội và mặt sinh học.

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về con người có thể khái quát thành những nội dung sau: *Một là*, con người là chủ thể sáng tạo: Người nhấn mạnh vai trò của con người là chủ thể của lịch sử, có khả năng tự quyết định, sáng tạo và phát triển. Người tin tưởng rằng, con người có thể cải tạo và thay đổi hoàn cảnh, tự hoàn thiện mình để xây dựng xã hội tốt đẹp hơn. *Hai là*, con người là một phần của cộng đồng, của dân tộc, ở đó, mỗi cá nhân không tồn tại riêng rẽ mà luôn gắn bó với cộng đồng, dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng con người phải có tinh thần đoàn kết, tương trợ và hợp tác vì lợi ích chung của tập thể, dân tộc và nhân loại. *Ba là*, trong tư tưởng phát triển con người toàn diện, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cao việc phát triển con người về cả trí tuệ, đạo đức, và thể lực. Người cho rằng, giáo dục là công cụ thiết yếu để nâng cao nhận thức, phát triển khả năng sáng tạo và rèn luyện nhân cách của con người. *Bốn là*, con người có tinh thần nhân ái và nhân đạo, Người luôn kêu gọi con người sống vì người khác, quan tâm đến hạnh phúc của mọi người, đặc biệt là những người yếu thế trong xã hội. Đây là tư tưởng mang tính nhân đạo sâu sắc, nhấn mạnh lòng yêu thương và chia sẻ. *Năm là*, con người vì lý tưởng cách mạng, sống vì độc lập của dân tộc và tự do, hạnh phúc của nhân dân. Con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ sống cho bản thân mà còn sống vì lý tưởng cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi mỗi người dân Việt Nam tham gia vào công cuộc giải phóng dân tộc, đấu tranh cho hòa bình và độc lập của đất nước, với tinh thần “vì

nước quên thân, vì dân phục vụ”, giải phóng con người một cách triệt để, bởi “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”.

Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về con người đã phản ánh rõ tầm quan trọng của con người trong sự phát triển xã hội. Trong tất cả các bước ngoặt đánh dấu sự phát triển của xã hội, nhân tố con người thường xuyên đứng ở vị trí đầu tiên, quyết định thành công. Vì vậy, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, vấn đề chăm lo, bồi dưỡng con người là việc làm hết sức cần thiết của sự phát triển.

3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, để xây dựng CNXH, cần phải có Đảng lãnh đạo, Đảng phải trung thành với lý tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin và luôn giữ gìn đoàn kết, thống nhất. Người nhấn mạnh việc phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục và y tế để nâng cao đời sống nhân dân. Hồ Chí Minh cũng đề cao tinh thần lao động sáng tạo, tích cực, tiết kiệm và chống lãng phí, tham nhũng, đồng thời cần phải xây dựng một nền kinh tế tự chủ, mạnh mẽ, dựa trên công nghiệp và nông nghiệp hiện đại. Đi đôi với đó cần thực hiện công bằng xã hội, chăm lo cho các tầng lớp lao động và bảo vệ quyền lợi của nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, CNXH không phải tự nhiên mà có mà phải do chính con người tạo nên. Đó chính là những con người XHCN.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người XHCN tập trung vào việc xây dựng những con người mới, có phẩm chất và tư tưởng phù hợp với lý tưởng XHCN. Con người XHCN phải có đạo đức cách mạng, trung thành với Tổ quốc, yêu nước, yêu dân. Họ cần có tinh thần lao động hăng say, sáng tạo, biết vượt qua khó khăn và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh đến sự tự giác, ý thức trách nhiệm và tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau. Con người XHCN phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ, kiến thức để phục vụ tốt hơn cho sự nghiệp xây dựng

và bảo vệ Tổ quốc. Họ phải sống và làm việc theo hiến pháp, pháp luật, tuân thủ kỷ luật, luôn giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, con người chính là trung tâm của tất cả mọi vấn đề, giải phóng con người là mục tiêu của mọi cuộc cách mạng, đem lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho con người chính là sứ mệnh của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam. Vì vậy, những khi Người phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo tất cả cũng đều là vì mục đích đó. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định, trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân, nhân dân chính là cội nguồn của sức mạnh, sức dân được huy động, được tổ chức, được tập hợp dưới sự lãnh đạo của Đảng thì thành vô địch, bởi vậy việc xây dựng CNXH muốn thành công thì phải có nhân dân tham gia, vì đây là một công trình tập thể, phải do nhân dân xây dựng lấy, trách nhiệm của Đảng là phải làm sao phát huy được tối đa sức mạnh của nhân dân, phải đem tài dân, sức dân, của dân ra để làm lợi cho dân. Phải hiểu rằng, nếu nhân dân không thiết tha với lý tưởng CNXH, xã hội bình đẳng thì không bao giờ có CNXH được.

Con người XHCN theo Chủ tịch Hồ Chí Minh là những người “Có ý thức làm chủ Nhà nước, tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa và tư tưởng “mình vì mọi người, mọi người vì mình”” [11, tr. 66]. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người suốt đời đề cao và thực hành đạo đức, vì vậy, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh “Con người xã hội chủ nghĩa là con người có đạo đức cần *kiệm liêm chính, chí công vô tư*, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng” [12, tr.140].

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, những con người XHCN cần có ý thức giác ngộ XHCN cao, một lòng một dạ phấn đấu cho CNXH. Theo Người, giác ngộ XHCN “không phải là cái gì cao xa mà cụ thể là ý thức lao động tập thể, ý thức kỷ luật, tinh thần thi đua yêu nước, ... tinh thần đoàn kết tương trợ, tinh thần dám nghĩ, dám nói, dám làm, không sợ khó, ý thức cần kiệm” [10, tr.359]. Con người

XHCN còn phải là những con người có học thức, trí tuệ, có sự hiểu biết về tự nhiên, xã hội, tư duy, là người nắm được sự vận động của thời cuộc chứ không thể xây dựng CNXH chỉ bằng tinh thần nhiệt tình cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì nhất định phải có học thức” [11, tr.90]. Theo Người, cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ thì các lợi thế truyền thống trong sự phát triển của một quốc gia như vị trí địa lý, đất đai, tài nguyên thiên nhiên,... sẽ không bền vững mà chỉ có nguồn lực con người, trí tuệ của con người mới là nguồn tài nguyên vô tận nếu chúng ta biết phát huy, giải phóng tối đa. Trong thời đại mới, sẽ chính là đội ngũ công nhân có trí tuệ, có tay nghề cao và sự hiểu biết, muốn vậy con người phải không ngừng học tập, trau dồi, làm giàu vốn kiến thức của bản thân, bởi nếu “Không học thì không theo kịp, công việc nó sẽ gạt mình lại phía sau” [11, tr. 273], do đó ai cũng “đều phải cố gắng học tập văn hóa, học tập khoa học và kỹ thuật” [10, tr.420].

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến chính sách nhân tài, đất nước cần phải kiến thiết, kiến thiết lại cần phải có nhân tài, nhân tài đó phải được phát hiện. Theo Hồ Chí Minh, Việt Nam rất nhiều người tài, trách nhiệm của

Đảng và Nhà nước là phải phát hiện, trọng dụng, phát huy sức mạnh của nhân tài, phải làm sao để nhân tài ra sức giúp đỡ, cống hiến cho sự phát triển của đất nước. Người cũng tin tưởng và kỳ vọng vào thế hệ trẻ Việt Nam, những con người mới XHCN sẽ không ngừng nỗ lực học tập, trau dồi kiến thức để một ngày đưa dân tộc Việt Nam vinh quang, vẻ vang sánh vai với các cường quốc năm châu. Năm 1958, trong bài Nói chuyện tại Đại hội sinh viên lần thứ 2, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã yêu cầu thanh niên Việt Nam đã yêu tổ quốc, yêu nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội,.. thì phải yêu khoa học “Bởi vì tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải có khoa học (...) Thời đại của chúng ta bây giờ là thời đại vệ tinh nhân tạo, nghĩa là thời đại của khoa học phát triển rất mạnh” [9, tr. 401], Người khẳng định: “Chủ nghĩa xã hội cộng với khoa học, chắc chắn sẽ đưa loài người đến hạnh phúc vô tận” [9, tr. 354].

Con người XHCN, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, là con người hội tụ đủ cả đức và tài, cả hồng và chuyên. Đây là những nền tảng quan trọng để xây dựng con người, đặc biệt là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao hướng tới xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, và văn minh, đáp ứng được những yêu cầu của kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

4. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO TRONG KỶ NGUYÊN MỚI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “*Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục và đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo*” [3, tr. 203- 204]. Đồng thời, phải “Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng

làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế (công dân toàn cầu)” [3, tr.232-233]. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn thông qua tăng cường chính sách đặt hàng đào tạo và thực hiện hỗ trợ tài chính của Nhà nước đối với cơ sở đào tạo và người học”, “Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa” [5].

Nguồn nhân lực chất lượng cao là “những người lao động có trình độ ứng với một ngành nghề cụ thể. Nguồn nhân lực chất lượng cao là nguồn nhân lực phải đáp ứng được yêu cầu của thị trường, đó là: có kiến thức chuyên môn, có kỹ năng, có thái độ, tác phong làm việc tốt, trách nhiệm với công việc [2], “có sức khỏe thể chất, tinh thần tốt; có trình độ tay nghề cao, khả năng lao động giỏi và kỹ năng chuyên môn tốt trong nghề; có những phẩm chất xã hội tốt đẹp, như tinh thần nhân văn, tập thể, hòa nhập, thích nghi làm việc trong môi trường đa văn hóa...” [13] Như vậy, tiêu chí của nguồn nhân lực chất lượng cao chính là những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tính chất, biểu hiện của con người XHCN, với sứ mệnh và trách nhiệm xây dựng lại một đất nước Việt Nam đang hoàng hôn, to đẹp hơn.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê về tình hình nguồn nhân lực của Việt Nam hiện nay thì dân số năm 2023 của cả nước ước tính 100,3 triệu người. Trong đó, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2023 đạt 52,4 triệu người, tăng 666,5 nghìn người so với năm trước. Lực lượng lao động ở khu vực thành thị là 19,5 triệu người, chiếm 37,3%, khu vực nông thôn là 32,9 triệu người, chiếm 62,7%; lực lượng lao động nữ đạt 24,5 triệu người, chiếm 46,7%, lực lượng lao động nam đạt 27,9 triệu người, chiếm 53,3%. Như vậy, cán cân nguồn nhân lực của Việt Nam vẫn đang nghiêng về dân số trẻ, đây là thời cơ vàng cho sự phát triển. Tuy nhiên, lực lượng lao động đã qua đào tạo có bằng, chứng chỉ ước tính chỉ là 14,1 triệu người, chiếm 27,0%, nghĩa là cả nước vẫn còn hơn 38,0 triệu lao động chưa qua đào tạo [14]. Con số này cho thấy thách thức không nhỏ trong việc nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật của người lao động. Do đó, việc xây dựng các chính sách và chương trình đào tạo cụ thể nhằm tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước là yêu cầu rất cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Trên cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người XHCN, đồng thời xuất phát

từ yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao hiện nay, có thể đề xuất một số giải pháp cụ thể như sau:

Một là, đổi mới công tác giáo dục và đào tạo, khuyến khích tinh thần học tập suốt đời theo tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đảng và Nhà nước cần tăng cường và tạo điều kiện cho người dân học tập không ngừng, cập nhật kiến thức mới, rèn luyện kỹ năng để đáp ứng yêu cầu của thời đại. Đi đôi với giáo dục tri thức thì đồng thời phải đẩy mạnh việc giáo dục đạo đức, nhấn mạnh các giá trị như lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, tinh thần tự lực, tự cường và tinh thần trách nhiệm.

Xây dựng chương trình giáo dục hiện đại, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế số, trí tuệ nhân tạo (AI) và cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Tăng cường giáo dục STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học) để phát triển tư duy sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề. Đẩy mạnh đào tạo giáo dục nghề nghiệp, gắn kết chặt chẽ giữa các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp. Phát triển các chương trình đào tạo theo mô hình học nghề kép, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. Để có nguồn nhân lực chất lượng cao phải có đội ngũ giáo viên, giảng viên chất lượng cao, vì vậy phải không ngừng nâng cao trình độ của giảng viên. Khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học và học tập ở nước ngoài.

Hai là, xây dựng phẩm chất đạo đức, ý chí tự lực, tự cường và trách nhiệm xã hội. Tăng cường giáo dục đạo đức, đặc biệt là những giá trị của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, giúp người học hiểu và áp dụng những giá trị đạo đức mà Người đề cao, từ đó tạo ra những công dân có ý thức cao về vai trò và trách nhiệm của mình đối với xã hội. Tăng cường đào tạo các kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian, và khả năng tự học. Những kỹ năng này là cần thiết để làm việc hiệu quả trong môi trường hiện đại.

Ba là, thúc đẩy tinh thần đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp. Đảng và Nhà nước tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích sáng tạo trong mọi lĩnh vực, từ nghiên cứu khoa học, công nghệ đến quản lý và sản xuất. Hỗ trợ và

thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, giúp các cá nhân và doanh nghiệp trẻ phát triển ý tưởng kinh doanh mới, đóng góp vào sự phát triển kinh tế đất nước. Cung cấp vốn, tư vấn và đào tạo cho các doanh nghiệp khởi nghiệp. Tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp trong giới trẻ. Tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, đầu tư vào cơ sở hạ tầng và công nghệ hiện đại. Khuyến khích sinh viên và các nhà nghiên cứu tham gia các dự án nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.

Bốn là, tăng cường xây dựng tinh thần đoàn kết và mở rộng hợp tác trong nước, trong khu vực và trên thế giới. Xây dựng tinh thần đoàn kết, hợp tác giữa các thành viên trong cộng đồng, giữa các doanh nghiệp và tổ chức. Tạo ra môi trường làm việc hài hòa, tôn trọng lẫn nhau. Mở rộng hợp tác quốc tế, học hỏi và tiếp thu những tiến bộ khoa học, kỹ thuật từ các nước phát triển, đồng thời giữ vững bản sắc dân tộc. Tăng cường hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp quốc tế. Khuyến khích

trao đổi học tập và nghiên cứu giữa các nước, tạo cơ hội học hỏi và tiếp thu kiến thức tiên tiến. Xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, giúp sinh viên có khả năng làm việc và cạnh tranh trên thị trường lao động toàn cầu.

Năm là, đảm bảo cơ chế, chính sách đãi ngộ thỏa đáng, đánh giá đúng tiềm năng, năng lực của nguồn nhân lực. Đảm bảo chính sách đãi ngộ, tiền lương và phúc lợi xứng đáng cho người lao động, tạo động lực làm việc và cống hiến. Xây dựng và thực thi pháp luật công bằng, tạo môi trường làm việc minh bạch, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động, thu hút và trọng dụng nhân tài. Không ngừng cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động. Tăng cường đầu tư vào hệ thống y tế, đảm bảo sức khỏe cho người dân, giúp họ có thể làm việc và cống hiến hết mình. Khuyến khích người lao động tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao để nâng cao đời sống tinh thần, tạo điều kiện phát triển toàn diện con người.

4. KẾT LUẬN

Đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc với những cơ sở khoa học và thực tiễn vững chãi, bởi “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay...” [4]. Vì vậy, chúng ta càng phải nhất quyết thực hiện thành công Kỷ nguyên mới đó là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam XHCN, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu [7]. Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh để chúng ta vững vàng niềm tin xây dựng CNXH trên nền tảng nguồn nhân lực chất lượng cao với những con người XHCN sẽ đem lại thành công rực rỡ cho Đảng, Nhà nước và Nhân dân Việt Nam.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- Hoàng Chí Bảo (2005): *Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
- Lê Tiến Dũng: *Nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay và những vấn đề đặt ra*, Tạp chí Công thương điện tử, <https://tapchicongthuong.vn/nguon-nhan-luc-chat-luong-cao-o-viet-nam-hien-nay-va-nhung-van-de-dat-ra-122398.htm>
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 1, tr.203-204
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Khát vọng hùng cường và hiện thực hóa ở Việt Nam* - <https://daihoi13.dangcongsan.vn/multimedia/bai-5-khat-vong-hung-cuong-va-hien-thuc-hoa-o-viet-nam-6720>.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022): *Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* (<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghi-quyet-so-29-nqtw-ngay-17112022-hoi-nghi-lan-thu-sau-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-ve-tiep-tuc-day-manh-cong-9018>).

6. Trần Văn Giàu (2010): *Hồ Chí Minh vĩ đại một con người*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

7. Tô Lâm (2024): *Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*, Tạp chí Cộng sản, ngày 01/11/2024.

8. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, tập 6*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

9. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, tập 11*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, tập 12*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

11. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, tập 13*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

12. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, tập 14*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

13. Trần Văn Phòng, TS. Lê Thị Hạnh (2018): *Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng*, Tạp chí Cộng sản điện tử,

14. Tổng Cục Thống kê (2024): *Tình hình lao động của Việt Nam năm 2023*, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2024/01/tinh-hinh-thi-truong-lao-dong-viet-nam-nam-2023/>.



MỘT SỐ KHÁC BIỆT TRONG GIÁO TRÌNH TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN DÀNH CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

TS. PHẠM THANH HÀ *

TÓM TẮT

Những năm gần đây, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQGHN tiếp nhận một số lượng khá lớn thực tập sinh và lưu học sinh một số nước trên thế giới đến học tập và giao lưu văn hoá, trong số đó người đến từ Trung Quốc chiếm khá đông, khoảng 60%. Nhu cầu của người học Trung Quốc rất khác nhau, một bộ phận không nhỏ học tiếng Việt ở bậc đại học và tiếp tục học bậc cao hơn ở các chuyên ngành như Ngôn ngữ học, Văn học, Đông phương học, Chính trị học, Triết học Mác - Lênin... Ngoài ra, có một bộ phận người học Trung Quốc đang học cao học ở Trung Quốc nhưng có nhu cầu học tập trao đổi các môn lý luận chính trị Mác - Lênin ở nước ngoài như một môn học ngoại khoá, cụ thể là môn triết học Mác - Lênin và môn Chủ nghĩa xã hội khoa học ở khoa triết học, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQGHN.

Từ khóa: Thực tập sinh Trung Quốc, Triết học Mác - Lênin, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQGHN.

Nhận bài: 15/11/2024; đưa vào quy trình biên tập: 16/11/2024; duyệt đăng: 25/02/2025.

1. DẪN NHẬP

Việt Nam và Trung Quốc là hai quốc gia đều lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và hướng đến mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, cách tiếp cận, nghiên cứu và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin cũng có một số điểm khác biệt. Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng còn Trung Quốc nêu học thuyết “Ba đại diện” bao gồm tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình và chủ nghĩa Mác, còn được gọi là chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc.

Công việc truyền bá chủ nghĩa Mác vào hai nước cũng có nhiều sự khác biệt về hoàn cảnh lịch sử. Ở Việt Nam, theo như nhận xét của Giáo sư Trần Văn Giàu: “Nguyễn Ái Quốc, các bạn chiến đấu và các học trò của Nguyễn đã thành công lớn trong việc

truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam những năm 1920, trước hết nhờ giá trị phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin; Lý do quan trọng khác là nhờ các đồng chí đó nắm được hay được thúc đẩy bởi những điều kiện khách quan thuận lợi của xã hội Việt Nam, của Đông Dương sau chiến tranh thế giới [lần thứ nhất], lấy đó làm tiền đề cho sự truyền bá của mình” [1, tr. 51] Ngoài ra, phải kể đến Hải Triều một nhà lý luận mácxít, vào năm 1938 đã xuất bản cuốn Chủ nghĩa Mác Xít phổ thông. Có thể nói Hải Triều cũng được coi là nhà tiên phong đặt viên gạch đầu tiên cho lý luận văn học và văn hoá của Việt Nam, là chiến sĩ tiên phong trên mặt trận văn hoá của Đảng ta. Ở Trung Quốc theo Giáo sư Lý Trạch Hậu⁽¹⁾: “trước cách mạng tháng 10 Nga, một số trí thức, lưu học sinh Trung Quốc đã biết đến, từng được giới thiệu về Mác và khái quát học thuyết của ông,

trong những người đó là Chu Chấp Tín. Sau này trong tổng kết lịch sử cách mạng Trung Quốc và tuyên bố quốc sách năm 1949 Mao Trạch Đông cho rằng cách mạng tháng Mười Nga nổ ra đã tặng chủ nghĩa Mác - Lênin cho Trung Quốc” [2, tr. 938-939]. Ngoài ra, còn có thể kể đến nhà nghiên cứu Lý Đại Chiêu năm 1919 đã viết bài Quan điểm của tôi về chủ nghĩa Mác vốn được coi là văn bản đầu tiên chính thức giới thiệu học thuyết Mác, và là dấu mốc đầu tiên của sự tiếp thu, lý giải sớm học thuyết này của nhóm thanh niên trí thức Trung Quốc, tiếp theo là Trần Độc Tú, Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ...

Lịch sử nghiên cứu vấn đề du nhập, tiếp thu, phát triển và vận dụng chủ nghĩa Mác ở Việt Nam và Trung Quốc còn nhiều vấn đề cần làm rõ hơn. Vì vậy, chúng tôi chỉ dừng lại ở việc tóm tắt đơn giản quá trình du nhập chủ nghĩa Mác ở Việt Nam và Trung Quốc như trên. Mục tiêu chính của bài viết này là tập trung nghiên cứu nội dung và kết cấu của giáo trình giảng dạy triết học Mác - Lênin được biên soạn cho các hệ đào tạo cao đẳng và đại học ở Việt Nam và Trung Quốc (xuất bản từ năm 2019 đến nay). Đồng thời, chỉ ra một số thuật ngữ và cách tiếp cận nghiên cứu và giảng dạy triết học Mác - Lênin ở các trường. Bằng cách này, chúng tôi mong muốn giúp cho lưu học sinh Trung Quốc hiểu rõ hơn các thuật ngữ triết học Mác - Lênin trong quá trình học tập và nghiên cứu triết học này.

2. VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

2.1

Tìm hiểu nội dung và kết cấu giáo trình triết học Mác - Lênin

Đối chiếu hai cuốn sách: *Giáo trình triết học Mác - Lênin* (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị) của các tác giả Việt Nam biên soạn và *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác* (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị) của các học giả Trung Quốc biên soạn, chúng tôi thấy có một số điểm lưu ý như sau:

Về kết cấu: cuốn *Giáo trình triết học Mác - Lênin* (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị) của Bộ Giáo dục và Đào tạo do nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật ấn hành năm 2021 được chia làm 3 chương lớn (xem phụ lục). Còn cuốn *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác* (马克思主义基本原理) của Bộ giáo dục và đào tạo Trung Quốc, do Nhà xuất bản Giáo dục cao đẳng, đại học Trung Quốc ban hành năm 2023 là sự kết hợp của ba bộ phận (Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học), đây là cuốn giáo trình dùng phổ biến cho sinh viên các trường cao đẳng, đại học của Trung Quốc hiện nay, các phần cũng được phân chia thành 3 chương nhưng nội dung có khá nhiều khác biệt (xem phụ lục).

Qua so sánh - đối chiếu hai cuốn giáo trình nêu trên của hai nước, chúng tôi thấy có một số vấn đề cần thảo luận:

Thứ nhất, trong cuốn giáo trình của các soạn giả Trung Quốc biên soạn, họ đã cố gắng rút gọn hợp nhất ba bộ phận của Chủ nghĩa Mác thành một cuốn giáo trình chung có tên là “*Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác*” (xuất bản từ năm 2023 đến nay) nhằm dạy cho sinh viên không chuyên lý luận chính trị ở bậc cao đẳng và đại học với tổng số 7 tín chỉ của ba học phần này được chia cho triết học Mác - Lênin 3 tín chỉ, Kinh tế - chính trị Mác - Lênin 2 tín chỉ, Chủ nghĩa xã hội khoa học 2 tín chỉ. Cách phân chia này rất giống với cuốn giáo trình biên soạn của các soạn giả Việt Nam trước đây (năm 2011). Điều này giúp cho sinh viên không chuyên lý luận chính trị dễ dàng nắm bắt được tổng thể các bộ phận của chủ nghĩa Mác, các kiến thức có sự kết nối logic liên tục và làm cho người học không bị quên kiến thức vì nếu tách ra với các khoảng thời gian khác nhau rất dễ làm người học phân tâm nếu học chen các học phần khác.

Thứ hai, trong cuốn *Giáo trình triết học Mác - Lênin* (xuất bản từ năm 2021 đến nay) do các soạn giả Việt Nam biên soạn nhằm giảng dạy cho sinh viên không chuyên lý luận

chính trị ở bậc cao đẳng, đại học có sự khác biệt. Nếu như các học giả Trung Quốc có xu hướng rút gọn và hợp nhất các bộ phận của chủ nghĩa Mác lại thì các học giả của Việt Nam lại có xu hướng tách ra thành ba bộ phận riêng biệt với ba học phần cụ thể là triết học Mác - Lênin (3 tín chỉ), Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2 tín chỉ), Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ) với khoảng thời gian học ba học phần khác nhau. Tuy nhiên, học phần học đầu tiên vẫn là triết học Mác - Lênin. Hình thức này, theo cách nhận xét chủ quan của chúng tôi là phù hợp vì kiến thức truyền đạt cho sinh viên vừa đủ không quá nhiều và quá dài gây sự nhàm chán cho người học, đặc biệt hơn nữa, một giảng viên đảm nhận cả ba môn cũng gây khó cho chính giảng viên vì chuyên ngành triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội rất sâu và rộng. Chúng tôi đã từng phỏng vấn một vị phó giáo sư hiện đang giảng dạy tại học viện chủ nghĩa Mác, trường đại học sư phạm Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc⁽²⁾ PGS. Hậu cho rằng nếu dạy gộp cả ba bộ phận của chủ nghĩa Mác như vậy dẫn đến tình trạng giảng viên mạnh mẽ nào sẽ giảng kỹ lưỡng đó còn phần khác hầu như rất ít nói đến và để sinh viên tự nghiên cứu. Như vậy, qua nhận xét trên chúng ta đã thấy được sự bất cập khi gộp chung cả ba bộ phận của chủ nghĩa Mác vào một học phần. Việc tách ra sẽ phù hợp và hiệu quả hơn trong giảng dạy các học phần chủ nghĩa Mác - Lênin cho cả người học và người dạy.

Thứ ba, trong hai cuốn giáo trình (với cuốn của Trung Quốc chúng tôi chỉ tập trung ở phần triết học Mác - Lênin), nếu nhìn tổng thể cả ba chương về cơ bản nội dung là giống nhau. Tuy nhiên, các học giả có cách tiếp cận khác nhau tùy vào những ảnh hưởng của điều kiện kinh tế - xã hội của mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau. Qua so sánh đối chiếu về nội dung chúng tôi thấy không có quá nhiều sự khác biệt về nội dung mà *sự khác biệt chủ yếu nhất nằm ở sự vận dụng thực tiễn* là các nội dung của chương 3 “Chủ nghĩa duy vật lịch sử” nhưng cũng không nhiều, cụ thể là cuốn giáo trình của các soạn giả Trung Quốc nhấn mạnh đến vai trò

của khoa học - công nghệ, văn hoá đối với sự phát triển xã hội. Điều này không có nghĩa là cuốn giáo trình triết học Mác - Lênin của các soạn giả Việt Nam không nói về sự ảnh hưởng của khoa học - kỹ thuật và văn hoá đến sự phát triển xã hội, nhưng cần làm rõ hơn nữa những ảnh hưởng này.

2.2 Tìm hiểu một số phạm trù triết học Mác - Lênin (từ ngôn ngữ tiếng Việt và ngôn ngữ tiếng Trung)

Trong chủ đề này, chúng tôi tập trung vào một số phạm trù triết học như: cái chung - cái riêng - cái đơn nhất; và phạm trù thực tiễn trong phần chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Trước hết, chúng tôi tìm hiểu về bộ ba phạm trù cái chung - cái riêng và cái đơn nhất. Điều khó hiểu là trong cuốn giáo trình *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác* (xuất bản năm 2023) do các học giả Trung Quốc biên soạn dành cho sinh viên không chuyên lý luận chính trị không đề cập đến các phạm trù này trong khi đó 5 cặp phạm trù còn lại (các cặp phạm trù: tất nhiên - ngẫu nhiên; nguyên nhân - kết quả; nội dung - hình thức; bản chất - hiện tượng; khả năng - hiện thực) vẫn được đề cập đến. Trong khi đó, *Giáo trình triết học Mác - Lênin* (xuất bản năm 2021) do các học giả Việt Nam biên soạn dành cho sinh viên không chuyên lý luận chính trị, vấn đề cập đến nội dung 6 cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật. Khi chúng tôi so sánh nội dung cặp phạm trù cái chung - cái riêng và cái đơn nhất với cuốn giáo trình Triết học chủ nghĩa Mác (xuất bản năm 2020) dành cho sinh viên chuyên lý luận chính trị do các học giả Trung Quốc biên soạn khi nghiên cứu nội dung này cũng có một số khác biệt cần tìm hiểu. *Thứ nhất*, các học giả Trung Quốc khi nghiên cứu cặp phạm trù này không chỉ ra là cái chung - cái riêng - cái đơn nhất, mà họ đặt tên cặp phạm trù này là cái toàn thể và cái bộ phận (整体 - 部分). Và họ chỉ ra cái toàn thể là do cái bộ phận tạo nên, không có cái bộ phận thì sẽ không có cái toàn thể và ngược lại cái toàn thể sẽ quy định cái bộ phận cho nên không có

cái toàn thể càng không thể có cái bộ phận. Các học giả Trung quốc đã trích dẫn nhận xét của Mao Trạch Đông về mối quan hệ biện chứng của cái toàn thể và cái bộ phận như sau: “Tính chất của cái bộ phận lệ thuộc vào tính chất của cái toàn thể, tuy nhiên tính chất của cái toàn thể không thể thoát ly hoàn toàn với cái bộ phận, toàn thể là do tất cả cái bộ phận tạo thành” [4,100]. Cái toàn thể bao hàm cái bộ phận, cái bộ phận phản ánh hiện thực của cái toàn thể. Cái toàn thể bao hàm cái bộ phận nhưng do cái toàn thể lại do cái bộ phận tổ hợp thành. Cái bộ phận luôn đang phản ánh hiện thực cái toàn thể. Phát hiện trong sinh học phân tử hiện nay, cho thấy nguyên nhân toàn bộ di truyền của cơ thể sinh học do nhiễm sắc thể của tế bào chuyển sang. Từ đó, chúng ta có thể khẳng định rằng bất cứ một tế bào của cơ thể sinh học nào cũng có thể sinh trưởng thành một loại sinh vật nào đó. Trong xã hội, gia đình chính là tế bào của xã hội, nó phản ánh những đặc trưng của tình trạng xã hội đó.

Cái toàn thể và cái bộ phận trong những điều kiện nhất định có thể chuyển hoá cho nhau. Trong điều kiện nhất định một bộ phận của cái toàn thể tách ra khỏi cái toàn thể lúc đầu, và trở nên độc lập với cái toàn thể ban đầu. Sự phân chia, chia tách từ cái toàn thể có thể chuyển hoá thành cái bộ phận thành cái chung. Cái toàn thể khi nằm trong cái toàn thể lớn hơn nữa trong quá trình du nhập vào cái toàn thể lớn hơn chuyển hoá thành cái bộ phận.

Chức năng của cái toàn thể và cái bộ phận không phải như nhau mà chúng ta cần dựa vào hoàn cảnh cụ thể để nhận định. Từ góc nhìn triết học nghiên cứu thì có ba cách hiểu sau: Một là, chức năng của cái toàn thể căn bản không như chức năng cái bộ phận, như nước do hai nguyên tố O và H tạo nên nhưng chức năng của O và H không như chức năng của nước. Cũng giống như cái đồng hồ được tạo thành từ các bộ phận, linh kiện khác nhau và chúng có chức năng khác chức năng của cái đồng hồ. Hai là, chức năng lớn của cái toàn thể liên quan với cái bộ phận. Chẳng hạn như, người lao động và công cụ lao động,

công cụ lao động càng phát triển thì càng làm cho năng suất lao động của người công nhân càng cao. Hệ thống càng được tối ưu hoá thì hình thức kết cấu của nó càng hiệu quả, khiến cho chức năng của cái toàn thể càng phát huy cao độ. Ba là, chức năng nhỏ của cái toàn thể liên quan với cái bộ phận, như là giữa kết cấu của các yếu tố không phù hợp sẽ tạo ra sự triệt tiêu tác dụng của nhau.

Như vậy, cần phải nắm chắc ý nghĩa phương pháp luận của mối quan hệ giữa cái toàn thể và cái bộ phận. Mối quan hệ biện chứng giữa cái toàn thể và cái bộ phận là nền tảng khách quan của phương pháp tư duy thống nhất giữa tổng hợp và phân tích. Khi chúng ta nhận thức sự vật, đầu tiên cần nắm chắc sự phân biệt cái tổng thể do cái bộ phận hợp thành nên nó, làm rõ tính chất của nó, đặc điểm và chức năng của nó. Sau đó, tổng hợp lại để nhận thức rõ cái tổng thể. Tức là nếu hiểu được cái toàn thể thì sẽ hiểu được cái bộ phận. Đồng thời, trong hoạt động thực tiễn chúng ta cần chú ý điều chỉnh mối quan hệ của cái bộ phận, nhưng cũng càng phải chú ý nghiên cứu và nắm chắc ý nghĩa quyết định của cái toàn thể đối với cái bộ phận.

Trong cuốn Giáo trình triết học Mác - Lênin (xuất bản năm 2021) do các học giả Việt Nam biên soạn, nội dung cập phạm trù cái chung - cái riêng - cái đơn nhất được nghiên cứu có những điểm khác biệt đáng chú ý. Các học giả đã đưa ra khái niệm và bản chất của cái chung, cái riêng, cái đơn nhất và chỉ ra sự khác nhau căn bản. Nếu như các học giả Trung Quốc đưa ra thuật ngữ phạm trù cái toàn thể và cái bộ phận còn các học giả Việt Nam gọi là cái chung và cái riêng thì chúng ta cũng tạm chấp nhận vì ngôn ngữ có sự khác biệt. Tuy nhiên, vấn đề là ở chỗ, phạm trù cái đơn nhất không được các học giả Trung Quốc nhắc đến, trong khi đó các học giả Việt Nam nói rất rõ phạm trù này. “Cái đơn nhất là một phạm trù triết học dùng để chỉ các mặt, các đặc điểm chỉ vốn có ở một sự vật, hiện tượng (một cái riêng nào đó) mà không lặp lại ở sự vật, hiện tượng nào khác” [3, tr.102]. Tiếp theo, các học giả Việt Nam cũng khẳng định mọi cái riêng đều là

sự thống nhất và đối lập của cái đơn nhất và cái chung. Thông qua những thuộc tính những đặc điểm không lặp lại của mình, nó thể hiện là cái đơn nhất; nhưng thông qua những thuộc tính lặp lại ở đối tượng khác - nó lại thể hiện là cái chung. Trong khi là những mặt của cái riêng, cái đơn nhất và cái chung không đơn giản tồn tại trong cái riêng, mà gắn bó hữu cơ với nhau và trong điều kiện xác định có thể chuyển hoá cho nhau.

Mối liên hệ giữa cái chung và cái đơn nhất thể hiện trước hết ở mối liên hệ lẫn nhau trong một thể thống nhất gồm các mặt, các yếu tố đơn lẻ vốn có, trong một sự vật hiện tượng này và các mặt, các yếu tố được lặp lại của nó trong các sự vật hiện tượng khác. Trong phần ý nghĩa phương pháp luận, các tác giả nhấn mạnh đến mối liên hệ giữa cái chung và cái đơn nhất như sau: "... nếu bất kỳ một phương pháp nào cũng bao hàm cả cái chung và cái đơn nhất thì khi sử dụng một kinh nghiệm nào đó trong điều kiện khác, không nên sử dụng hình thức hiện có của nó mà chỉ nên rút ra những mặt chung đối với trường hợp đó, chỉ rút ra những cái thích hợp với điều kiện đó" [3, tr.104] (khá trừu tượng đối với sinh viên năm nhất).

Qua so sánh phạm trù cái chung - cái riêng - cái đơn theo giáo trình của các học giả Việt Nam biên soạn và phạm trù cái toàn thể - các bộ phận ở trên. Chúng tôi thấy có khá nhiều sự khác biệt về cách tiếp cận và nghiên cứu. Theo chúng tôi, cách các học giả Trung Quốc biên soạn nội dung cập phạm trù cái toàn thể và cái bộ phận khá dễ hiểu và cụ thể cho người học nghiên cứu, họ đã cố gắng bản địa hóa những kiến thức của triết học Mác không chỉ trong nội dung này mà rất nhiều nội dung khác mà chúng tôi do năng lực hạn chế chưa nêu ra hết được. Đây cũng là mục tiêu của Trung Quốc khi xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng của mình. Đối chiếu với các học giả Việt Nam khi biên soạn cập phạm trù cái chung - cái riêng và cái đơn nhất, cũng theo quan điểm chủ quan của chúng tôi thì tương đối trừu tượng ít các thí dụ minh hoạ điều này khiến cho người học không dễ dàng

hiểu ngay được bản chất của vấn đề (vấn đề này khá khó chúng tôi cần nghiên cứu thêm, trong bài viết này chỉ nêu ra một số khác biệt và những đánh giá chủ quan).

Tiếp theo, chúng tôi đề cập đến phạm trù thực tiễn (实践), có thể nói rằng hai cuốn giáo trình đều nghiên cứu về phạm trù này khá giống nhau. Chúng tôi chỉ tìm hiểu một nội dung nghiên cứu của phạm trù này mà các học giả Việt Nam không đề cập đến những các học giả Trung Quốc nghiên cứu khá kỹ đó là nội dung đổi mới sáng tạo. Trong nội dung này họ đưa khá nhiều trích dẫn của Tổng bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc Tập Cận Bình làm cơ sở phân tích về đổi mới sáng tạo: "Yêu cầu căn cứ vào thực tiễn phát triển và sự biến đổi của thời đại, không ngừng nhận thức sâu sắc, không ngừng tổng kết kinh nghiệm, không ngừng tiến hành đổi mới sáng tạo lý luận. Kiên trì lý luận chỉ đạo và sự thống nhất phép biện chứng trong hoạt động thực tiễn. Thực hiện đổi mới sáng tạo lý luận kết hợp với đổi mới sáng tạo thực tiễn. Điều này là sự phát triển đúng đắn triết học Mác trong thế kỷ 21" [4, tr. 119]. Ngoài ra, cách tiếp cận phạm trù thực tiễn của các học giả Trung Quốc cũng có một số khác biệt về vai trò của thực tiễn đối với chân lý và sai lầm... các vấn đề này chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu tiếp.



3. KẾT LUẬN

Từ những tìm hiểu so sánh nội dung và kết cấu hai cuốn giáo trình trên, chúng tôi có một số ý kiến và khuyến nghị sau:

Thứ nhất, từ cách tiếp cận nội dung hai cuốn giáo trình: Triết học Mác - Lênin và Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác, chúng tôi thấy rằng những nội dung của triết học Mác - Lênin nói riêng và chủ nghĩa Mác nói chung cần phải luôn được tiếp tục nghiên cứu và bổ sung cho phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Dù là tách hay nhập các bộ phận của chủ nghĩa Mác trong chương trình đào tạo lý luận chính trị cho người học thì chúng cũng luôn cần được cập nhật những kiến thức mới về các vấn đề chính trị - xã hội trong nước và quốc tế, để đảm bảo tính khoa học, tính lý luận và thực tiễn.

Thứ hai, trong nghiên cứu này của chúng tôi chỉ tập trung vào nội dung rất nhỏ của cặp phạm trù cái chung - cái riêng - cái đơn nhất và phạm trù thực tiễn. Nhưng qua đó, chúng tôi thấy được cách tiếp cận khác nhau của học giả hai nước và gợi mở cho chúng tôi nhiều vấn đề còn bỏ ngỏ khi nghiên cứu các nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng, đặc biệt là vận dụng những thành tựu khoa học tự nhiên mới vào trong giảng dạy.

Thứ ba, với thực tiễn tham gia giảng dạy triết học Mác - Lênin cho thực tập sinh Trung Quốc tại khoa triết học trường Đại học khoa học xã hội & Nhân văn - ĐHQGHN, chúng tôi thấy rằng cần cập nhật nhiều hơn nữa những vấn đề mới trong nghiên cứu triết học Mác - Lênin đặc biệt là vận dụng thực tiễn phong phú đa dạng trong giảng dạy triết học Mác - Lênin và những đặc thù trong hoàn cảnh lịch sử nghiên cứu triết học của hai quốc gia là vô cùng quan trọng và cần thiết.

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Lý Trạch Hậu sinh năm 1930, quê quán Hồ Nam, Trung Quốc. Ông là nhà triết học, mỹ học Trung Quốc, từng giảng dạy tại các trường đại học Michigan Hoa Kỳ, giáo sư thỉnh giảng tại viện nghiên cứu Trung ương Đài Bắc, năm 1988 được đề cử làm viện sĩ của viện triết học Pháp...

⁽²⁾ PGS. Hậu Nhất Phu giảng viên trường đại học sư phạm Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc, đưa thực tập sinh cao học chuyên ngành chính trị học và một số chuyên ngành khác đến khoa triết học trường Đại học KHXH&NV - ĐHQGHN trao đổi học tập 3 tháng, từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2023.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Trần Văn Giàu (1993), Tập III, Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Lý Trạch Hậu (2015), Trung Quốc tư tưởng sử luận, Nguyễn Quang Hà dịch, Nxb. Thế Giới.
3. Giáo trình triết học Mác - Lênin (2021), Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
4. Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác (2023), Công trình trọng điểm nghiên cứu và xây dựng lý luận chủ nghĩa Mác, Nxb. Giáo dục Cao đẳng - Đại học, Bắc Kinh, Trung Quốc [马克思主义基本原理” (2023), 马克思主义理论研究和建设工程重点教材, 北京: 高等教育出版社]

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THU HÚT VÀ TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI Ở TỈNH BẮC NINH HIỆN NAY

THS. CAO VĂN ĐAN *

TÓM TẮT

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, tỉnh Bắc Ninh đã sớm ban hành và thực hiện quy định về chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng thu hút và sử dụng nhân tài. Bài viết chỉ rõ sự cần thiết của công tác thu hút và trọng dụng nhân tài, từ đó đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác thu hút, trọng dụng nhân tài, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế hiện nay ở tỉnh Bắc Ninh.

Từ khóa: giải pháp, thu hút, trọng dụng, nhân tài, Bắc Ninh.

Nhận bài: 02/01/2025; đưa vào quy trình biên tập: 02/01/2025; duyệt đăng: 25/02/2025.

1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THU HÚT, TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI Ở TỈNH BẮC NINH

Lịch sử loài người đã khẳng định, nhân tài là một trong những nhân tố quyết định sự hưng thịnh, thành bại của mỗi quốc gia. Ở nước ta, câu nói nổi tiếng của Thân Nhân Trung được khắc trên tấm bia thứ nhất khoa thi tiến sĩ năm Nhâm Tuất (1442) dựng năm 1484, đến nay vẫn còn nguyên giá trị: “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia; nguyên khí mạnh thì thế nước mạnh mà hưng thịnh; nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp hèn; vì thế các bậc thánh vương, đế minh không đời nào không lấy việc vun trồng kẻ sĩ, bồi dưỡng nhân tài làm công việc cần kíp” [8, tr. 4]. Trong thực tế, nếu có người hiền tài mà không biết, biết mà không dùng, dùng mà không tín nhiệm là ba điểm chướng ngại cho quốc gia. Kế thừa truyền thống quý trọng hiền tài của cha ông ta trong lịch sử, ngay sau khi giành được chính quyền Cách mạng tháng Tám năm 1945, để đưa đất nước thoát khỏi tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” việc tìm kiếm nhân tài đã trở nên rất cấp thiết. Ngày 14/11/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu quan điểm của mình về vai trò quan trọng

của nhân tài trong bài viết *Nhân tài và kiến quốc* đăng trên báo Cứu quốc: “Kháng chiến có thắng lợi thì kiến thiết mới thành công. Kiến quốc có chắc thành công, kháng chiến mới mau thắng lợi. Kiến thiết cần có nhân tài” [trích theo 9, tr. 22]. Chủ tịch Hồ Chí Minh coi cán bộ, nhân tài là tài sản quý của dân tộc. Người là một nhà cách mạng điển hình trong việc thu hút, trọng dụng, đào tạo cán bộ và nhân tài cho đất nước. Khởi xướng sự nghiệp đổi mới đất nước, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) Đảng ta đã khẳng định: Nhân tài không phải là sản phẩm tự phát mà phải được phát hiện và bồi dưỡng công phu. Nhiều tài năng có thể mai một nếu không được phát hiện và sử dụng đúng lúc, đúng chỗ. Gần đây, Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XIII (2021) đã tiếp tục khẳng định chủ trương nhất quán của Đảng, Nhà nước ta về nhân tài là: “Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài; có chính sách vượt trội để thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia cả trong và ngoài nước” [6, tr. 221].

Bắc Ninh là vùng đất “địa linh - nhân kiệt”, nơi phát tích vương triều Lý. Ngày nay, sau hơn 25 năm tái lập tỉnh, từ một tỉnh thuần nông Bắc Ninh cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt được xếp hạng top đầu cả nước, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 1997 - 2021 là 13,9%/năm. Bắc Ninh được xác định là Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cực tăng trưởng của Vùng Thủ đô. Cùng với các địa phương trong cả nước, tỉnh Bắc Ninh xác định công tác thu hút, trọng dụng nhân tài là một chủ trương lớn trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Việc xây dựng kế hoạch thu hút, trọng dụng nhân tài là trách nhiệm của các cấp, các ngành, nhân dân trong tỉnh. Tỉnh Bắc Ninh đã cụ thể hóa chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về thu hút, trọng dụng nhân tài để xây dựng, ban hành các quy định, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài. Sau khi tái lập tỉnh năm 1997, đến năm 2000, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã ban hành quyết định số 105/2000/QĐ-UB về việc: Quy định chế độ chính sách đào tạo, bồi dưỡng thu hút và sử dụng nhân tài tỉnh Bắc Ninh. Quyết định nêu rõ: Đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài là một chủ trương lớn trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của tỉnh Bắc Ninh. Ngày 30/11/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành quyết định số 680/QĐ-UBND về việc: Phê duyệt quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Quyết định đã chỉ rõ: “Phát triển nhân lực có trọng tâm, trọng điểm, chú trọng phát triển nhân tài, xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh” [xem 11]. Sau nhiều lần sửa đổi, bổ sung, đến nay chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng nhân tài đã thu hút được nhiều người trình độ chuyên môn đại học và sau đại học loại giỏi về công tác tại tỉnh. Những nhân tài về làm việc tại tỉnh đã đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ chính trị

của địa phương. Tuy nhiên, công tác thu hút, trọng dụng nhân tài của tỉnh vẫn còn những bất cập, nhận thức của một số cán bộ cấp ủy, chính quyền về việc phát hiện, thu hút, trọng dụng, bồi dưỡng nhân tài còn hạn chế. Tỉnh chưa ban hành chính sách chuyên biệt về thu hút, trọng dụng nhân tài. Số lượng nhân tài có năng lực chuyên môn, học hàm, học vị cao, các chuyên gia, nhà khoa học trẻ, sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, nhân tài ở ngoài tỉnh, nhân tài là kiều bào ở nước ngoài được thu hút về tỉnh chưa nhiều. Theo báo cáo thống kê của Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh, tính đến năm 2021, số cán bộ là công chức từ cấp huyện trở lên trong toàn tỉnh có trình độ tiến sĩ là 31 người; viên chức từ cấp huyện trở lên có trình độ tiến sĩ là 19 người, công chức cấp xã có trình độ tiến sĩ là 01 người. Số cán bộ là công chức từ cấp huyện trở lên có trình độ thạc sĩ là 864 người, cán bộ là viên chức có trình độ thạc sĩ là 2.382 người. Trong tổng số cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ thì đa số là những người đang làm việc được cử đi học sau đại học ở bậc cao học và nghiên cứu sinh, số lượng thu hút người đã có trình độ cao là tiến sĩ, PGS, GS về tỉnh làm việc rất hạn chế. Nghịch lý là, sau khi nghị quyết về thu hút nhân tài được ban hành thì tỉnh Bắc Ninh đã không tuyển được nhân tài nào, dù đã có chính sách hỗ trợ vượt trội về tài chính, nhà ở. Từ thực trạng nêu trên, bài viết đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác thu hút, trọng dụng nhân tài nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế ở tỉnh Bắc Ninh hiện nay.



Ảnh: bacninh.tv.vn

2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC THU HÚT, TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI CỦA TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

2.1 Tập trung nghiên cứu, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương của Đảng, Nhà nước để xây dựng và triển khai chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Vận dụng quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chính sách đãi ngộ nhân tài, trí thức, Đảng ta đã từng bước xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ, trọng dụng, tôn vinh, khen thưởng nhân tài cho phù hợp với từng thời kỳ của đất nước. Đảng ta đã chỉ rõ: “Thực hiện đồng bộ chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng nhân tài khoa học, công nghệ” [5, tr. 423]. Chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài đúng đắn, đủ mạnh, không chỉ có sức lôi cuốn, tác động mạnh mẽ tới nhân tài mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với việc thu hút, trọng dụng nhân tài ổn định, bền vững cho đất nước và các địa phương. Trong thực tế, nếu chỉ chạy đua, làm theo phong trào, không sát với điều kiện thực tiễn của địa phương, sự thiếu đồng thuận trong việc ưu đãi nhân tài mới thu hút sẽ tạo ra mâu thuẫn trong nội bộ cơ quan khi nhân tài được ưu đãi, khen thưởng, tôn vinh nhiều hơn so với đội ngũ cán bộ cũ tại chỗ. Hoặc khi vận dụng chính sách nhân tài của cấp trên vào địa phương không có tầm nhìn chiến lược, dài hạn sẽ dẫn tới chính sách nhân tài lỗi thời, không phản ánh đúng thực tiễn, phải tạm dừng, điều chỉnh, bổ sung. Như vậy, sẽ lãng phí thời gian, công sức, chính sách thiếu tính ổn định bền vững. Điều này sẽ tác động tới các quyết định, lựa chọn của nhân tài có về địa phương công tác hay không.

Để vận dụng tốt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về thu hút, trọng dụng nhân tài phù hợp với điều kiện của tỉnh Bắc Ninh, cần thực hiện những nội dung sau:

Thứ nhất, trong quá trình nghiên cứu, xây dựng chính sách về thu hút, trọng dụng nhân tài, các cấp ủy, chính quyền tỉnh cần bám sát chủ trương quan điểm của Đảng đã đề ra như: “Đất nước ta không thiếu nhân tài, vấn đề là

phải có những chính sách, cơ chế thích hợp để phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng người tài” [3, tr. 35]. Thông qua lao động, sản xuất, các phong trào thi đua yêu nước của quần chúng nhân dân để phát hiện, tìm kiếm những người có phẩm chất đạo đức, có tài năng để kịp thời bồi dưỡng, đào tạo nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ cho họ. Đặc biệt phải quan tâm tạo nguồn từ sinh viên, học viên, người lao động trẻ, kể cả thu hút nhân tài là đồng bào người Việt Nam, đang định cư, học tập, làm việc ở nước ngoài, tạo mọi điều kiện về vật chất, tinh thần, môi trường làm việc thuận lợi để họ về đóng góp tài năng cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nghiên cứu và vận dụng có hiệu quả các Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương, các đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng bàn về nhân tài và các công tác liên quan đến chính sách thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài. Tiêu biểu là các đại hội: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (2006) của Đảng đã đưa ra chủ trương: “Thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài, các nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư, kỹ sư trưởng... Thu hút chuyên gia, đặc biệt là chuyên gia giỏi người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia giảng dạy, phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam” [4, tr. 212]. Đại hội XI (2011) của Đảng nhấn mạnh: Thực hiện đồng bộ chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng nhân tài khoa học, công nghệ. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ xứng đáng những cống hiến của tri thức. Có chính sách đặc biệt đối với nhân tài của đất nước. Tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016) Đảng ta tiếp tục khẳng định: Giáo dục là quốc sách hàng đầu. Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

Đại hội lần thứ XIII (2021) của Đảng nêu rõ: Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, có chính sách vượt trội để thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia cả trong và ngoài nước. Đặc biệt, tỉnh Bắc Ninh cần tập trung nghiên cứu Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về việc quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Vận dụng chủ trương của Đảng và Nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân tài, đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XX, nhiệm kỳ (2020 - 2025) đã nêu rõ: “Tạo bước đột phá trong phát triển nguồn nhân lực, triển khai quy hoạch phát triển nguồn nhân lực; quan tâm đầu tư xây dựng hệ thống trường học, nhất là các trường trọng điểm, chất lượng cao theo hướng đồng bộ, hiện đại. Tập trung đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo; chú trọng nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ gắn với giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh, sinh viên và người lao động. Nguồn nhân lực tăng nhanh

về số lượng, đa dạng về cơ cấu, cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được sắp xếp, kiện toàn, chất lượng đào tạo nghề được nâng lên. Quan tâm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và đội ngũ tri thức, chuyên gia trong và ngoài nước làm việc trên địa bàn. Thu hút, tiếp nhận các trường đại học, trung tâm đào tạo có uy tín về hoạt động tại tỉnh; tạo tiền đề cơ bản đưa Bắc Ninh trở thành trung tâm nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của vùng” [7, tr. 55].

Thứ hai, Chính quyền tỉnh cần nghiên cứu để vận dụng, xây dựng chính sách theo Kết luận số 86-KL/TW ngày 24/01/2014 của Bộ Chính trị khóa XI về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, trong đó nhấn mạnh mục tiêu: Xây dựng cơ chế, chính sách đủ sức thu hút sinh viên tốt nghiệp, cán bộ khoa học trẻ có trình độ, năng lực chuyên môn cao, phẩm chất tốt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế để từng bước đào tạo, bồi dưỡng thành nhân tài cho đất nước.

2.2

Tiếp tục đổi mới tư duy để nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác thu hút, trọng dụng nhân tài của cấp ủy, chính quyền tỉnh, cán bộ đảng viên và nhân dân tỉnh.

Bên cạnh việc đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015 - 2020, Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp Hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh khóa XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã nêu ra khuyết điểm hạn chế trong việc chậm đổi mới tư duy: “Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được tập trung chỉ đạo nhưng còn có mặt hạn chế. Công tác nắm bắt định hướng tư tưởng, dư luận, tuyên truyền ở một số cơ sở chưa tốt; Một số đồng chí Tỉnh ủy viên, cán bộ lãnh đạo, cơ quan, đơn vị, địa phương còn có tư tưởng thỏa mãn, chậm đổi mới tư duy, chưa đáp ứng kịp yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, ngại va chạm, chưa phát huy hết tinh thần chủ động sáng tạo và trách nhiệm

cá nhân” [7, tr. 192]. Nhân tài là người có năng lực vượt trội, họ có đặc điểm tâm lý, tính cách, ý chí, nghị lực khác người bình thường, họ sẵn sàng khổ luyện để thành người có đức, có tài. Người tài thường thích làm theo suy nghĩ riêng, nhiều khi trái với cách làm, cách nghĩ của số đông, vì vậy họ tạo nên sự khác biệt và hiệu quả cao trong công việc. Do đó, cần có nhận thức đầy đủ, khách quan về nhân tài để đề ra chính sách thu hút, bố trí sử dụng, đãi ngộ xứng đáng với năng lực của họ.

Tỉnh ủy Bắc Ninh và các cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, thủ trưởng cơ quan đơn vị phải nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc thu hút, trọng dụng nhân tài. Nhân tài không phải là sản phẩm tự phát mà cần được

phát hiện và bồi dưỡng công phu. Nhiều tài năng có thể mai một nếu không được phát hiện và sử dụng đúng lúc, đúng chỗ. Vì vậy, phải tổ chức thường xuyên công tác tuyên truyền, phổ biến để tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của toàn bộ hệ thống chính trị tỉnh và sự ủng hộ, đồng thuận của dư luận xã hội về việc triển khai xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài. Quán triệt thường xuyên, hiệu quả trong cấp ủy, cán bộ đảng viên những quan điểm của Đảng được thông qua trong nghị quyết các đại hội, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng các khóa. Đặc biệt là nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII, Kết luận số 37-KL/TW của Hội nghị Trung ương 9 khóa X về tiếp tục thực hiện Chiến lược cán bộ trong thời kỳ mới, Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/05/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, Nghị quyết Đại hội XI, XII, XIII của Đảng. Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI, Kết luận số 86-KL/TW ngày 24/01/2014 của Bộ Chính trị khóa XI quy định về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ. Đặc biệt, Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới, xác định tầm nhìn đến năm 2045. Nghị quyết nhấn mạnh “Đội ngũ trí thức Việt Nam lớn mạnh, có chất lượng cao, cơ cấu hợp lý, thuộc топ đầu khu vực và tiệm cận với các nước phát triển; Nhiều nhà khoa học có ảnh hưởng trên thế giới, đạt các giải thưởng quốc tế trên các lĩnh vực; nhiều tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục và đào tạo đạt chuẩn quốc tế đáp ứng yêu cầu của quốc gia phát triển” [xem 1].

Từ việc nghiên cứu sâu rộng, cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy, đảng viên nhận thức rõ hơn về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của nhân tài cho sự phát triển bền vững của tỉnh. Từ đó tự giác, quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt

thực hiện tốt các kế hoạch, đề án, nghị quyết, quyết định đã đề ra.

Để đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền và cán bộ, đảng viên của tỉnh về việc thu hút, trọng dụng nhân tài cần nghiên cứu, thực hiện tốt một số điểm sau:

Một là, trong các chương trình, kế hoạch công tác hàng năm, Tỉnh ủy phải xác định rõ công tác thu hút, trọng dụng nhân tài là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác cán bộ. Quán triệt công tác trên tới toàn bộ hệ thống chính trị của tỉnh và các tầng lớp nhân dân để thực hiện có hiệu quả cao nhất.

Hai là, tuyên truyền công khai bằng các hình thức trực tiếp, gián tiếp một cách kịp thời đến các trường đại học, cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh, các trường đại học quốc tế, có học sinh, sinh viên, học viên, nhà khoa học, chuyên gia về các chương trình, chính sách thu hút, trọng dụng, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, tôn vinh đãi ngộ nhân tài của tỉnh. Sau khi đã thu hút được nhân tài thì ngoài “trọng thị, trọng dụng, trọng đãi” cần có “trọng vệ”, tức là cần có cơ chế bảo vệ nhân tài. Đặc biệt, khi đã thu hút được nhân tài, trong quá trình sử dụng nhân tài thì người sử dụng, quản lý nhân tài phải thực sự tin tưởng nhân tài, giao việc phù hợp, bổ nhiệm nhân tài vào các vị trí sở trường để họ thỏa sức cống hiến tài năng của mình.

Ngoài việc được hưởng các chính sách ưu đãi, trợ cấp, khen thưởng trong một thời gian nhất định như đã được công bố công khai, thì nhân tài có năng lực thực sự trước khi được thu hút thường đặt ra những câu hỏi: Cơ hội học tập, thăng tiến thế nào? Môi trường, điều kiện làm việc có đảm bảo không? Công việc được giao có phù hợp với năng lực của mình không? Có được bổ nhiệm vào các chức vụ nhân tài là lãnh đạo quản lý không? Có giải quyết được các vấn đề cá nhân như nhà ở, công việc của người đi kèm nhân tài là vợ hoặc chồng, học tập của con cái tại môi trường mới thế nào? Như vậy, để thu hút, trọng dụng được người thực sự có tài năng, trình độ cao, để họ thật sự yên tâm lao động, cống hiến cho tỉnh thì

ngoài việc xây dựng và thực hiện chính sách đãi ngộ, cần giải quyết một loạt các vấn đề nêu trên liên quan đến nhân tài.

2.3

Phải tạo môi trường và điều kiện làm việc thuận lợi để thu hút nhân tài về công tác tại tỉnh.

Môi trường, điều kiện làm việc là một trong các nhân tố quyết định đến việc có thu hút được nhiều nhân tài thực sự có chuyên môn cao về tỉnh hay không. Chính sách trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh, khen thưởng là những hỗ trợ ban đầu, hoặc kéo dài trong một thời gian nhất định. So với các tỉnh, Thành phố trong cả nước, tỉnh Bắc Ninh luôn quan tâm tới chế độ chính sách để thu hút, đãi ngộ nhân tài. Gần đây, vào tháng 7/2021, Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh có Nghị Quyết số 02 quy định một số chế độ chính sách đối với Trường Trung học Phổ thông Chuyên Bắc Ninh, 8 trường Trung học Cơ sở trọng điểm và chế độ đối với cán bộ quản lý, chuyên gia, giáo viên, học sinh tham gia bồi dưỡng, tập huấn đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, quốc gia, khu vực, quốc tế. Đặc biệt, nếu các thầy cô giáo có học hàm giáo sư hoặc có trình độ tiến sĩ nếu được tuyển chọn dạy tại Trường Chuyên Bắc Ninh sẽ nhận được hỗ trợ từ 100-200 triệu. Nghị quyết nêu rõ: “Nếu các thầy cô giáo có học hàm giáo sư, phó giáo sư hoặc trình độ tiến sĩ ở ngoài tỉnh Bắc Ninh được tiếp nhận giảng dạy tại Trường Chuyên Bắc Ninh và có cam kết lâu dài ít nhất là 10 năm thì được hỗ trợ kinh phí nhà ở trị giá 1 tỷ đồng”. Đây có thể nói là chính sách tốt, cực kỳ ưu việt đối với trường chuyên, giúp nhà trường có cơ hội chào mời, thu hút thầy cô có trình độ chuyên môn cao về công tác. Tuy nhiên, Nghị quyết 02 sau khi ra đời mới giải quyết được chế độ chính sách cho 2 tiến sĩ đã được tuyển dụng từ trước.

Như vậy, có thể thấy, ngoài các chính sách đãi ngộ nhân tài thì môi trường, điều kiện làm việc rất được nhân tài quan tâm, suy nghĩ kỹ trước khi đưa ra quyết định về công việc của mình. Nhân tài cần môi trường làm việc thật

sự dân chủ, thân thiện, tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, không đố kỵ, tạo điều kiện được thăng tiến, bổ nhiệm, bố trí vị trí việc làm phù hợp với sở trường, năng lực của bản thân. Người tài với mục tiêu hàng đầu là đạt hiệu quả cao nhất, tối đa nhất trong công việc nên họ thường không muốn bị bó mình theo một khuôn mẫu cứng nhắc, quy định chặt chẽ gò bó, họ cần sự linh hoạt để thỏa sức sáng tạo, cống hiến. Chính vì vậy, họ cần những quy định khác với người bình thường để làm việc, vì bản thân họ sẵn có tố chất của “nhân tài”, mà nhân tài là người luôn tạo ra sự “khác biệt” trong cách nghĩ, cách làm. Tỉnh ủy Bắc Ninh cần tiếp tục nghiên cứu, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện và triển khai quy chế về chế độ làm việc chuyên biệt dành cho nhân tài. Có như vậy mới thu hút được nhiều nhân tài, người có trình độ học hàm, học vị cao về công tác tại tỉnh. Ngoài ra, nhân tài rất cần được trang bị tối đa các phương tiện làm việc hiện đại, đầy đủ để đáp ứng cho công việc của mình.

2.4

Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo nhằm phát hiện sớm nhân tài ngay từ cấp học ở cơ sở.

Cấp ủy, chính quyền tỉnh, đặc biệt là ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh, cần có kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, phát hiện những học sinh có năng khiếu, sở trường từ sớm để bồi dưỡng, ươm mầm tài năng khi còn học ở các cấp cơ sở. Học sinh có biểu hiện năng khiếu sáng tạo thường thể hiện ra ở cách suy nghĩ khác với người thông thường, có cách nhìn đặc biệt về thế giới và có ý tưởng muốn xây dựng các dự án của cá nhân mình. Để lựa chọn học sinh năng khiếu cần có tiêu chí cụ thể khi nhận diện, trong đó chú ý một số yếu tố sau: không có học sinh năng khiếu cao ở nhiều lĩnh vực và không có học sinh năng khiếu chung chung mà cần gắn cụ thể vào một lĩnh vực, một môn học cụ thể. Hình thức lựa chọn khách quan học sinh năng khiếu là tổ chức đánh giá và tham khảo các nguồn thông tin để lựa chọn chính xác với đạt hiệu quả cao nhất.

Sau khi nhận diện và lựa chọn được học sinh có năng khiếu là phải bắt tay vào đào tạo, bồi dưỡng theo đúng cách. Đây là công việc rất quan trọng và cần được tiến hành theo cách chuyên biệt cho từng đối tượng học sinh có năng khiếu với chương trình riêng để phát triển trí tuệ, tư duy độc lập, tính sáng tạo, phẩm chất đạo đức trong sáng để các tài năng trẻ có thể trở thành nhân tài tương lai cho quê hương, đất nước. Đặc biệt, tỉnh Bắc Ninh cần chú trọng đầu tư mọi nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo các trường phổ thông chuyên của tỉnh, thu hút đội ngũ giáo viên có học hàm, học vị cao về giảng dạy, đào tạo.

2.5 **Gắn việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao với thu hút, trọng dụng nhân tài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội**

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội của mọi quốc gia trên thế giới đều cho thấy nguồn lực con người là vốn lớn nhất, là yếu tố quyết định nhất. Trong mọi giai đoạn phát triển của đất nước nói chung và địa phương nói riêng, nguồn lực con người luôn giữ vai trò trung tâm và là động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh, bền vững. Từ một tỉnh thuần nông, Bắc Ninh đã chuyển mình mạnh mẽ thành tỉnh công nghiệp, có tốc độ tăng trưởng cao, đóng góp quan trọng cho ngân sách nhà nước. Để đáp ứng được nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp

hóa, hiện đại hóa đất nước trên địa bàn tỉnh, nhu cầu về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao càng trở lên cấp thiết. Chủ trương “2 ít” (ít sử dụng đất, ít sử dụng nguồn nhân lực) đã trở thành phương châm, động lực cho nhân dân toàn tỉnh hành động. Như vậy, có thể khẳng định, nguồn nhân lực chất lượng cao là nguồn nhân lực có trí lực, thể lực, đạo đức, được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp, có thái độ tích cực, có khả năng giải quyết các công việc phức tạp, đáp ứng ở mức cao các đòi hỏi của thị trường lao động. Cùng với việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là việc xây dựng chính sách để thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực quý giá này cho sự phát triển của tỉnh. Trong số nguồn nhân lực có trình độ cao, nếu được thu hút, phát hiện, bồi dưỡng sẽ có điều kiện để trở thành nhân tài. Như vậy, nhân tài là nhân lực chất lượng cao ở mức đặc biệt, không chỉ có khả năng xử lý những yêu cầu phức tạp bằng tay nghề hay nghiệp vụ có được từ đào tạo mà còn có sức ảnh hưởng lớn đến sự tồn tại và phát triển chung của quốc gia, đơn vị, doanh nghiệp, được xã hội thừa nhận, tôn vinh. Ở bất kỳ mọi lĩnh vực hoạt động xã hội nào cũng đều cần có những “thủ lĩnh” thực thụ trong lĩnh vực đó. Họ có năng lực dẫn dắt, tập hợp tạo ra những “cú hích” cho sự phát triển của đất nước, của đơn vị, địa phương hay doanh nghiệp. Từ đó, họ tạo ra những khâu đột phá cho sự phát triển, trở thành nhân tố dẫn dắt quan trọng cho sự phát triển của đất nước, địa phương.

3. KẾT LUẬN

Thu hút, trọng dụng nhân tài thực sự đã trở thành chủ trương lớn, nhất quán của Đảng, Nhà nước trong công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và quá độ xây dựng Chủ nghĩa xã hội. Nhân tài không chỉ là người có tài năng “vượt trội” về chuyên môn, mà còn phải có đạo đức của người cách mạng, là người thật sự “vừa hồng, vừa chuyên” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giáo huấn.

Vận dụng chủ trương của Đảng, Nhà nước về thu hút, trọng dụng nhân tài, các cấp ủy đảng, chính quyền và hệ thống chính trị tỉnh Bắc Ninh đã cụ thể hóa thành các chủ trương, quan điểm, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

và chủ động hội nhập quốc tế hiện nay nhân tài được xác định là “chìa khóa vàng”, là nhân tố rất quan trọng cho sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Trong những năm gần đây, đội ngũ nhân tài của tỉnh Bắc Ninh từng bước phát triển về số lượng và chất lượng, những nhân tài được thu hút về đã tích cực đóng góp, cống hiến tri thức cho địa phương. Tỉnh Bắc Ninh luôn quan tâm tới chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, có những chính sách đãi ngộ, trọng dụng ưu việt, vượt trội so với một số tỉnh, thành khác trong cả nước. Tuy nhiên, tất cả đó vẫn là chưa đủ đáp ứng mục tiêu mà tỉnh Đảng bộ đề ra tại đại hội XX (nhiệm kỳ 2020 - 2025) là: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, xây dựng tỉnh Bắc Ninh phát triển bền vững; cơ bản trở thành thành phố trực thuộc Trung ương theo hướng văn minh, hiện đại. Cụ thể hơn, Mục tiêu kinh tế được đại hội xác định là: “Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt từ 8,5-9%/năm, đến năm 2025, kim ngạch xuất khẩu 37,7 tỷ USD; nhập khẩu 33,2 tỷ USD. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GRDP giai đoạn 2021 - 2025 đạt 36-38%. Thu ngân sách nhà nước năm 2025 đạt 38.000 tỷ đồng” [7, tr.91].

Để đạt được mục tiêu trên, Tỉnh Bắc Ninh cần tiếp tục thực hiện một số giải pháp đã nêu để tạo chuyển biến căn bản cho công tác thu hút, trọng dụng nhân tài nhằm đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, biến khát vọng “đi trước, vượt trước” thành hiện thực, tiếp tục phấn đấu đến năm 2045 đưa Bắc Ninh trở thành thành phố công nghiệp công nghệ cao, thông minh.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Chấp hành Trung ương (2023): *Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới*
2. Chính phủ (2024): *Nghị định số 179/2024/NĐ-CP, ngày 31/12/2024 về việc Quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.*
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006): *Văn kiện Đảng, Toàn tập, Tập 51*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019): *Văn kiện đại hội đảng thời kỳ đổi mới (phần 2)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (2020): *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Chế bản và in tại Xưởng in Báo Bắc Ninh
8. Đỗ Văn Ninh (2001): *Quốc Tử Giám trí tuệ Việt*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
9. Giang Thiệu Thanh và Hoàng Yến My (2011): *Hồ Chí Minh về phát hiện bồi dưỡng sử dụng nhân tài*, Nxb. Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
10. Ủy Ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (2013): *Quyết định số 198/2013/QĐ-UBND, ngày 29/5/2013 về việc sửa đổi, bổ sung quy định chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng nhân tài tỉnh Bắc Ninh.*
11. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (2017), *Quyết định số 680/QĐ-UBND, ngày 30/11/2017 về việc: Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.*

2 NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

GIÁ TRỊ YÊU NƯỚC TRONG TÍN NGƯỠNG THỜ ANH HÙNG DÂN TỘC CỦA NGƯỜI VIỆT

THS. HỒ THỊ XUÂN THANH *

TÓM TẮT

Giá trị yêu nước là một trong những giá trị quan trọng nhất trong đời sống tinh thần của mỗi con người và dân tộc. Bài viết bước đầu tìm hiểu một số biểu hiện cơ bản của giá trị yêu nước trong tín ngưỡng thờ Anh hùng dân tộc như: thể hiện sự biết ơn sâu sắc của người Việt đối với các vị anh hùng dân tộc; khơi dậy tinh thần đoàn kết cộng đồng; giá trị giáo dục thế hệ trẻ về tinh thần yêu nước, truyền thống bảo vệ đất nước; khẳng định, bảo vệ, và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc.

Từ khóa: Tín ngưỡng, Thờ cúng, Anh hùng dân tộc, Yêu nước, ...

Nhận bài: 12/1/2025; đưa vào quy trình biên tập 12/1/2025; duyệt đăng 25/3/2025.

1. MỞ ĐẦU

Từ bao đời nay, giá trị yêu nước của người Việt Nam đã trở thành một giá trị cốt lõi được lưu truyền từ đời này sang đời khác qua nhiều hình thức trên nhiều phương diện khác nhau như: tín ngưỡng tôn giáo, đạo đức lối sống, văn học nghệ thuật, giáo dục, ... Một trong những loại hình tín ngưỡng thể hiện sâu sắc giá trị cốt lõi ấy phải kể đến tín ngưỡng thờ Anh hùng dân tộc (TN TAHDT). TN TAHDT không chỉ là những hoạt động tâm linh đơn thuần mà còn chứa đựng những giá trị sâu sắc về lòng yêu nước. Các vị Anh hùng dân tộc là những nhân vật lịch sử tiêu biểu được nhân dân tôn thờ, như: các Vua Hùng - vị tổ của dân tộc Việt Nam, Hai Bà Trưng (Trưng Trắc, Trưng Nhị), Bà Triệu (Triệu Thị Trinh), Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, ... đã trở thành biểu tượng của sức mạnh đoàn kết, lòng dũng cảm và khát vọng tự do.

TN TAHDT là thờ các nhân vật lịch sử, những người có công dựng nước và giữ nước. Giáo sư Trần Văn Giàu từng đưa ra khái niệm anh hùng dân tộc như sau: “Anh hùng là khái niệm đạo đức chỉ hành động dũng cảm, xuất sắc theo chính nghĩa và có lý tưởng được mọi người khâm phục. Luận về anh hùng là đứng trên cơ sở hành động, việc làm” [5, tr. 198]. Như vậy, họ đã được suy tôn thành các vị thần để cả nước tôn thờ. Các vị Anh hùng dân tộc là những nhân vật lịch sử tiêu biểu được nhân dân tôn thờ: những bậc tiên hiền trong các cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm, chống kẻ thù giữ bình yên cho quê hương mình, hay chống lại thiên tai lũ lụt, bảo vệ cuộc sống cho nhân dân. Họ là những người tài cao đức trọng, là những danh y, nhà văn hóa, nhà giáo, những đại thần, những tướng lĩnh...

Theo tác giả Phạm Quỳnh Phương thì các nhân vật lịch sử được dân gian hóa và tôn thần

thường là một trong 4 loại: (1) Các bậc đế vương, danh tướng, danh nhân được sử sách chính thống lưu truyền; (2) Những nhân vật tuy không được sử sách lưu ý nhiều lắm nhưng cũng là những anh hùng có thật trong lịch sử từng vùng đất; (3) Các bậc tiền hiền, khai hoang lập ấp; (4) Một số nhân vật đóng vai trò cứu giúp dân nghèo ở địa phương [8, tr. 71].

2. NỘI DUNG

Bài viết này đề cập đến một số vị anh hùng dân tộc được thờ tự như: **các Vua Hùng** - vị tổ của dân tộc Việt Nam được thờ tại Đền Hùng (Phú Thọ); **Hai Bà Trưng** (Trưng Trắc, Trưng Nhị) được thờ tại Đền Hai Bà Trưng - Mê Linh, Hà Nội, ở Hát Môn (Phúc Thọ, Hà Nội), ở Đồng Nhân (Hai Bà Trưng, Hà Nội), ở Nghệ An, Thừa Thiên Huế, TP. Hồ Chí Minh; **Bà Triệu** (Triệu Thị Trinh) được thờ ở Đền thờ Bà Triệu - Thanh Hóa ngoài ra còn có ở Hà Nội, Nghệ An, Quảng Nam, TP Hồ Chí Minh; **Ngô Quyền** được thờ ở Đền thờ Ngô Quyền ở Đường Lâm, Sơn Tây (Hà Nội), ở Bạch Đằng (Quảng Ninh, Hải Phòng), ở Thanh Hóa, TP. Hồ Chí Minh; **Lý Thường Kiệt** được thờ ở Thanh Hóa, Hà Nội, Bắc Ninh, TP Hồ Chí Minh; **Trần Hưng Đạo** được thờ ở Đền Kiếp Bạc - Hải Dương, Đền Trần - Nam Định, Đền Đức Thánh Trần - TP. Hồ Chí Minh; Lê Lợi được thờ ở Đền thờ Lê Lợi tại Lam Kinh (Thanh Hóa), Đền thờ Lê Lợi tại Hà Nội, Nghệ An, Huế; **Nguyễn Huệ** được thờ ở Đền thờ Hoàng đế Quang Trung ở Bình Định, Đền thờ Quang Trung tại Hà Nội - Gò Đống Đa, Đền thờ Quang Trung tại Nghệ An, Huế,...

TN TAHDT là một nét đặc trưng quan trọng trong đời sống văn hóa - tinh thần của người Việt Nam. Và “Tín ngưỡng này không chỉ là một tập tục mà còn là một giá trị, là bản sắc văn hóa Việt Nam, ... hàm chứa trong đó giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam, nổi bật là giá trị giáo dục đạo đức, giáo dục truyền thống yêu nước cho các thế hệ. Quá trình hình thành và phát triển tín ngưỡng thờ cúng anh hùng dân tộc cũng phản ánh tiến trình lịch sử của dân tộc [4, tr. 45]. Qua đó không chỉ thể

hiện lòng biết ơn mà còn góp phần giáo dục tinh thần yêu nước, củng cố khối đại đoàn kết và bảo tồn bản sắc văn hóa Việt Nam.

2.1 Thể hiện sự biết ơn sâu sắc của người Việt đối với các vị anh hùng dân tộc

TN TAHDT gắn liền với sự tôn trọng và biết ơn đối với những người đã hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ đất nước, bảo vệ nhân dân. Những vị anh hùng như Hai Bà Trưng, Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Huệ (Quang Trung) ... không chỉ được tôn vinh vì tài năng, trí tuệ, mà còn vì lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất.

Việc thờ cúng các vị anh hùng dân tộc không chỉ là một hình thức tôn vinh quá khứ, mà còn thể hiện ý thức cộng đồng quốc gia dân tộc. Những đền thờ, miếu mạo, tượng đài (Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Hai Bà Trưng, Quang Trung...) không chỉ là nơi cầu khẩn, mà còn là những không gian để người dân nhắc nhở nhau về lịch sử hào hùng của dân tộc. Các đền thờ anh hùng dân tộc ở Việt Nam thường mang phong cách kiến trúc truyền thống với bố cục trang nghiêm, mang đậm dấu ấn lịch sử và văn hóa dân tộc. Mỗi ngôi đền có những đặc điểm riêng biệt nhưng thường tuân theo những quy chuẩn chung trong cách bài trí.

Đền thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Dương, Nam Định, Thái Bình, TP. Hồ Chí Minh, ... được xây dựng theo phong cách đền thờ truyền thống với mái cong, cột gỗ, chạm khắc rồng phượng, cổng tam quan, sân rộng, hồ nước, vườn cây tạo không gian linh thiêng. Bên trong thường có tượng Trần Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn trong tư thế uy nghi. Gian chính thờ Trần Hưng Đạo, hai bên có thể thờ các tướng lĩnh trung thành như Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu, Dã Tượng; có trang trí kiếm lệnh, bài vị, lư hương, hoành phi câu đối thể hiện sự tôn kính. Ở một số đền có khoảng sân để diễn xướng hịch tướng sĩ, nhắc nhở về tinh thần yêu nước [2]. Đền thờ Lê Lợi ở Thanh Hóa, Hà Nội (đền thờ ở khu vực Hồ Gươm), Nghệ An, ... được xây dựng theo kiểu đình

- đền cổ, có mái chông diêm, đầu đao cong vút, có sân rộng, cổng lớn, vườn cây xanh. Một số nơi có tượng rùa đội gươm để gợi nhớ truyền thuyết trả gươm của vua Lê. Ở gian chính thờ Lê Thái Tổ (Lê Lợi), xung quanh có tượng hoặc bài vị của các công thần như Nguyễn Trãi, Lê Lai, có bày trí thêm kiếm lệnh, lư hương, hoành phi ghi công đức của vua Lê. Một số đền có trống đồng, mô hình chiến thuyền, tượng trưng cho các trận đánh chống quân Minh. Đền thờ Hai Bà Trưng được xây dựng ở nhiều nơi như Hà Nội (Mê Linh), Hưng Yên, TP. Hồ Chí Minh... Đền có bố cục theo kiểu truyền thống, cổng tam quan, mái chông diêm, điêu khắc rồng phượng, sân đền rộng, có tượng voi chiến, gợi nhớ hình ảnh Hai Bà cưỡi voi ra trận. Cách bài trí thể hiện sự uy nghiêm: gian chính thờ Hai Bà Trưng trong trang phục chiến binh, hai bên có thể thờ các nữ tướng như Bát Nàn, Lê Chân. Hoành phi, câu đối ca ngợi tinh thần bất khuất của nữ anh hùng, có mô hình trống đồng, kiếm lệnh, tượng trưng cho thời kỳ chống quân Hán [9]. Mỗi đền thờ anh hùng dân tộc đều mang những nét đặc trưng riêng, phản ánh công lao và tinh thần chiến đấu của người được thờ. Việc xây dựng và bài trí đền thờ không chỉ thể hiện lòng biết ơn mà còn góp phần giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ mai sau.

Bên cạnh đó hàng năm, các địa phương có đền thờ anh hùng dân tộc thường tổ chức lễ hội nhằm tưởng nhớ công lao của họ như lễ hội lễ hội đền Hùng, Bạch Đằng Giang, Gò Đống Đa, đền Côn Sơn - Kiếp Bạc, lễ hội đền Trần,...

Lễ hội Đền Hùng, diễn ra vào ngày 10 tháng 3 âm lịch hàng năm, là một trong những lễ hội lớn nhất và mang ý nghĩa sâu sắc nhất trong việc tưởng niệm các Vua Hùng - những người có công dựng nước. Đây là lễ hội quốc gia, không chỉ thu hút người dân Phú Thọ mà còn đông đảo khách thập phương từ khắp mọi miền Tổ quốc. Lễ hội không chỉ là dịp để tưởng nhớ công lao của các Vua Hùng mà còn là dịp để các cộng đồng từ các vùng miền khác nhau tụ họp, giao lưu và thể hiện sự đoàn kết. Các hoạt động trong lễ hội như lễ dâng hương, rước kiệu, múa sư tử, thi đấu thể thao, và các trò chơi

dân gian, tạo không khí vui tươi và gắn kết cộng đồng. Cộng đồng địa phương cũng tổ chức các hoạt động văn hóa, các cuộc thi, các buổi diễn thuyết nâng cao ý thức cộng đồng và bảo vệ giá trị văn hóa dân tộc. Lễ hội chiến thắng Bạch Đằng Giang được tổ chức vào tháng 3 âm lịch hàng năm tại tỉnh Quảng Ninh để tưởng niệm chiến thắng vang dội của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và quân dân Đại Việt trước quân xâm lược Nguyên-Mông vào năm 1288. Đây là một sự kiện lịch sử quan trọng không chỉ đối với tỉnh Quảng Ninh mà còn đối với đất nước. Trong lễ hội này, ngoài các nghi thức thờ cúng, dâng hương để tưởng nhớ Trần Hưng Đạo và các tướng lĩnh, người dân còn tham gia vào các hoạt động tái hiện chiến thắng lịch sử. Các cuộc diễu hành, các buổi lễ, và các trò chơi dân gian là những dịp để người dân cùng nhau tham gia, giao lưu và củng cố tình làng nghĩa xóm. Các sự kiện thể thao, như bơi thuyền rồng trên sông Bạch Đằng, không chỉ làm sống lại những hình ảnh hào hùng của quân và dân trong chiến đấu mà còn là cơ hội để người dân và du khách giao lưu, tạo dựng nâng cao ý thức, trách nhiệm với cộng đồng.

Như vậy, thực hành nghi lễ tín ngưỡng thờ Anh hùng dân tộc thể hiện sâu sắc sự biết ơn đối với thế hệ đi trước là biểu hiện rõ nét nhất của giá trị yêu nước. Việc thực hành nghi lễ trên được thể hiện qua nhiều hoạt động khác nhau, từ xây dựng đền thờ, tổ chức lễ hội cho đến các nghi thức dâng hương, tưởng niệm, ...

2.2

Khơi dậy tinh thần đoàn kết cộng đồng

Tín ngưỡng thờ Anh hùng dân tộc là một trong những nét đẹp văn hóa tâm linh của người Việt, không chỉ thể hiện lòng biết ơn đối với những người có công với đất nước mà còn góp phần tạo ra một không gian cộng đồng gắn bó, nơi mọi người cùng nhau tưởng nhớ và gìn giữ những giá trị truyền thống. Các đền thờ, miếu thờ các vị anh hùng không chỉ là nơi thờ cúng linh thiêng mà còn trở thành trung tâm sinh hoạt văn hóa của cộng đồng, nơi thế hệ sau có thể tìm hiểu về lịch sử dân tộc.

Những dịp giỗ tổ, lễ hội tưởng niệm không chỉ là sự kiện mang tính tôn giáo mà còn là cơ hội để người dân cùng nhau giao lưu, kết nối, chia sẻ những giá trị tinh thần, từ đó thắt chặt tình đoàn kết trong cộng đồng. Các nghi thức tế lễ, rước kiệu, diễn xướng lịch sử giúp tái hiện lại những chiến công oai hùng, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, truyền cảm hứng về tinh thần yêu nước và trách nhiệm với quê hương, đất nước. Bên cạnh đó, tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc còn góp phần duy trì và phát huy các phong tục, lễ nghi truyền thống, bảo tồn những giá trị văn hóa đặc trưng của từng vùng miền. Nhờ có không gian tín ngưỡng này, người dân không chỉ có nơi để tưởng nhớ công lao của tiền nhân mà còn có dịp thể hiện sự đoàn kết, cùng nhau gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc. Chính vì vậy, tín ngưỡng thờ Anh hùng dân tộc không chỉ là một nét đẹp tâm linh mà còn là biểu tượng của sự gắn kết cộng đồng, của tinh thần yêu nước bền vững trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc Việt Nam.

Thông qua các lễ hội và nghi thức thờ cúng, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng và tình yêu nước lại được khơi dậy. Những câu chuyện anh hùng, những giai thoại về các vị anh hùng dân tộc trong tín ngưỡng thờ cúng không chỉ là những bài học lịch sử mà còn là nguồn động lực để con cháu nối tiếp truyền thống yêu nước. Ví dụ, dịp lễ Giỗ Tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch) - Phú Thọ là dịp mỗi người dân Việt Nam tưởng nhớ các Vua Hùng, những người có công dựng nước Văn Lang. Người dân từ khắp mọi miền đất nước về dâng hương tại Đền Hùng, thể hiện sự gắn kết dân tộc. Các hoạt động như lễ rước kiệu, dâng hương, hội trống đồng, thi hát xoan giúp cộng đồng cùng nhau gìn giữ văn hóa truyền thống. Đây còn là dịp nhắc nhở con cháu về tinh thần Uống nước nhớ nguồn, đoàn kết để phát triển đất nước [1]. Hay vào lễ hội Hai Bà Trưng (mùng 6 tháng Giêng âm lịch) ở Hà Nội, Hưng Yên, người dân khắp nơi cùng tham gia lễ rước kiệu, tế lễ, biểu diễn võ thuật thể hiện khí phách hào hùng. Lễ hội khuyến khích phụ nữ tham gia diễn xướng, tái hiện hình ảnh Hai Bà cưỡi voi ra trận, nhắc nhở về

vai trò của phụ nữ trong lịch sử. Đoàn người rước kiệu từ nhiều địa phương đổ về, tạo nên không khí đoàn kết và tự hào dân tộc. Lễ hội Đền Trần (15/1 âm lịch) ở Nam Định là dịp để hàng vạn người dân cùng tham gia lễ hội khai ấn Đền Trần, cầu mong quốc thái dân an, phát triển thịnh vượng. Lễ hội có các nghi thức truyền thống như rước kiệu, tế lễ, đấu vật, múa rồng thể hiện tinh thần thượng võ của dân tộc. Lễ khai ấn không chỉ mang ý nghĩa tâm linh mà còn gắn kết cộng đồng doanh nhân, quan chức, người dân trong việc cầu mong một năm làm ăn phát đạt, đất nước hưng thịnh.

Các lễ hội tưởng nhớ anh hùng dân tộc không chỉ có ý nghĩa tri ân mà còn giúp người dân gắn bó với nhau, tạo nên sự đoàn kết vững mạnh trong cộng đồng. Những hoạt động như rước kiệu, diễn xướng lịch sử, hội võ, trò chơi dân gian là minh chứng rõ ràng cho tinh thần đoàn kết, cùng nhau gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Đây là thể hiện một sự kết nối sâu sắc giữa quá khứ và hiện tại, và tương lai cùng đoàn kết một lòng đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới tươi đẹp.

2.3 Giá trị giáo dục thế hệ trẻ về tinh thần yêu nước và truyền thống bảo vệ đất nước

TN TAHDT cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục thế hệ trẻ về lòng yêu nước, tinh thần bảo vệ đất nước. Những câu chuyện về cuộc đời, sự nghiệp của các anh hùng dân tộc, đặc biệt là những chiến công hiển hách trong các cuộc kháng chiến, luôn là nguồn cảm hứng lớn lao đối với thế hệ hôm nay. Qua đó, các giá trị như lòng dũng cảm, sự hy sinh, sự kiên trì và tinh thần bất khuất trong đấu tranh bảo vệ tổ quốc được truyền tải một cách sống động.

Hai Bà Trưng (Trưng Trắc và Trưng Nhị) sinh vào khoảng cuối thế kỷ I, quê ở Mê Linh (nay thuộc Hà Nội). Trưng Trắc là vợ của Thi Sách, một hào trưởng yêu nước, nhưng bị quân Hán giết hại vì chống lại ách đô hộ. Năm 40, Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa, kêu gọi nhân dân đứng lên chống lại chính quyền đô hộ của

nhà Hán và chỉ trong một thời gian ngắn, nghĩa quân đã giành lại 65 thành trì, đánh đuổi quân Hán ra khỏi bờ cõi. Hai Bà Trưng lên ngôi, xưng vương, cai quản đất nước suốt ba năm (40 - 43). Năm 43, quân Hán dưới sự chỉ huy của Mã Viện kéo quân đàn áp. Dù chiến đấu kiên cường, nhưng do lực lượng chênh lệch, Hai Bà Trưng thất trận và tuấn tiết trên dòng sông Hát Giang. Có thể nói cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng là biểu tượng mạnh mẽ cho tinh thần yêu nước, ý chí quật cường của phụ nữ Việt Nam và khát vọng độc lập dân tộc.

Trần Hưng Đạo (1228 - 1300), tên thật là Trần Quốc Tuấn, là con trai của An Sinh Vương Trần Liễu, cháu họ vua Trần Thái Tông. Ông nổi tiếng là người tài giỏi, thông minh và có lòng yêu nước sâu sắc. Trong ba lần quân Nguyên - Mông xâm lược Đại Việt (1258, 1285, 1287), Trần Hưng Đạo được triều đình giao trọng trách thống lĩnh quân đội. Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288: Với chiến thuật lợi dụng thủy triều, ông đã chỉ huy trận đánh khiến quân Nguyên thảm bại, chấm dứt âm mưu xâm lược nước ta. Ông đã soạn thảo Hịch tướng sĩ, kêu gọi tinh thần yêu nước và đoàn kết của quân dân. Sau khi đất nước thái bình, ông từ chối ngôi vua mà chuyên tâm viết binh thư, đóng góp cho sự nghiệp quân sự nước nhà. Trần Hưng Đạo được tôn vinh là vị Thánh của dân tộc. Ông để lại những bài học sâu sắc về lòng trung quân ái quốc, sự mưu lược và tinh thần đoàn kết dân tộc.

Lê Lợi - Anh Hùng Giải Phóng Dân Tộc Thế Kỷ XV sinh ra tại Lam Sơn, Thanh Hóa, xuất thân trong một gia đình hào trưởng. Ông là người có chí lớn, yêu nước và luôn nung nấu ý định giành lại độc lập cho dân tộc. Năm 1418, Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa tại Lam Sơn, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Minh, nghĩa quân trải qua nhiều khó khăn nhưng nhờ chiến lược khéo léo, Lê Lợi từng bước đẩy lùi quân Minh. Năm 1427, quân Minh thất bại thảm hại trong trận Chi Lăng - Xương Giang, buộc phải đầu hàng và rút khỏi Đại Việt. Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi, lập nên nhà Hậu Lê, mở ra thời kỳ phát triển lâu dài của đất nước. Lê Lợi là tấm gương về

lòng kiên trì, mưu trí và tinh thần yêu nước mãnh liệt. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là minh chứng cho sức mạnh đoàn kết của dân tộc Việt Nam trong công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm [7].

Các vị anh hùng dân tộc không chỉ để lại những chiến công hiển hách mà còn truyền cảm hứng cho thế hệ hôm nay về lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết và ý chí kiên cường. Những câu chuyện về họ mãi là nguồn động lực mạnh mẽ để thế hệ trẻ tiếp nối và phát huy truyền thống hào hùng của dân tộc. Ngoài ra, cũng là cách để nhắc nhở thế hệ trẻ về sự cần thiết phải gìn giữ nền độc lập, tự do của dân tộc trong bối cảnh thế giới ngày càng thay đổi. Trong một thời đại toàn cầu hóa và phát triển mạnh mẽ, những giá trị truyền thống này vẫn có sức sống mạnh mẽ, là nền tảng vững chắc để đối diện với những thử thách mới.

2.4 Khẳng định, bảo vệ và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc

TN TAHDT không chỉ là một hành động tâm linh mà còn là một yếu tố tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa dân tộc Việt Nam. Những di sản vật chất như các đền đài, di tích lịch sử, những lễ hội truyền thống gắn liền với các anh hùng dân tộc đã góp phần không nhỏ vào sự phát triển của du lịch văn hóa và giáo dục lịch sử. Đây là những không gian sống động để truyền tải giá trị lịch sử, văn hóa cho các thế hệ mai sau và cả du khách quốc tế.

Bên cạnh đó, việc thờ cúng anh hùng dân tộc cũng giúp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, từ các điệu hát, điệu múa, những nghi lễ truyền thống, cho đến các nghề thủ công truyền thống. Chính nhờ vào những hoạt động này, nền văn hóa dân tộc Việt Nam được duy trì và phát triển bền vững qua các thế hệ.

TN TAHDT không chỉ tồn tại ở quy mô quốc gia mà còn mang những nét đặc trưng riêng tại từng địa phương có sự đa dạng về hình thức thờ cúng tạo nên sự phong phú cho văn hóa Việt Nam. Những vị anh hùng có công lao to lớn

thường được nhân dân lập đền thờ trên khắp cả nước để tưởng nhớ. Những đền thờ này mang ý nghĩa lịch sử quan trọng và trở thành điểm sinh hoạt tâm linh, văn hóa của người dân. Một số đền thờ tiêu biểu trên quy mô quốc gia: Đền Hùng (Phú Thọ) - Thờ các Vua Hùng, tổ tiên của dân tộc Việt Nam, là nơi thể hiện tinh thần “Uống nước nhớ nguồn”; Đền Trần (Nam Định, Hải Dương, TP. Hồ Chí Minh, Quảng Ninh,...) - Thờ các vị vua Trần và Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, gắn với các chiến thắng chống quân Nguyên - Mông; Đền Lam Kinh (Thanh Hóa) - Khu di tích thờ vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi) nơi gắn liền với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn; Đền thờ Quang Trung (Bình Định, Nghệ An, Huế, Hà Nội) - Tưởng nhớ Hoàng đế Quang Trung và những chiến công vĩ đại của ông. Những ngôi đền này mang tầm vóc quốc gia, thu hút đông đảo người dân từ khắp các vùng miền đến chiêm bái, bày tỏ lòng tôn kính. Bên cạnh những đền thờ mang tầm vóc quốc gia, tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc còn có những nét đặc trưng riêng tại từng vùng miền. Điều này phản ánh sự gắn kết giữa lịch sử, truyền thống địa phương với lòng tự hào dân tộc: Đền Hai Bà Trưng (Hà Nội, Nghệ An, TP. Hồ Chí Minh): Hà Nội là quê hương của Hai Bà Trưng nên có nhiều di tích gắn với họ, trong khi Nghệ An và TP. Hồ Chí Minh cũng có các đền thờ để tôn vinh tinh thần bất khuất của hai nữ anh hùng; Đền Bà Triệu (Thanh Hóa): Là nơi thờ nữ tướng Triệu Thị Trinh, người lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Ngô. Lễ hội Bà Triệu diễn ra hằng năm vào ngày 21-23 tháng Ba âm lịch; Đền Trần Thương (Hà Nam): Ngoài đền Trần nổi tiếng ở Nam Định, tỉnh Hà Nam cũng có một đền thờ Trần Hưng Đạo, nơi lưu giữ những dấu ấn lịch sử của ông tại khu vực này; Đền Vua Đinh - Vua Lê (Ninh Bình): Gắn với thời kỳ Đinh Bộ Lĩnh thống nhất đất nước và lập nhà nước Đại Cồ Việt. Những đền thờ này không chỉ là nơi thờ phụng mà còn phản ánh sự tôn kính của người dân địa phương đối với những vị anh hùng có liên quan đến vùng đất của họ. Mỗi địa phương có những phong tục, nghi lễ thờ cúng khác nhau, phản ánh đặc trưng văn hóa của từng vùng miền: nếu miền Bắc gắn

với lễ hội có quy mô lớn, mang tính chất trang nghiêm, với các nghi lễ rước kiệu, dâng hương, diễn xướng dân gian thì miền Trung có sự kết hợp nghi lễ thờ cúng với diễn võ, hát tuồng, hát chầu văn để tôn vinh công lao các anh hùng dân tộc; còn miền Nam các lễ hội thường mang tính cộng đồng cao, gắn với sinh hoạt văn hóa dân gian như đua thuyền, thả hoa đăng, hát bội. Sự đa dạng trong cách tổ chức lễ hội góp phần bảo tồn nét đặc sắc của từng vùng miền, đồng thời tạo ra một bức tranh văn hóa phong phú của Việt Nam.

Bên cạnh đó các lễ hội truyền thống của tín ngưỡng thờ Anh hùng dân tộc - là nét đặc sắc trong đời sống văn hóa của người Việt. Đây không chỉ là hoạt động tâm linh mà mang nhiều ý nghĩa sâu sắc: bày tỏ lòng biết ơn đối với những người đã có công lao to lớn trong công cuộc dựng nước và giữ nước; thông qua lễ hội, những câu chuyện lịch sử được truyền tải một cách sinh động, giúp thế hệ sau hiểu rõ hơn về cội nguồn dân tộc; các lễ hội thường thu hút đông đảo người dân tham gia, tạo nên không khí đoàn kết, gắn bó trong cộng đồng và nhiều lễ hội trở thành điểm thu hút du khách, góp phần bảo tồn di sản văn hóa và phát triển kinh tế địa phương. Phải kể đến một số lễ hội tiêu biểu: Lễ hội Đền Hùng (Phú Thọ) - Giỗ Tổ Hùng Vương diễn ra vào mùng 10 tháng 3 âm lịch diễn ra tại khu di tích Đền Hùng, tỉnh Phú Thọ với nghi lễ rước kiệu, dâng hương tại Đền Thượng, các trò chơi dân gian, biểu diễn nghệ thuật truyền thống. Lễ hội Đền Trần (Nam Định) - Lễ Khai Ấn Đền Trần diễn ra từ đêm 14 rạng sáng 15 tháng Giêng âm lịch tại Đền Trần, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định gắn với lễ khai ấn, phát ấn cầu may, rước kiệu, đấu vật, múa lân, hát chầu văn nhằm cầu mong một năm mới bình an, may mắn, đồng thời tôn vinh triều đại nhà Trần - một trong những triều đại hưng thịnh nhất lịch sử Việt Nam. Lễ hội Gò Đống Đa (Hà Nội) - Tưởng nhớ chiến thắng của vua Quang Trung diễn ra vào mùng 5 Tết Nguyên đán với nhiều hoạt động như rước kiệu, tái hiện trận chiến Ngọc Hồi - Đống Đa, diễn võ Tây Sơn, các trò chơi dân gian nhằm ghi nhớ

chiến công lừng lẫy của vua Quang Trung và khích lệ tinh thần yêu nước của nhân dân. Lễ hội Đền Lam Kinh (Thanh Hóa) - Tưởng nhớ vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi) diễn ra ngày ngày 22 tháng 8 âm lịch với nhiều hoạt động nghi lễ như lễ rước, dâng hương, tái hiện những trận đánh của nghĩa quân Lam Sơn, biểu diễn trống hội, hát ca trù nhằm khẳng định công lao to lớn của vua Lê Lợi trong sự nghiệp giành lại độc lập cho dân tộc,... Mặc dù mỗi lễ hội có những đặc điểm riêng, nhưng chúng đều có những nét chung: Phần lễ: gồm các nghi thức rước kiệu, dâng hương, tế lễ trang trọng để tỏ lòng thành kính với các bậc tiền nhân; Phần hội: Các hoạt động văn hóa, thể thao truyền thống như đấu vật, múa rồng, diễn võ, tái hiện chiến tích lịch sử; Tinh thần đoàn kết: Lễ hội là dịp để cộng đồng gặp gỡ, cùng nhau ôn lại truyền thống lịch sử, thắt chặt tình cảm quê hương. Lễ hội truyền thống trong tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc là một phần không thể thiếu trong đời sống văn hóa của người Việt. Đây không chỉ là dịp để tưởng nhớ những nhân vật lịch sử có công với đất nước mà còn góp phần duy trì tinh thần yêu nước, đoàn kết dân tộc và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Những lễ hội này chính là cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, giúp thế hệ sau tiếp tục kế thừa và phát huy lòng tự hào dân tộc.

Mặt khác, thông qua hệ thống đền thờ, lễ hội truyền thống và các hoạt động tín ngưỡng, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được gìn giữ, tạo nền tảng cho việc giáo dục lịch sử, duy trì bản sắc dân tộc và phát triển du lịch văn hóa. Hệ thống đền thờ, lăng mộ, bia ký, tượng đài của các anh hùng dân tộc là những di sản văn hóa vật thể quan trọng, có giá trị lịch sử và nghệ thuật cao. Nhiều công trình trong số này đã trở thành di tích lịch sử quốc gia hoặc di sản thế giới, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy truyền thống dân tộc: Đền Hùng (Phú Thọ) - Thờ các Vua Hùng, được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Phi vật thể đại diện của nhân loại; Khu di tích Lam Kinh (Thanh Hóa) - Nơi thờ vua Lê Lợi, mang giá trị kiến trúc và

lịch sử to lớn; Đền Trần (Nam Định, Quảng Ninh, Hải Dương, TP. Hồ Chí Minh) - Thờ các vua Trần và Trần Hưng Đạo, với những nghi lễ truyền thống như Lễ Khai Ấn mang đậm bản sắc dân tộc. Bên cạnh các di sản vật thể, tín ngưỡng thờ cúng Anh hùng dân tộc còn giúp duy trì nhiều giá trị văn hóa phi vật thể, bao gồm lễ hội, phong tục, nghi lễ, nghệ thuật dân gian: Lễ hội Gò Đống Đa (Hà Nội) tái hiện chiến thắng lịch sử của vua Quang Trung, kết hợp với diễn võ Tây Sơn, múa rồng, hát chèo; Lễ hội Bà Triệu (Thanh Hóa) với nghi lễ tế nữ tướng, múa trống đồng, hát chầu văn. Các nghi thức, phong tục trong lễ hội không chỉ giúp thế hệ sau hiểu rõ hơn về lịch sử mà còn tạo cơ hội để bảo tồn những hình thức nghệ thuật dân gian có nguy cơ mai một.

Các di tích và lễ hội thờ anh hùng dân tộc là những điểm đến quan trọng trong du lịch văn hóa - lịch sử. Việc phát triển du lịch gắn với tín ngưỡng thờ cúng anh hùng dân tộc vừa giúp bảo tồn các giá trị văn hóa, vừa mang lại lợi ích kinh tế bền vững. Theo Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam thì hàng năm lượng khách tham quan và thực hành tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương từ 6-8 triệu lượt mỗi năm, lượng khách du lịch đến tham quan, tham dự lễ hội tại Khu Di tích lịch sử Đền Hùng chiếm khoảng 85-90% tổng lượt khách đến tỉnh... là cơ hội để Khu Di tích lịch sử Đền Hùng khai thác hiệu quả các hoạt động dịch vụ, du lịch [6]. Lễ hội Khai Ấn Đền Trần là một trong những lễ hội mùa xuân tiêu biểu của Nam Định, thu hút hàng vạn du khách mỗi năm [3].



Ảnh: www.amazingvietnam.vn

3. KẾT LUẬN

Tín ngưỡng thờ cúng các vị anh hùng dân tộc không chỉ là một phần trong văn hóa tâm linh mà còn là biểu hiện rõ nét giá trị cốt lõi của người Việt - Giá trị yêu nước. Thông qua các nghi lễ, lễ hội thờ cúng, người dân không chỉ tôn vinh các anh hùng dân tộc mà còn khơi dậy và nuôi dưỡng tinh thần yêu nước, bảo vệ đất nước. Lòng yêu nước này không chỉ được thể hiện trong quá khứ mà còn tiếp tục được phát huy mạnh mẽ trong xã hội hiện đại, tạo dựng một nền tảng vững chắc cho sự phát triển và thịnh vượng của dân tộc Việt Nam. Bên cạnh đó còn đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa của Việt Nam; không chỉ giúp gìn giữ các công trình lịch sử, lễ hội truyền thống, mà còn tạo cơ hội để duy trì và phát triển văn hóa phi vật thể, nghệ thuật dân gian và phát triển du lịch văn hóa. Bảo tồn và phát huy tín ngưỡng thờ cúng Anh hùng dân tộc chính là bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, giúp thế hệ hôm nay và mai sau tiếp tục kế thừa những giá trị tốt đẹp của cha ông, đồng thời khẳng định vị thế văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Thời sự (2024): *Dấu ấn văn hóa Việt đậm nét trong Giỗ Tổ Hùng Vương*, tại trang <https://vtv.vn/van-hoa-giai-tri>, số ra ngày 18/04/2024.
2. Thu Cúc (2023): *Đền Kiếp Bạc - Di tích tâm linh nổi tiếng của Hải Dương*, tại trang <https://vov4.vov.vn>, số ra ngày 22/12/2023.
3. Mai Đình, (2025): *Linh thiêng, tôn nghiêm Lễ Khai ấn Đền Trần Nam Định Xuân Ất Tỵ*, tại trang <https://congly.vn/>, số ra ngày 12/02/2025.
4. Nguyễn Thị Đức (2014): *Tín ngưỡng thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học.
5. Trần Văn Giàu (1980): *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, Tr.198.
6. Chi Hương (2024): *Đền Hùng - Phú Thọ: Khai thác hiệu quả các hoạt động dịch vụ, du lịch*, đăng tại Báo Phú Thọ số ra ngày 17/09/2024.
7. Mai Ngọc- Văn Tráng (2023): *Anh hùng dân tộc Lê Lợi - Linh hồn của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn*, tại trang <https://truyenhinhthanhhoa.vn/>, số ra ngày 03/10/2023.
8. Phạm Quỳnh Phương (1998): *Tìm hiểu hiện tượng tín ngưỡng Đức Thánh Trần, Luận văn Thạc sĩ Văn hóa dân gian*, Viện Nghiên cứu Văn hóa dân gian Hà Nội
9. Nguyễn Tin (2022): *Đền Hai Bà Trưng - Di tích Quốc gia đặc biệt, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội điểm đến hấp dẫn du lịch văn hóa tâm linh đối với du khách thập phương*, tại trang <https://melinh.hanoi.gov.vn>, số ra ngày 12/02/2022.



Ảnh: Báo Phú Thọ

SO SÁNH TƯ TƯỞNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CỦA JOHN DEWEY VÀ KHỔNG TỬ: BÀI HỌC CHO GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. BÙI XUÂN DŨNG *

TÓM TẮT

Tư tưởng giáo dục đạo đức của John Dewey và Khổng Tử, hai nhà tư tưởng lớn từ hai nền văn hóa khác nhau và từ hai thời đại rất xa nhau. Dewey, đại diện cho triết lý thực dụng phương Tây, nhấn mạnh việc gắn liền giáo dục với trải nghiệm thực tế để phát triển các cá nhân tự do có tư duy độc lập và sẵn sàng đóng góp cho xã hội dân chủ. Ông đề cao phương pháp "học qua làm", khuyến khích học sinh tham gia vào các hoạt động thực tiễn để hiểu và áp dụng vào rèn luyện đạo đức. Ngược lại, Khổng Tử, nhà tư tưởng của Nho giáo, tập trung vào việc rèn luyện con người thành "quân tử" thông qua các giá trị như "nhân" và "lễ", nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tu dưỡng bản thân và hành động vì lợi ích cộng đồng. Phương pháp của ông bao gồm sự tự kiểm điểm, học từ sự nêu gương và tuân thủ các chuẩn mực xã hội để xây dựng một xã hội ổn định và hài hòa. Dù khác biệt, cả hai tư tưởng đều đồng thuận rằng giáo dục đạo đức không thể tách rời giáo dục tổng thể. Việc kết hợp triết lý thực dụng của Dewey với nền tảng đạo đức truyền thống của Khổng Tử có thể tạo ra một hệ thống giáo dục toàn diện, giúp học sinh phát triển nhân cách và đóng góp cho cộng đồng, tạo nên sự cân bằng giữa tự do cá nhân và trách nhiệm xã hội.

Từ khóa: John Dewey, Khổng Tử, Giáo dục đạo đức, Nhà trường, Triết học giáo dục.

Nhận bài: 12/1/2025; đưa vào quy trình biên tập 12/1/2025; duyệt đăng 25/3/2025.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục có sức mạnh thay đổi trật tự xã hội, và ở một mức độ nhất định, không có tổ chức nào ngoài nhà nước có thể làm được điều này. John Dewey (1859 - 1952) là một nhà triết học, nhà giáo dục và nhà cải cách xã hội người Mỹ, nổi tiếng với tư tưởng thực dụng (pragmatism) và phương pháp giáo dục tiến bộ. Ông nhấn mạnh, rằng giáo dục không chỉ là truyền đạt kiến thức mà còn là một quá trình xã hội hóa, trong đó học sinh học qua trải nghiệm thực tế, phát triển tư duy phản biện và năng lực giải quyết vấn đề. Dewey đề xuất triết lý "học qua làm" (learning by doing), khuyến khích giáo dục gắn liền với thực tiễn để giúp học sinh trở thành công dân có trách nhiệm trong xã hội dân chủ hiện đại. Để thích ứng

với sự phát triển và thay đổi của xã hội, ông đã phê phán hệ thống giáo dục trường học truyền thống từ lập trường chủ nghĩa kinh nghiệm thực dụng, giúp giáo dục thích nghi với nền kinh tế thị trường. Tư tưởng giáo dục đạo đức của Dewey cũng đại diện cho các giá trị của xã hội phương Tây hiện đại. Ông đề xuất mục tiêu giáo dục là đào tạo ra "những công dân tốt và hữu ích" cho xã hội, chú trọng đến giáo dục thực tiễn trong cuộc sống hàng ngày và sử dụng phương pháp tích hợp các môn học. Tư tưởng giáo dục đạo đức của Dewey không chỉ giải quyết những vấn đề về giáo dục đạo đức nảy sinh trong thời kỳ biến đổi xã hội phương Tây, mà còn mang lại nguồn cảm hứng mới cho cộng đồng học thuật và cung cấp những kinh nghiệm tham khảo cho sự phát triển giáo dục đạo đức ở các quốc gia khác.

Khổng Tử (551 - 479 TCN) là một nhà triết học, nhà giáo dục và chính trị gia Trung Quốc, người sáng lập Nho giáo, với tư tưởng nhấn mạnh đạo đức, lễ nghi và sự tu dưỡng cá nhân. Ông đề cao hình mẫu “quân tử”, nhấn mạnh rằng giáo dục không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn rèn luyện phẩm chất đạo đức như nhân (仁), lễ (礼), tín (信), nghĩa (义) và trí (智). Khổng Tử tin rằng một xã hội ổn định và hài hòa có thể được xây dựng thông qua giáo dục đạo đức, sự tôn trọng truyền thống và trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với gia đình và quốc gia. Khổng Tử là người đặt nền móng cho truyền thống giáo dục đạo đức lễ - nghĩa của Trung Quốc. Trong quá trình giảng dạy dài hàng chục năm, ông đã khám phá mục tiêu giáo dục đạo đức xoay quanh việc hình thành con người “quân tử”, với nội dung giáo dục tập trung vào “nhân” và “lễ”. Khổng Tử đã phát triển nhiều phương pháp giáo dục đạo đức như giảng dạy qua tài liệu, tự kiểm điểm, quan sát bên ngoài, khơi dậy cảm hứng và cảm xúc tích cực, lồng ghép giáo dục đạo đức vào giảng dạy. Tư tưởng giáo dục đạo đức của Khổng Tử đã đặt cơ sở vững chắc cho sự phát triển của giáo dục đạo đức Trung Quốc [xem 8, tr. 3-36].

Trong thời gian dạy học và làm việc tại Trung Quốc vào năm 1919, Dewey được nhiều người gọi là “Khổng Tử thứ hai”. Mặc dù giữa Dewey và Khổng Tử có nhiều điểm tương đồng trong tư tưởng giáo dục, song do bối cảnh xã hội và thời đại khác nhau, nên tư tưởng của họ cũng có những khác biệt đáng kể. Với sự phát triển và thay đổi của thời đại, các yêu cầu đạo đức đối với cá nhân cũng biến đổi, đòi hỏi hệ thống giáo dục đạo đức phải thích ứng để phù hợp với xã hội hiện đại. Việc so sánh tư tưởng giáo dục của Dewey và Khổng Tử giúp chúng ta tìm hiểu những điểm tương đồng và khác biệt, từ đó cải thiện và làm phong phú hơn hệ thống giáo dục đạo đức hiện đại.

2. PHÂN TÍCH SO SÁNH TƯ TƯỞNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC GIỮA DEWEY VÀ KHỔNG TỬ

Mục tiêu của giáo dục đạo đức

Mục tiêu của giáo dục đạo đức đã được các nhà tư tưởng lớn như Khổng Tử và John Dewey

nghiên cứu và phát triển dựa trên những bối cảnh xã hội khác nhau. Khổng Tử đặt trọng tâm vào việc đào tạo con người “quân tử”, người có phẩm chất đạo đức cao, hành vi chuẩn mực và tuân theo đạo lý để góp phần duy trì trật tự xã hội. Theo ông, giáo dục đạo đức không chỉ là việc dạy kiến thức, mà còn là quá trình rèn luyện nhân cách thông qua thực hành các giá trị như “Nhân” (lòng nhân từ), “Lễ” (nghi lễ, chuẩn mực ứng xử), “Trí” (sự hiểu biết), “Tín” (sự đáng tin cậy) và “Nghĩa” (hành động đúng đắn) [xem 8, tr. 3-36]. Khổng Tử tin rằng việc hình thành một xã hội hài hòa phụ thuộc vào việc bồi dưỡng đạo đức cá nhân và trách nhiệm đối với cộng đồng [xem 4, tr. 429-447].

Dewey, một nhà giáo dục học người Mỹ, lại nhìn nhận giáo dục đạo đức từ góc độ dân chủ và phát triển cá nhân. Ông cho rằng, “đạo đức là mục tiêu cuối cùng của giáo dục” và nhấn mạnh rằng giáo dục không chỉ là truyền thụ kiến thức, mà còn giúp học sinh phát triển tư duy độc lập, năng lực phản biện và khả năng thích ứng với xã hội hiện đại. Dewey không xem giáo dục đạo đức là sự rèn luyện theo khuôn mẫu cứng nhắc, mà phải gắn liền với thực tiễn, giúp cá nhân tự do tư duy và hành động có trách nhiệm trong xã hội dân chủ [1, tr.89]

Về điểm giống nhau, cả Khổng Tử và Dewey đều cho rằng giáo dục đạo đức đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển con người và xây dựng xã hội tốt đẹp. Họ đều nhấn mạnh rằng giáo dục đạo đức không thể tách rời khỏi hệ thống giáo dục tổng thể và cần được tích hợp vào toàn bộ quá trình học tập, thông qua thực hành và trải nghiệm thực tế. Tuy nhiên, điểm khác biệt nằm ở mục tiêu và phương pháp tiếp cận. Khổng Tử đề cao việc rèn luyện đạo đức cá nhân dựa trên hệ thống giá trị truyền thống, nhấn mạnh sự ổn định và trật tự xã hội. Trong khi đó, Dewey tập trung vào việc phát triển năng lực cá nhân trong bối cảnh dân chủ, khuyến khích tư duy sáng tạo, phản biện và khả năng thích nghi. Nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt này nằm ở bối cảnh lịch sử và triết lý nền tảng: Khổng Tử sống trong thời kỳ Xuân Thu - Chiến Quốc đầy biến động, nên ông coi giáo dục đạo đức như một công cụ để duy trì trật tự và củng cố xã hội.

Ngược lại, Dewey sống trong thời hiện đại, nơi giáo dục phải hướng đến việc đào tạo công dân tự do, có năng lực đổi mới để đáp ứng sự phát triển của xã hội công nghiệp và dân chủ.

Nội dung giáo dục đạo đức

Giáo dục đạo đức là một phần quan trọng trong tư tưởng giáo dục của cả Khổng Tử và John Dewey, tuy nhiên, cách tiếp cận của hai nhà tư tưởng này có sự khác biệt rõ rệt. Khổng Tử tập trung vào rèn luyện hành vi đạo đức thông qua “Nhân” (仁) và “Lễ” (礼), trong khi Dewey nhấn mạnh vào ý thức đạo đức và sự phát triển tư duy độc lập thông qua trải nghiệm thực tế.

Khổng Tử xem giáo dục đạo đức là phương tiện để duy trì trật tự xã hội, trong đó “Nhân” đại diện cho lòng nhân từ, sự trung thành, trí tuệ và trách nhiệm đối với xã hội, còn “Lễ” là tập hợp các quy tắc ứng xử, nghi lễ giúp điều chỉnh hành vi con người theo khuôn khổ đạo đức chung [8, tr. 45]. Ông cho rằng, giáo dục đạo đức phải bắt đầu từ gia đình, sau đó mở rộng ra xã hội, nhấn mạnh vào việc cá nhân tuân thủ chuẩn mực truyền thống để đảm bảo sự hài hòa xã hội [3, tr. 87]. Học sinh được giáo dục thông qua kinh điển Nho giáo, sự hướng dẫn của người thầy và thực hành trong đời sống. Khổng Tử coi hành vi đạo đức là trọng tâm của giáo dục, nhấn mạnh việc cá nhân cần hành động theo lễ nghi để đạt được phẩm chất người “quân tử”.

Ngược lại, Dewey tiếp cận giáo dục đạo đức dưới góc độ thực tiễn và linh hoạt, phản đối phương pháp giảng dạy đạo đức máy móc. Ông phân biệt giữa “ý tưởng về đạo đức” - các quy tắc đạo đức truyền thống được giảng dạy trực tiếp, và “khái niệm đạo đức” - hình thành qua trải nghiệm cá nhân, giúp học sinh phát triển tư duy đạo đức độc lập [2, tr. 153]. Dewey cho rằng, giáo dục đạo đức cần được tích hợp vào cuộc sống học đường và các môn học khác thay vì là một môn học độc lập. Học sinh phải tham gia vào các hoạt động xã hội, trải nghiệm thực tế để tự rút ra bài học đạo đức, từ đó xây dựng nhận thức đúng đắn và ý thức trách nhiệm cá nhân đối với xã hội [1, tr.89].

Trong quan điểm của Dewey, giáo dục đạo đức không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ các quy

tắc, mà còn phải khuyến khích tư duy phản biện và năng lực giải quyết vấn đề trong xã hội dân chủ.

Về sự giống nhau, cả hai triết gia đều cho rằng giáo dục đạo đức là cốt lõi trong quá trình phát triển nhân cách cá nhân và đóng góp cho xã hội. Họ đều nhấn mạnh rằng, giáo dục đạo đức không thể tách rời khỏi hệ thống giáo dục tổng thể, và mỗi cá nhân cần có trách nhiệm với cộng đồng.

Tuy nhiên, điểm khác biệt nằm ở mục tiêu và phương pháp tiếp cận. Khổng Tử chú trọng vào hành vi đạo đức, yêu cầu cá nhân tuân theo chuẩn mực truyền thống, trong khi Dewey tập trung vào ý thức đạo đức, nhấn mạnh vào trải nghiệm thực tiễn để phát triển tư duy đạo đức linh hoạt. Điều này xuất phát từ bối cảnh lịch sử và xã hội: Khổng Tử sống trong thời kỳ Xuân Thu - Chiến Quốc, nơi trật tự xã hội bất ổn, nên ông nhấn mạnh vào việc ổn định đạo đức thông qua hệ thống quy phạm chặt chẽ. Ngược lại, Dewey sống trong thời kỳ hiện đại, nơi xã hội dân chủ và công nghiệp đòi hỏi cá nhân phải có khả năng thích nghi và tư duy độc lập, do đó ông đề cao vai trò của trải nghiệm cá nhân trong việc hình thành đạo đức.

Khổng Tử xem giáo dục đạo đức là công cụ duy trì trật tự xã hội thông qua việc rèn luyện hành vi đạo đức và tuân thủ truyền thống, còn Dewey coi giáo dục đạo đức là phương tiện phát triển cá nhân, khuyến khích tư duy độc lập và thích nghi với xã hội hiện đại. Sự khác biệt này phản ánh bối cảnh văn hóa, chính trị và triết lý giáo dục của từng thời đại.

Phương pháp giáo dục đạo đức

Phương pháp giáo dục đạo đức của Khổng Tử và John Dewey đều nhấn mạnh đến vai trò của người học, nhưng cách tiếp cận của họ có sự khác biệt rõ rệt. Khổng Tử sử dụng phương pháp giáo dục đạo đức dựa trên sự tiếp thu có định hướng và tuân thủ khuôn mẫu truyền thống. Ông nhấn mạnh rằng, đạo đức không chỉ là lý thuyết mà phải được rèn luyện thông qua học tập và thực hành thường xuyên. Học sinh phải học từ kinh điển Nho giáo, từ sự giảng dạy của thầy và đặc biệt là từ tấm gương của người thầy [xem 3, tr. 141-158]. Ngoài ra, Khổng Tử

đề cao phương pháp tự kiểm điểm (反省, “phản tỉnh”), khuyến khích học sinh xem xét lại hành vi của mình để không ngừng hoàn thiện bản thân [4, tr. 115]. Ông cũng nhấn mạnh việc học đạo đức phải gắn liền với hành vi chuẩn mực, tức là học sinh cần hiểu rõ quy tắc ứng xử trước khi áp dụng vào thực tế.

Ngược lại, Dewey cho rằng, giáo dục đạo đức không nên chỉ tập trung vào việc tiếp thu kiến thức một cách thụ động, mà phải thông qua trải nghiệm thực tế. Ông phát triển phương pháp “học qua làm” (learning by doing), trong đó học sinh tham gia vào các tình huống thực tế, thảo luận, giải quyết vấn đề và đưa ra quyết định của riêng mình [1, tr. 241]. Theo Dewey, giáo dục đạo đức chỉ có ý nghĩa khi học sinh chủ động trong quá trình học tập, tự khám phá và xây dựng giá trị đạo đức của mình thông qua sự tương tác với xã hội. Thay vì tiếp nhận sẵn các nguyên tắc đạo đức, học sinh phải tự trải nghiệm và rút ra bài học, từ đó phát triển tư duy phản biện và nhận thức đạo đức linh hoạt [1, tr.92].

Về điểm giống nhau, cả hai triết gia đều công nhận vai trò chủ động của người học trong quá trình giáo dục đạo đức. Họ không xem giáo dục đạo đức là quá trình nhồi nhét thông tin một chiều mà là sự rèn luyện cá nhân thông qua học tập và thực hành. Tuy nhiên, điểm khác biệt nằm ở phương pháp tiếp cận. Khổng Tử nhấn mạnh học theo khuôn mẫu và tuân thủ chuẩn mực trước khi thực hành, trong khi Dewey khuyến khích học sinh tự do khám phá và tự hình thành giá trị đạo đức qua trải nghiệm thực tế.

Sự khác biệt này xuất phát từ bối cảnh lịch sử và triết lý giáo dục của hai triết gia. Khổng Tử sống trong một thời kỳ bất ổn, nơi trật tự xã hội bị lung lay, do đó ông đề cao việc duy trì đạo đức thông qua kỷ luật và chuẩn mực có sẵn. Việc học đạo đức theo khuôn mẫu giúp

đảm bảo sự ổn định và truyền thống lâu dài. Trong khi đó, Dewey sống trong thời kỳ hiện đại, nơi xã hội dân chủ yêu cầu cá nhân có tư duy độc lập và khả năng thích nghi. Vì vậy, ông cho rằng giáo dục đạo đức phải linh hoạt, khuyến khích người học tự tìm tòi và phát triển năng lực phán đoán đạo đức thay vì chỉ tuân theo những chuẩn mực cứng nhắc.

Nghiên cứu tư tưởng giáo dục đạo đức của Khổng Tử và Dewey giúp tìm ra những điểm mới có thể vận dụng để nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức ở Việt Nam. Khổng Tử đề cao việc rèn luyện đạo đức cá nhân thông qua sự tu dưỡng và thực hành các giá trị truyền thống, trong khi Dewey nhấn mạnh vào trải nghiệm thực tế và học tập thông qua hành động. Sự kết hợp giữa hai tư tưởng này có thể tạo ra một mô hình giáo dục đạo đức toàn diện, trong đó nhà trường không chỉ dạy lý thuyết mà còn giúp học sinh thực hành đạo đức thông qua các hoạt động thực tiễn như thực hiện các dự án cộng đồng, tình nguyện, tranh luận về các vấn đề đạo đức trong xã hội hiện đại. Việc xây dựng giáo dục đạo đức theo hướng này giúp khắc phục tình trạng học sinh thụ động, đồng thời tạo điều kiện để các em phát triển ý thức đạo đức cá nhân, khả năng tự điều chỉnh hành vi và tư duy phản biện về các giá trị đạo đức trong bối cảnh xã hội thay đổi liên tục. Vậy nên, trong khi Khổng Tử xem giáo dục đạo đức như một quá trình rèn luyện theo khuôn khổ, nhấn mạnh vào việc tuân thủ các nguyên tắc và chuẩn mực xã hội, thì Dewey lại coi giáo dục đạo đức như một quá trình khám phá, nơi người học chủ động tham gia, thử nghiệm và phát triển đạo đức qua thực tế. Sự khác biệt giữa hai quan điểm này phản ánh những yêu cầu khác nhau của từng thời đại, từ xã hội truyền thống cần sự ổn định đến xã hội hiện đại đòi hỏi sự linh hoạt và tư duy độc lập.

3. Ý NGHĨA CỦA TƯ TƯỞNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CỦA KHỔNG TỬ VÀ JOHN DEWEY ĐỐI VỚI GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Việt Nam, giống như nhiều quốc gia đang phát triển khác, đang ưu tiên phát triển công nghiệp nhằm thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh Cách mạng

công nghiệp lần thứ 4. Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt ra những thách thức lớn liên quan đến môi trường, xã hội và sức khỏe con người do tác động tiêu cực từ hoạt động công nghiệp.

Do đó, các kỹ sư tương lai cần được trang bị kiến thức đạo đức để xử lý xung đột lợi ích, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và đảm bảo tính trung thực trong nghiên cứu cũng như thử nghiệm công nghệ mới [xem 7, tr. 59-64].

Bên cạnh đó, sự du nhập của lối sống hiện đại và các sản phẩm công nghệ từ các nước phát triển đã tác động đáng kể đến sinh viên, khiến không ít người dần xa rời những giá trị đạo đức truyền thống vốn vẫn phù hợp với xã hội hiện đại. Một bộ phận sinh viên dần hình thành tư tưởng hưởng thụ, sa vào lối sống chạy theo vật chất, dễ bị ảnh hưởng bởi các tệ nạn xã hội và thiếu định hướng rõ ràng về đạo đức và lối sống trong bối cảnh nền kinh tế - xã hội ngày càng mở cửa. Điều này dẫn đến sự lệch chuẩn trong nhận thức đạo đức của một số học sinh, sinh viên, thậm chí có quan điểm cho rằng đạo đức chỉ mang tính tương đối và có thể đồng nhất hoàn toàn với lợi ích cá nhân, bất kể hoàn cảnh hay giá trị chung của xã hội [6, tr. 2].

Tư tưởng giáo dục đạo đức của Khổng Tử và John Dewey có ý nghĩa quan trọng đối với nền giáo dục Việt Nam hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh xã hội hiện đại đặt ra nhiều thách thức về đạo đức và giá trị sống. Khổng Tử nhấn mạnh vào giáo dục đạo đức như một công cụ rèn luyện nhân cách và duy trì trật tự xã hội, trong khi Dewey tập trung vào sự phát triển cá nhân và năng lực tư duy đạo đức thông qua trải nghiệm thực tế [xem 4, tr. 429-447]. Những quan điểm này có thể kết hợp để xây dựng một mô hình giáo dục đạo đức toàn diện, phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

Trước hết, nhà trường cần đóng vai trò trung tâm trong việc giáo dục đạo đức.

Theo quan điểm của Dewey, giáo dục không chỉ là quá trình truyền đạt kiến thức mà còn là quá trình xã hội hóa, giúp học sinh hiểu và tôn trọng các giá trị đạo đức trong cuộc sống. Nhà trường cần thiết kế chương trình giáo dục đạo đức tích hợp, trong đó các giá trị như trách nhiệm, lòng trung thực, tinh thần hợp tác được lồng ghép vào từng môn học và hoạt động ngoại khóa [2, tr. 92]. Đồng thời,

theo tư tưởng của Khổng Tử, giáo dục đạo đức không chỉ là sự tiếp thu kiến thức mà còn là quá trình rèn luyện tinh thần và phẩm chất cá nhân thông qua việc học tập và thực hành đều đặn [4, tr. 115]. Nhà trường cần tạo ra môi trường học tập nhân văn, nơi học sinh không chỉ học về đạo đức mà còn được rèn luyện qua các hoạt động thực tế, thể hiện trách nhiệm đối với gia đình, cộng đồng và đất nước.

Thứ hai, giáo dục đạo đức phải khuyến khích tính chủ động của học sinh.

Dewey nhấn mạnh rằng học sinh chỉ thực sự hiểu các giá trị đạo đức khi họ trực tiếp tham gia vào các hoạt động xã hội và trải nghiệm thực tế [4, tr. 115]. Việc tổ chức các chương trình tình nguyện, dự án cộng đồng, các hoạt động ngoại khóa về đạo đức và trách nhiệm xã hội sẽ giúp học sinh phát triển tư duy phản biện và khả năng tự điều chỉnh hành vi. Mặt khác, Khổng Tử cũng đề cao việc tự kiểm điểm và rèn luyện bản thân, xem đó là chìa khóa để hình thành nhân cách và phát triển quan hệ hài hòa với cộng đồng [9, tr. 714-745]. Do đó, nhà trường cần khuyến khích học sinh tự suy ngẫm, đánh giá lại hành vi của mình, từ đó hình thành thói quen đạo đức bền vững.

Thứ ba, giáo dục đạo đức phải gắn kết giữa cá nhân và xã hội.

Cả Khổng Tử và Dewey đều cho rằng đạo đức không chỉ phục vụ lợi ích cá nhân mà còn đóng góp vào sự phát triển của xã hội. Dewey tin rằng giáo dục đạo đức phải giúp học sinh cân bằng giữa việc theo đuổi sở thích cá nhân và trách nhiệm với cộng đồng, đồng thời tạo ra môi trường học tập dân chủ và cởi mở [1, tr. 89]. Trong khi đó, Khổng Tử nhấn mạnh rằng một người “quân tử” không chỉ sống tốt cho bản thân mà còn phải có trách nhiệm với xã hội, sẵn sàng cống hiến vì lợi ích chung. Do đó, giáo dục đạo đức ở Việt Nam hiện nay cần hướng đến việc xây dựng ý thức trách nhiệm xã hội, giúp học sinh hiểu rằng đạo đức không chỉ là một hệ thống quy tắc mà là một phần thiết yếu trong cuộc sống hàng ngày và các mối quan hệ xã hội.

Cuối cùng, mô hình giáo dục đạo đức cần đổi mới theo hướng kết hợp giữa truyền thống và hiện đại.

Tư tưởng của Khổng Tử về giáo dục dựa trên truyền thống và lễ nghi có thể cung cấp một nền tảng vững chắc, trong khi phương pháp của Dewey về học tập qua trải nghiệm giúp giáo dục đạo đức trở nên thực tiễn hơn. Nhà trường có thể triển khai các phương pháp học tập tích cực như thảo luận nhóm, đóng vai, học theo dự án và các hoạt động ngoại khóa, giúp học sinh có cơ hội áp dụng giá trị đạo đức vào thực tế. Đồng thời, giáo dục đạo đức cần tận dụng công nghệ để giảng dạy về đạo đức trong môi trường số, giúp học sinh hiểu về các vấn đề đạo đức trong thời đại công nghệ và mạng xã hội.

Kết luận

Việc nghiên cứu tư tưởng giáo dục đạo đức của Khổng Tử và John Dewey có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh giáo dục đạo đức ở Việt Nam hiện nay vẫn còn nhiều bất cập [5 tr. 32-37]. Một trong những vấn đề lớn nhất là giáo dục đạo đức chủ yếu mang tính lý thuyết, thiếu tính thực tiễn, dẫn đến tình trạng học sinh tiếp thu một cách thụ động mà không có cơ hội áp dụng vào đời sống. Ngoài ra, cách tiếp cận giáo dục đạo đức còn mang tính cứng nhắc, chủ yếu nhấn mạnh việc truyền đạt các quy tắc chuẩn mực mà chưa thực sự khuyến khích tư duy phản biện và phát triển nhận thức đạo đức cá nhân.

Bên cạnh đó, trong thời đại công nghệ số, việc giáo dục đạo đức chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của xã hội, khiến học sinh gặp khó khăn trong việc nhận diện và ứng xử phù hợp với các vấn đề đạo đức trong môi trường thực và không gian ảo. Nghiên cứu này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức mà còn mở ra hướng phát triển mới cho hệ thống giáo dục Việt Nam, đặc biệt trong việc tích hợp giáo dục đạo đức vào các môn học khác và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy đạo đức. Bằng cách áp dụng phương pháp của Dewey, nhà trường có thể tổ chức các hoạt động học tập qua trải nghiệm, giúp học sinh rèn luyện đạo đức thông qua thực tiễn, thay vì chỉ học qua sách vở. Đồng thời, tư tưởng của Khổng Tử về việc tu dưỡng bản thân và giữ gìn các giá trị truyền thống có thể được kết hợp vào giáo dục hiện đại để đảm bảo rằng học sinh không chỉ có năng lực mà còn giữ vững nền tảng đạo đức vững chắc. Do đó, việc nghiên cứu tư tưởng giáo dục đạo đức của Khổng Tử và Dewey giúp đề xuất một mô hình giáo dục đạo đức kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, giúp khắc phục những hạn chế trong giáo dục đạo đức ở Việt Nam. Điều này không chỉ đảm bảo rằng học sinh có một nền tảng đạo đức vững chắc mà còn giúp họ phát triển năng lực tư duy, khả năng thích ứng với môi trường xã hội hiện đại, từ đó góp phần xây dựng một thế hệ công dân có trách nhiệm, đạo đức và năng lực cống hiến cho xã hội.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Dewey, J. (2024). *Democracy and education*. Columbia University Press.
2. Dewey, J. (1905) *The school and society* (Chicago, IL, University of Chicago Press).
3. Guo, S. (2009). East meets West, Dewey meets Confucius and Mao: A philosophical analysis of adult education in China. In *Global perspectives on adult education* (pp. 141-158). New York: Palgrave Macmillan US.
4. Fengyan, W. (2004). Confucian thinking in traditional moral education: Key ideas and fundamental features. *Journal of moral education*, 33(4), 429-447.
5. Diễm, V. T. B., & Công, T. H. (2018). Về việc giáo dục đạo đức cho sinh viên Đồng bằng sông Cửu Long theo

- nguyên tắc xây dựng đạo đức của Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, (30), 32-37.
6. Ngọc, T. T. M. (2014). Đạo đức sinh viên Việt Nam thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, 2.
7. Nguyễn, V. H. và cộng sự (2020). Tổng quan về giáo dục đạo đức kỹ thuật trong đào tạo kỹ sư trên thế giới và so sánh với Việt Nam. *Tạp chí khoa học giáo dục Việt Nam*, 28, tr. 59 - 64.
8. Tu, W. M. (1998). Confucius and Confucianism. *Confucianism and the family*, 3-36.
9. Zhixin, S. U. (2019). John Dewey and Chinese education: Comparative perspectives and contemporary interpretations. *Beijing International Review of Education*, 1(4), 714-745.

XÂY DỰNG XÃ HỘI VĂN MINH TRÊN CƠ SỞ PHÁT TRIỂN HÀI HÒA GIỮA KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA

THS. NCS. NGUYỄN THỊ QUỲNH *

TÓM TẮT

Tác giả khẳng định rằng, một xã hội văn minh phải là một xã hội hội tụ được tất cả những giá trị tốt đẹp mà con người của xã hội đó sáng tạo ra trong suốt tiến trình lịch sử về các mặt vật chất, tinh thần, chính trị, xã hội, sinh thái, tư tưởng, lý luận, đạo đức, văn học, nghệ thuật, giáo dục và khoa học cùng với tất cả những cách thức sinh hoạt xã hội khác của dân tộc mình và của cả nhân loại mà họ được tiếp thu, được kế thừa, được bổ sung, được phát triển thêm một cách sáng tạo. Để xây dựng một xã hội văn minh thì trước hết và cốt lõi nhất phải tạo được sự phát triển cao của nền kinh tế; một xã hội công bằng, bình đẳng mang bản chất nhân đạo cao cả cùng với một nền tảng văn hóa cao, phong phú và giàu bản sắc.

Từ khóa: Xã hội, văn minh, tiến bộ, công bằng.

Nhận bài: 12/12/2024; đưa vào quy trình biên tập: 12/12/2024; duyệt đăng 25/02/2025.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phạm trù văn minh có nội hàm rất phong phú. Văn minh là tiêu chí hết sức quan trọng để ghi nhận, để đánh giá sự tiến bộ và sự phát triển của xã hội ở trình độ rất cao trong lịch sử nhân loại.

Trong thời đại hiện nay, một xã hội được gọi là xã hội văn minh ít nhất phải có những đặc điểm, hay những chỉ dấu, không thể nào thiếu được. Chẳng hạn như xã hội đó phải có trình độ văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần ở mức phát triển cao, đặc biệt nhất là những con người trong xã hội đó phải được sống trong bầu không khí độc lập, dân chủ, tự do, nhân văn, công bằng, bình đẳng và hạnh phúc.

Như vậy, một xã hội văn minh đối lập với một xã hội đang ở trong trạng thái dã man, với tình trạng mông muội, trì trệ và lạc hậu về nhiều mặt. Cũng có thể nói, xã hội văn minh là một xã hội tập hợp tất cả những giá trị tốt đẹp được những con người của xã hội đó sáng tạo ra trong suốt tiến trình lịch sử về các mặt vật chất, tinh thần, chính trị, xã hội, sinh thái, tư tưởng, lý luận, đạo đức, văn học, nghệ thuật, giáo dục và

khoa học cùng với tất cả những cách thức sinh hoạt xã hội khác của dân tộc mình và của cả nhân loại mà họ được tiếp thu, kế thừa, bổ sung và được phát triển thêm một cách sáng tạo.

Nói tóm lại, các tiêu chí của xã hội văn minh trong lịch sử xã hội loài người bao gồm sự tiến bộ mọi mặt ở trình độ cao và không ngừng được bồi đắp và không ngừng được nâng lên. Như vậy, *văn minh theo nghĩa rộng, là tổng hòa tất cả các giá trị sáng tạo trước hết là của dân tộc mình, đồng thời là những giá trị của cả nhân loại, bao gồm những giá trị văn minh vật chất, văn minh tinh thần, văn minh chính trị, văn minh xã hội và văn minh sinh thái*



2. NỘI DUNG

Trong thế giới đương đại, tất cả các thành tố đặc trưng trên đây cấu thành một thể thống nhất của một xã hội văn minh, trong đó trước hết và cốt lõi nhất là *sự phát triển cao của nền kinh tế*; đó còn là một xã hội công bằng, bình đẳng mang bản chất nhân đạo cao cả cùng với một nền tảng *văn hóa cao, phong phú và giàu bản sắc*. Không thể có một xã hội được gọi là văn minh nếu như xã hội đó chỉ có nền kinh tế nghèo nàn, èo uột, thiếu hụt, nhân dân đói khổ và nhất là mọi người không có sự tự do thật sự, không được chăm sóc sức khỏe đầy đủ, con trẻ các lứa tuổi không được cấp sách đến trường học hành, không được vui chơi.

Chính vì những điều đó mà tất cả các Đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhất là từ Đại hội lần thứ III và các Đại hội tiếp theo, đều nhấn mạnh nhiệm vụ hàng đầu là phải tập trung phát triển kinh tế bên cạnh việc phát triển những mặt khác của xã hội cùng với việc *bảo vệ môi trường tự nhiên trong lành cho cuộc sống của con người, gắn kết chặt chẽ con người, xã hội với giới tự nhiên*. Đó cũng chính là một trong những tiêu chí của xã hội văn minh.

Về điều này, C.Mác đã từng nói: “Chỉ có trong xã hội, tự nhiên đối với con người mới là một cái khâu liên hệ con người với con người, mới là tồn tại của con người đối với người khác và tồn tại của người khác đối với người đó, mới là nhân tố sinh hoạt của hiện thực con người; chỉ có trong xã hội, tự nhiên mới biểu hiện ra là *cơ sở* của tồn tại *có tính chất* người của bản thân con người. Chỉ có trong xã hội, tồn tại *tự nhiên* của con người mới là tồn tại *có tính chất* người của con người đối với con người và tự nhiên mới trở thành con người đối với con người. Như vậy, *xã hội* là sự thống nhất bản chất đã hoàn thành của con người với tự nhiên, sự phục sinh chân chính của tự nhiên” [1, tr.170].

Đặc biệt, gần đây nhất, tại Đại hội XIII vừa qua Đảng đã xác định rõ ràng và mạnh mẽ rằng, chúng ta coi “phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm”; “phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần” [3, tr.33-34]. Tuy nhiên, “chúng ta xây dựng, phát triển kinh tế cuối cùng cũng vì sự phát triển

bền vững của xã hội, vì cuộc sống văn minh, hạnh phúc của con người. Hạnh phúc của con người không phải chỉ ở chỗ nhiều tiền, lắm của, ăn ngon, mặc đẹp, mà còn ở sự phong phú về tâm hồn, được sống giữa tình thương và lòng nhân ái, lẽ phải và công bằng” [6, tr.74].

Khi nào đạt được tất cả các tiêu chí hết sức quan trọng này chính là lúc chúng ta sẽ đạt được và xây dựng được một xã hội văn minh.

Để xây dựng một xã hội văn minh, trải qua các kỳ đại hội của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhiều lần nhấn mạnh đến một yêu cầu quan trọng là *tăng trưởng và phát triển kinh tế phải đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội*; phải xóa được nạn đói; phải giảm thiểu được cảnh nghèo khổ trong dân cư. Để thực hiện được nhiệm vụ này thì “cả nước phải chung tay vì người nghèo; không để ai bị bỏ lại phía sau”. Điều đó có nghĩa là, bên cạnh sự tăng trưởng và sự phát triển kinh tế với tốc độ cao, *xã hội có đạt được sự công bằng và thật sự nhân văn thì mới được gọi là một xã hội văn minh*.

Điều quan trọng không kém là để có một xã hội văn minh thì nhất định xã hội phải *hạn chế được tình trạng phân hóa giàu nghèo quá mức nhằm tránh sự phân cực giàu nghèo*, điều mà có thể và rất dễ dẫn đến các bất ổn, thậm chí cả những xung đột xã hội, đồng thời hạn chế tình trạng người bóc lột người và tình trạng bất công do mặt tiêu cực của kinh tế thị trường gây ra. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng, những thành quả của việc phát triển kinh tế, xét đến cùng, chính là điều kiện quan trọng bậc nhất góp phần tạo dựng nên một xã hội văn minh và cuộc sống hạnh phúc cho mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội. Bởi vì, nếu như một nền kinh tế của quốc gia ở trong tình trạng trì trệ, chậm phát triển hoặc không phát triển thì xã hội không thể nào trở nên giàu có, sung túc; cũng chẳng có điều kiện và tiền đề cần thiết để phát triển mạnh mẽ các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, trong đó có đời sống văn hóa và đời sống tinh thần.

Song song với việc phát triển kinh tế và *công bằng về cơ hội* phát triển thì một nhiệm vụ

không kém phần quan trọng khác là phải kiên quyết và phải đạt được hiệu quả thực tế trong việc dọn dẹp, loại trừ các tệ nạn, trước hết là các tệ nạn tham nhũng và lãng phí, đó cũng là một trong những cơ sở rất quan trọng để tạo nên sự công bằng trong xã hội. Bởi vì, thời gian vừa qua, ở một số lĩnh vực hoạt động của nước ta, *nạn tham nhũng đang tạo ra sự bất công xã hội rất nghiêm trọng*. Thật sự là nạn tham nhũng đã và đang làm xói mòn niềm tin của nhân dân vào một số cán bộ lãnh đạo của Đảng và vào tính nghiêm minh của hệ thống pháp luật của nước nhà. Còn nạn lãng phí thì tác hại cũng chẳng hề kém cạnh cho xã hội. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đánh giá: “Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí chuyển biến mạnh mẽ, có bước đột phá, được tiến hành quyết liệt, có hiệu quả, ngày càng đi vào chiều sâu, gắn kết chặt chẽ giữa “xây” và “chống”” [3, tr.77].

Tuy nhiên, việc các vụ án tham nhũng lớn như các vụ FLC, Tân Hoàng Minh, Việt Á, v.v. đã và đang lần lượt được xét xử. Đặc biệt, vụ án các “chuyến bay giải cứu” được xét xử tại Hà Nội vừa qua khi đưa ra truy tố 54 bị cáo về các tội đưa hối lộ, nhận hối lộ, môi giới hối lộ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản và lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công đã cho thấy tình hình tham nhũng là rất nghiêm trọng. Trong số 54 bị cáo ấy có tới 18 bị cáo bị truy tố và đưa ra xét xử về tội nhận hối lộ theo điểm a khoản 4 Điều 354 Bộ luật Hình sự 2015 có khung hình phạt tù từ 20 năm đến chung thân hoặc tử hình.

Những kẻ bị pháp luật trừng phạt trong vụ án này phần lớn đều nắm giữ các vị trí rất quan trọng trong bộ máy công quyền của đất nước, trong đó người có chức vụ cao nhất là bộ trưởng. Họ dính vào nạn tham nhũng theo những cách thức rất khác nhau. Việc xét xử và kết tội họ theo đúng các điều khoản của pháp luật đã góp phần tạo lập sự công bằng và bình đẳng trong xã hội theo nguyên tắc ai có công thì được khen thưởng, ai có tội nhất định phải bị trừng phạt đích đáng. Điều đó vừa thể hiện trình độ văn minh của luật pháp, vừa thể hiện quyền bình đẳng của mọi công dân trong xã hội và sự kiên quyết của chính quyền đất nước ta hiện nay.

Mặt khác, thời đại chúng ta là thời đại bùng nổ của khoa học và công nghệ, bởi vậy, nếu muốn phát triển kinh tế, muốn người dân giàu lên thì nhất định phải dựa vào việc áp dụng các thành tựu tiên tiến và mới nhất của khoa học và công nghệ. Tuy nhiên, khi nói dân giàu, nói đến hạnh phúc của con người, đến xã hội văn minh mà chỉ đề cập đến khía cạnh kinh tế đơn thuần thì quả thật là chưa đủ. Bởi vậy, cần có cách nhìn toàn diện hơn, chính là một cái nhìn về xã hội văn minh cả từ góc độ văn hóa.

Đành rằng mặt kinh tế hay khía cạnh kinh tế là cơ sở, là cốt lõi, là nhân tố quyết định sự giàu có của bất cứ xã hội nào, là tiền đề đầu tiên của mọi sự phát triển, thì một mặt khác không thể thiếu để có một xã hội thật sự văn minh đó là đất nước và xã hội còn phải *giàu có về văn hóa tinh thần*. Việc phát triển song song cả kinh tế và văn hóa đều nhằm mục đích cuối cùng là phục vụ con người, mang lại cuộc sống hạnh phúc cho con người và một nền văn minh cho xã hội. Tuy nhiên, đối với chúng ta, dù kinh tế chưa đạt đến mức phát triển thật cao thì vẫn phải chú trọng giải quyết thật tốt các vấn đề văn hóa - xã hội, nghĩa là không nên chờ đợi cho đến lúc kinh tế phát triển ở trình độ thật cao rồi mới đặt ra nhiệm vụ giải quyết các vấn đề văn hóa - xã hội. Cần nhận thức cho thật rõ ràng, việc giải quyết tốt và kịp thời các vấn đề văn hóa - xã hội cũng là điều kiện không thể thiếu để thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Chính vì lẽ đó cho nên văn hóa luôn được Đảng và Nhà nước ta coi là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, là động lực và là nguồn lực nội sinh quan trọng cho sự phát triển đất nước bền vững về nhiều mặt trong đó có sự bền vững về kinh tế. Hai mặt này không thể tách rời nhau trong quá trình phát triển đất nước nhằm hướng tới xây dựng xã hội ta thành một xã hội văn minh.

Bên cạnh mặt kinh tế, *một xã hội văn minh phải là một xã hội có văn hóa*, “là một xã hội xây dựng được quan hệ giữa con người với con người lành mạnh, giàu tình thương và lòng nhân ái; mọi người sống, làm việc và hoạt động vì lợi ích của bản thân, gia đình và cộng đồng” [6, tr.134-135], vì sự phồn

vinh của đất nước, vì cuộc sống yên bình và hạnh phúc của mọi người; Đồng thời đó phải là một xã hội có quan hệ hài hòa với thiên nhiên, tôn trọng và bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống của con người. Như vậy, một xã hội văn minh nhất định phải có nền kinh tế phát triển dựa trên trình độ khoa học và công nghệ cao. Song, một xã hội văn minh cũng không thể thiếu một nền văn hóa đủ sức “soi đường cho quốc dân đi” như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói ngay từ khi nước nhà vừa mới giành được độc lập. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng ý thức rất rõ về mối quan hệ chặt chẽ, sự gắn bó hữu cơ giữa văn hóa và kinh tế khi viết: “Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị” [5, tr.246]. Điều đó có nghĩa là sự phát triển văn hóa phải hài hòa và đồng bộ với sự phát triển kinh tế, với sự tiến bộ và công bằng xã hội.

Tiếc rằng, không phải lúc nào, không phải ở đâu và cấp lãnh đạo nào cũng đều quán triệt tinh thần mang tính chỉ đạo quan trọng ấy. Về điều này, chính Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đã từng cảnh báo: “Không ít người chỉ nhấn mạnh một chiều cơ sở kinh tế, về vai trò của kinh tế, mà ít chú ý đến các giá trị văn hóa, vai trò của văn hóa. Văn hóa chưa được đặt đúng vị trí như nó vốn có trong sự phát triển” [5, tr.73]. Bởi vậy, “chúng ta không khó khăn lắm để nêu lên những ví dụ về một xã hội tiện nghi vật chất thì dồi dào nhưng con người ít có hạnh phúc, thậm chí không có hạnh phúc; kinh tế tăng trưởng nhưng xã hội thiếu công bằng và văn minh” [5, tr.73].

Trước thực trạng không bình thường tồn tại trong nhiều năm đó, *Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Trung ương* tại Đại hội XIII đã nêu rõ yêu cầu phải “phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho sự nghiệp phát triển văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin,

khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước” [3, tr.115-116].

Tinh thần này là sự kế thừa và phát triển tiếp tục tinh thần của Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 5, khóa VIII yêu cầu phải gắn kết sự phát triển văn hóa với sự phát triển kinh tế - xã hội, với sự thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; gắn kết văn hóa với mọi hoạt động xã hội về tất cả các mặt chính trị, kinh tế, xã hội, luật pháp, v.v.. Đặc biệt, Nghị quyết Trung ương 5 cũng khẳng định về mối quan hệ giữa các mặt trên rằng, “chăm lo văn hóa là chăm lo củng cố nền tảng tinh thần của xã hội. Thiếu nền tảng tinh thần tiến bộ và lành mạnh, không quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội thì không có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững” [4, tr.55].

Khẳng định trên đây là hết sức đúng đắn và rất cần thiết, có giá trị lâu dài giống như một chân lý vì nó nhấn mạnh được vai trò quan trọng của văn hóa trong mối quan hệ với sự phát triển kinh tế - xã hội. Khẳng định ấy là cơ sở giúp vào việc khắc phục quan điểm sai lầm đã từng một thời ngự trị trong tâm trí của một số người cho rằng, văn hóa chỉ là cái bóng, là cái đuôi, là cái ăn theo kinh tế cho nên có cũng được mà không có cũng chẳng sao! Hơn lúc nào hết, lúc này càng cần thấm nhuần sâu sắc hơn nữa tinh thần coi “văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước”, bởi vì văn hóa chính là “hồn cốt của dân tộc”, “văn hóa còn thì dân tộc còn”.

Trong một xã hội văn minh, mối quan hệ giữa sự phát triển kinh tế - xã hội và sự phát triển văn hóa là mối quan hệ gắn bó chặt chẽ, hữu cơ với nhau, bởi vì chúng vừa nương tựa vào nhau, hỗ trợ nhau và đồng thời cũng vừa thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển. Để thấy nhất là sự tăng trưởng và phát triển kinh tế đang góp phần quan trọng trong việc nâng cao thu nhập và mức sống của nhân dân, qua đó tạo điều kiện thiết thực để thúc đẩy mạnh mẽ ngành văn hóa du lịch và ngành công nghiệp văn hóa phát triển.

Chúng ta cần sớm loại bỏ quan niệm sai lầm đã tồn tại từ rất lâu ở nước ta khi người ta coi văn hóa là ngành phi sản xuất và xếp nó vào nhóm ngành thứ yếu. Xuất phát từ quan điểm mới, xem du lịch là ngành kinh tế quan trọng thì dễ dàng nhận ra rằng, khi ngành này phát triển, sẽ hình thành một cách vững chắc ngành kinh tế du lịch. Ngành du lịch và kinh tế du lịch ở nước ta thực ra chỉ mới bắt đầu được coi trọng nhưng đang từng bước đánh thức được tiềm năng. Hàng trăm, hàng nghìn địa danh có cảnh quan thiên nhiên cực kỳ ngoạn mục, có tiền đồ và triển vọng phát triển hết sức sáng sủa. Tuy vậy, vẫn phải thừa nhận rằng, cho đến nay vẫn còn rất nhiều những di tích lịch sử nổi tiếng, những làng nghề truyền thống lâu đời, những không gian văn hóa công cộng đặc sắc, những lễ hội và những loại hình nghệ thuật dân gian, nghệ thuật biểu diễn vô cùng giá trị và hết sức độc đáo, song chúng vẫn chưa hề được khai phá, chứ không phải chưa khai phá hết, hay nói đúng hơn, là không ít loại di sản văn hóa này vẫn còn đang ngủ yên. Như Đại hội XII của Đảng đã thừa nhận rằng, cho đến nay, chúng ta vẫn “chưa nhận thức đầy đủ và xử lý tốt quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xây dựng con người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu” [2, tr.86]. Việc nhận thức chưa đúng và chưa đầy đủ mối quan hệ giữa các mặt trên đây đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc xây dựng một xã hội văn minh theo các tiêu chí đã nêu ở trên.

Cho nên, khi nói đến sự phát triển của một xã hội văn minh thì không chỉ nói đến phát triển bền vững và trình độ cao về *kinh tế - xã hội* cũng như bền vững về *môi trường* mà còn rất cần quan tâm đúng mức đến vai trò của một trụ cột khác vô cùng quan trọng trong phát triển là *phát triển cao và bền vững về văn hóa*. Sự phát triển cao và bền vững về kinh tế - xã hội, về văn hóa, trong đó có văn hóa ứng xử với thiên nhiên và môi trường tự nhiên, mới là cái trực đảm bảo cho sự phát triển bền vững và lâu dài của đất nước. Vì vậy, chúng tôi cho rằng, cần có nhận thức mới hơn về phát triển

bền vững, trong đó *phát triển bền vững về văn hóa phải được coi là một trong những trụ cột chủ yếu làm nên sự phát triển bền vững*. Đồng thời, văn hóa cũng phải thấm sâu vào tất cả các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Sự phát triển kinh tế - xã hội sẽ không thể bền vững nếu không xoay quanh trụ cột phát triển bền vững về văn hóa, mà *văn hóa thì chỉ có ở con người, chỉ có ở xã hội loài người*.

Nói tóm lại, trong thời đại hiện nay, khi loài người bằng những thành tựu và những tiến bộ khoa học và công nghệ chưa từng có, đã có khả năng khám phá vũ trụ bao la, phát hiện ra các bí mật trong lòng đất và các đại dương mênh mông cùng những bí mật về cấu tạo và các cơ chế hoạt động của chính bản thân con người thì việc nhà nước ta đề ra nhiệm vụ tạo lập một xã hội văn minh đang trở thành nhu cầu thiết thực và cấp bách hơn bao giờ hết. Đối với chúng ta, một xã hội văn minh như vậy chỉ có thể được hình thành và trở thành hiện thực trên cơ sở phát triển cao của một nền kinh tế - xã hội, một trình độ văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần ở mức phát triển cao tương ứng, một môi trường sống trong lành, đặc biệt nhất là những con người trong xã hội đó phải từng bước được sống trong bầu không khí đất nước độc lập, xã hội thật sự dân chủ, con người được hành động tự do trong khuôn khổ pháp luật, sự công bằng, bình đẳng và hạnh phúc./.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. C. Mác và Ph. Ăngghen (2000): *Toàn tập, tập 42*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật. Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998): *Văn kiện hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, tập 7*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Nguyễn Phú Trọng (2024): *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật. Hà Nội.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

THS. PHAN HỮU CHÁNH *

TÓM TẮT

Việc thu hồi đất để phục vụ cho các dự án phát triển kinh tế - xã hội là một vấn đề nhạy cảm, trực tiếp tác động đến quyền lợi và cuộc sống của người dân. Hiện nay, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách an sinh xã hội nhằm bảo đảm quyền lợi cho những người bị ảnh hưởng, nhưng thực tế triển khai thực hiện vẫn còn hạn chế và chưa đạt kết quả cao. Bài viết này sẽ làm rõ những tiêu chí để đánh giá hiệu quả của chính sách an sinh xã hội đối với người dân khi nhà nước thu hồi đất và đưa ra một số kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách an sinh xã hội, bảo đảm công bằng và hài hòa lợi ích của người dân bị thu hồi đất.

Từ khóa: thu hồi đất, chính sách an sinh xã hội, mức độ hài lòng, hiệu quả.

Nhận bài: 15/12/2024; đưa vào quy trình biên tập: 15/12/2024; duyệt đăng: 25/02/2025.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân và bảo đảm an sinh xã hội là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội. Đảng ta luôn xác định an ninh xã hội là mục tiêu, động lực phát triển bền vững. Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh việc “tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng và tính bền vững trong các chính sách xã hội” [1, tr.147-148].

Chính sách an ninh xã hội khi Nhà nước thu hồi đất có vai trò đặc biệt quan trọng, nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, giúp họ ổn định cuộc sống sau di dời. Tuy nhiên,

thực tế triển khai tại Thừa Thiên Huế và cả nước còn nhiều bất cập về bồi thường, tái định cư, việc làm, bảo hiểm, hạ tầng..., dẫn đến mất niềm tin vào chính sách, gia tăng khiếu kiện lên cấp Trung ương. Điều này cho thấy chính sách hiện hành chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, ảnh hưởng đến quyền lợi người dân, tiềm ẩn nguy cơ bất ổn xã hội.

Việc thu hồi đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội là tất yếu, nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức. Do đó, nâng cao hiệu quả chính sách an ninh xã hội là yếu tố then chốt để đảm bảo sự đồng thuận, qua đó tạo sự hài lòng của người dân, ổn định xã hội.

2. NỘI DUNG

Chính sách an sinh xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo đời sống người dân khi Nhà nước thu hồi đất. Do hình thức sở hữu toàn dân về đất đai, nên Nhà nước có quyền quyết định phân bổ và sử dụng đất nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Khi thu hồi đất, đặc biệt với các dự án công ích hoặc công trình trọng điểm,

Nhà nước cam kết thực hiện các chính sách an sinh xã hội nhằm hỗ trợ người dân ổn định cuộc sống.

Các chính sách này bao gồm: bồi thường thỏa đáng, đảm bảo công bằng và minh bạch; tái định cư, cung cấp đất ở hoặc nhà ở mới cùng với hỗ trợ tài chính; tạo điều kiện chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm để đảm bảo

thu nhập ổn định; đồng thời cung cấp các dịch vụ y tế, giáo dục và an sinh xã hội khác nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống.

Nhờ đó, tác động tiêu cực từ việc thu hồi đất được giảm thiểu, góp phần đảm bảo công

bằng xã hội và ổn định đời sống người dân. Để đánh giá hiệu quả chính sách, cần xem xét toàn diện trên nhiều tiêu chí, trong đó công bằng, minh bạch, kịp thời và hợp lý là những yếu tố quan trọng hàng đầu.

2.1

Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người dân khi nhà nước thu hồi đất hiện nay

Việc thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người dân khi nhà nước thu hồi đất chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau, có thể kể đến như:

Một là, những quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước về đảm bảo an sinh xã hội cho người có đất bị thu hồi. Quan điểm đường lối chủ trương của Đảng là sự định hướng về mặt chính trị cho các hoạt động lập pháp lập quy ở nước ta.

Các văn bản chỉ đạo của Đảng như: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết 42-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới đã chuyển đổi cách tiếp cận từ “bảo đảm và ổn định” sang “ổn định và phát triển”; mở rộng phạm vi ra toàn bộ các nhóm chính sách xã hội cho tất cả các đối tượng; 9 nhóm giải pháp đồng bộ, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực về chính sách xã hội; Nghị quyết số 18 ngày 16/6/2022 của Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao. Luật Đất đai 2024 được ban hành đã định hình rõ ràng mục tiêu và phương hướng phát triển an sinh xã hội, đặc biệt đối với những người bị ảnh hưởng bởi thu hồi đất.

Các quy định pháp luật cụ thể được ban hành dựa trên nền tảng của các văn bản chỉ đạo này đã tạo ra một khuôn khổ pháp lý rõ ràng để thực hiện chính sách. Nhờ đó, các cơ quan nhà nước, chủ đầu tư và người dân có cơ sở để tham gia vào quá trình thực hiện, đảm bảo tính công bằng, minh bạch và hiệu quả

trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến thu hồi đất.

Hai là, cơ chế quản lý. Ở nước ta do tính đặc thù của chế độ đất đai là sở hữu toàn dân do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu được quy định tại Điều 53 Hiến pháp năm 2013. Khi Nhà nước có nhu cầu thu hồi đất để phục vụ lợi ích chung, thì Nhà nước tiến hành thu hồi đất và có bồi thường cho người đang sử dụng đến chứ không mua đất của chủ đất như một số nước có chế độ sở hữu tư nhân về đất đai. Tuy nhiên, trong những năm qua, chính sách bồi thường lại dựa trên khung giá đất do Nhà nước quy định, không phản ánh đúng giá trị thực tế của đất đai trên thị trường, đặc biệt ở những khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh. Nguyên nhân chính của vấn đề này là do: khung giá đất nhà nước chưa linh hoạt, thủ tục bồi thường còn rườm rà và thiếu minh bạch trong quá trình định giá. Sự chênh lệch giữa giá bồi thường và giá thị trường dẫn đến nhiều bất đồng, khiếu kiện và làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người dân, cũng như việc thực hiện những chính sách an sinh xã hội đối với người dân khi bị Nhà nước thu hồi đất.

Ba là, công tác tổ chức bộ máy thực thi chính sách an sinh xã hội đối với người dân bị thu hồi đất là một trong những yếu tố quyết định đến sự thành công của quá trình thực hiện chính sách. Một bộ máy tổ chức hiệu quả sẽ không chỉ đảm bảo việc thực hiện chính sách một cách công khai, minh bạch mà còn tạo ra sự tin tưởng giữa người dân và chính quyền.

Thông qua việc nắm bắt trực tiếp nguyện vọng, khó khăn của người dân, bộ máy tổ chức sẽ cung cấp thông tin phản hồi quý báu để hoàn thiện chính sách, giúp các quy định đi vào cuộc sống một cách hiệu quả và phù hợp. Đồng thời,

bộ máy này cũng có vai trò quan trọng trong việc truyền thông, giải thích chính sách đến người dân, giúp họ hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, trong đó, đội ngũ cán bộ, công chức đóng vai trò là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với người dân có đất bị thu hồi. Với một bộ máy tổ chức chặt chẽ, hoạt động hiệu quả, việc thực hiện chính sách an ninh xã hội đối với người dân bị thu hồi đất sẽ góp phần quan trọng vào việc đảm bảo ổn định xã hội, xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Bốn là, nhận thức của người dân, đặc biệt là những người có đất bị thu hồi, về các chính sách an ninh xã hội còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân chính là do thông tin chính sách thường được truyền đạt bằng văn bản hành chính, ngôn ngữ phức tạp, khó hiểu đối với người dân. Bên cạnh đó, sự kỳ vọng của người dân về một cuộc sống ổn định sau khi nhận được tiền đền bù thường rất cao, dẫn đến tâm lý thất vọng khi nhận thấy mức sống thực tế không được cải thiện như mong đợi. Điều này không chỉ gây ra mâu thuẫn giữa người dân và chính quyền mà còn làm giảm hiệu quả của các chính sách hỗ trợ, ảnh hưởng đến sự ổn định xã hội. Bên cạnh nhận thức, vấn đề tài chính cũng đóng vai trò quan trọng. Sau khi nhận được tiền bồi thường, việc sử dụng nguồn vốn này một cách hiệu quả và tiết kiệm là điều cần thiết. tìm kiếm việc làm ổn định sẽ giúp người dân có một cuộc sống bền vững hơn.

Cả nhận thức và tài chính đều là những yếu tố then chốt ảnh hưởng đến khả năng thích ứng của người dân bị thu hồi đất với chính sách an ninh xã hội. Khi người dân hiểu rõ về chính sách và có trong tay nguồn tài chính ổn định, họ sẽ tự tin hơn trong việc xây dựng lại cuộc sống. Ngược lại, thiếu hụt về một trong hai yếu tố này có thể gây ra nhiều khó khăn, thậm chí là kéo dài thời gian hòa nhập.

Năm là, quá trình hội nhập quốc tế. Khi nhà nước tiến hành thu hồi đất để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, việc đảm bảo quyền lợi của người dân bị ảnh hưởng là một yêu cầu cấp thiết. Cùng với đó, cần phải đáp ứng các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết và tạo ra một môi trường đầu tư hấp dẫn, các chính sách an ninh xã hội liên quan đến bồi thường, hỗ trợ tái định cư phải được thực hiện một cách công khai, minh bạch, đúng pháp luật và đảm bảo tính công bằng. Các cam kết quốc tế về bình đẳng, không phân biệt đối xử và cải cách thủ tục hành chính cũng tác động trực tiếp đến việc thực hiện chính sách an ninh xã hội, đặc biệt trong trường hợp nhà nước thu hồi đất. Vì vậy, việc ban hành các chính sách an ninh xã hội đối với người dân khi nhà nước thu hồi đất cũng chịu sự chi phối của các cam kết quốc tế và đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh cho nhà đầu tư trong nước cũng như nước ngoài trong việc tiếp cận các nguồn lực đặc biệt là đất đai.

2.2

Khung đánh giá hiệu quả chính sách an ninh xã hội đối với người dân khi nhà nước thu hồi đất

Tiêu chí đánh giá chính sách an ninh xã hội khi nhà nước thu hồi đất đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của người dân. Chúng là thước đo để đảm bảo rằng việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện một cách công bằng, minh bạch, kịp thời và phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc làm rõ được các tiêu chí đánh giá này, giúp ta có thể đánh giá hiệu quả của chính sách, so sánh đối xử giữa các cá nhân, tổ chức bị thu hồi đất, đồng thời phát hiện và khắc phục

những bất cập để hoàn thiện chính sách. Đồng thời, việc xây dựng và áp dụng các tiêu chí rõ ràng cũng góp phần tăng cường niềm tin của người dân vào Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Để đánh giá hiệu quả của chính sách an ninh xã hội, cần căn cứ vào những tiêu chí sau:

Thứ nhất, tiêu chí về tính công bằng và minh bạch.

Nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật là nền tảng trong quá trình thực hiện chính sách

an sinh xã hội. Trong quá trình nhà nước thu hồi đất của người dân, tính công bằng, minh bạch không chỉ là vấn đề pháp lý mà còn là yếu tố quan trọng để duy trì sự ổn định của người dân và xã hội. Khi người dân cảm thấy quyền lợi của mình được bảo vệ, họ sẽ tin tưởng vào pháp luật và các cơ quan nhà nước. Vì vậy, việc xây dựng một hệ thống bồi thường công bằng, minh bạch là một trong những giải pháp quan trọng để đảm bảo sự hài hòa. Thực tế cho thấy việc phân biệt đối xử giữa các hộ dân bị ảnh hưởng vẫn còn tồn tại, thể hiện rõ qua sự chênh lệch mức bồi thường, ưu tiên giải quyết thủ tục cho một số hộ dân, hoặc chậm trễ trong việc giải quyết khiếu nại. Những hành vi này không chỉ gây ra bất công mà còn làm mất đoàn kết cộng đồng, gây cản trở quá trình thực hiện dự án và làm giảm niềm tin của người dân vào cơ quan nhà nước.

Cùng với đó, việc xác định mức bồi thường hợp lý và tương xứng là một vấn đề quan trọng trong nhiều trường hợp liên quan đến việc thu hồi đất của người dân. Theo đó, mức bồi thường phải phản ánh chính xác giá trị thị trường của tài sản tại thời điểm bồi thường, căn cứ vào các yếu tố như: vị trí, diện tích, chất lượng công trình và tình hình thị trường bất động sản. Mục tiêu của việc này là đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người dân, tạo sự công bằng và minh bạch trong quá trình thực hiện chính sách, đồng thời góp phần duy trì ổn định xã hội.

Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi chính đáng của người dân, việc xây dựng một quy trình bồi thường minh bạch, công khai là vô cùng cần thiết. Khi thông tin về dự án, tiêu chí bồi thường và các bước thực hiện được công khai rộng rãi trên các phương tiện truyền thông và các trang web chính thức, người dân sẽ dễ dàng tiếp cận thông tin, từ đó chủ động tham gia vào quá trình này. Bên cạnh đó, việc tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đóng góp ý kiến, khiếu nại sẽ giúp hạn chế tối đa các hành vi tiêu cực, tham nhũng, góp phần xây dựng niềm tin của người dân vào cơ quan nhà nước. Việc ứng dụng công nghệ thông tin như

xây dựng các cổng thông tin điện tử minh bạch, tổ chức các buổi đối thoại trực tuyến sẽ góp phần hiện thực hóa mục tiêu này.

Việc đánh giá đúng giá trị tài sản bị thu hồi, đảm bảo người dân được thông tin đầy đủ, có cơ hội tham gia đóng góp ý kiến và mọi người được đối xử công bằng sẽ là cơ sở quan trọng để chúng ta có thể đánh giá được tính công bằng trong một chính sách an ninh xã hội đối với người dân khi nhà nước thu hồi đất.

Thứ hai, tiêu chí về tính kịp thời.

Thủ tục hành chính đơn giản, tính kịp thời là những yếu tố quan trọng, đánh giá khả năng giải quyết công việc một cách nhanh chóng, hiệu quả và không gây trở ngại cho người dân của cơ quan hành chính Nhà nước. Trong thực hiện chính sách an ninh xã hội đối với người dân khi Nhà nước thu hồi đất, tính kịp thời được hiểu là việc các quy trình, thủ tục liên quan đến việc hỗ trợ, bồi thường cho người dân bị thu hồi đất được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả và đúng hẹn, nhằm giảm thiểu tối đa những khó khăn, bất tiện mà người dân phải đối mặt.

Thực tế việc thu hồi đất là một vấn đề nhạy cảm, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân, nhiều trường hợp người dân phải đối mặt với tình trạng kéo dài, rườm rà trong việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến thu hồi đất. Nguyên nhân chính nằm ở hệ thống quy định chồng chéo, thủ tục phức tạp, thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan và một số hạn chế về nguồn lực. Điều này dẫn đến việc người dân phải mất quá nhiều thời gian, công sức và chi phí để hoàn thành các thủ tục, làm chậm trễ quá trình hỗ trợ. Bên cạnh đó, việc hỗ trợ người dân cũng bị trì hoãn do nhiều yếu tố như thiếu kinh phí, thiếu nhân lực, cơ sở vật chất chưa đảm bảo hoặc do thái độ làm việc chưa nghiêm túc của một số cán bộ, công chức. Tình trạng này không chỉ gây khó khăn cho người dân mà còn làm giảm hiệu quả của các chính sách hỗ trợ, gây ảnh hưởng đến niềm tin của người dân vào bộ máy nhà nước.

Nhà nước hỗ trợ người dân ổn định cuộc sống, tìm kiếm công việc mới và duy trì mức sống ổn định sau khi bị thu hồi đất một cách

nhanh chóng, không chỉ thể hiện sự quan tâm của chính quyền mà còn bảo đảm quyền lợi hợp pháp của công dân. Nếu quá trình này kéo dài, dễ dẫn đến những tranh chấp, khiếu kiện, gây mất ổn định xã hội và ảnh hưởng đến uy tín của chính quyền.

Chính vì vậy, tính kịp thời là một tiêu chí đánh giá quan trọng trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội khi Nhà nước thu hồi đất. Điều này không chỉ góp phần duy trì ổn định xã hội mà còn tăng cường niềm tin của người dân vào bộ máy chính quyền ở địa phương.

Thứ ba, tiêu chí về tính hiệu quả.

Việc thu hồi đất để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội là điều không thể tránh khỏi, tuy nhiên, nó cũng đồng nghĩa với việc nhiều người dân sẽ mất đi nơi cư trú và sinh kế.

Chính vì vậy, việc thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với những người bị ảnh hưởng là vô cùng quan trọng. Mục tiêu cuối cùng của các chính sách này là giúp người dân ổn định cuộc sống sau khi mất đất, cụ thể là tạo điều kiện để họ tái định cư và tìm kiếm việc làm mới. Theo quy định, chính quyền địa phương có trách nhiệm đảm bảo người dân có mức sống bằng hoặc tốt hơn so với trước khi thu hồi đất. Để đạt được mục tiêu này, các chính sách cần phải đảm bảo tính thiết thực, khả thi và đáp ứng được nhu cầu thực tế của người dân.

Việc hỗ trợ tái định cư, cung cấp nhà ở mới, tạo điều kiện để người dân tiếp tục sản xuất kinh doanh hoặc tìm kiếm việc làm mới và các chính sách hỗ trợ khác cũng là tiêu chí để đánh giá hiệu quả của chính sách an sinh xã hội đối với người dân bị thu hồi đất. Bên cạnh đó, việc xây dựng các cộng đồng mới tại khu tái định cư cũng rất quan trọng, nhằm giúp người dân nhanh chóng hòa nhập và ổn định cuộc sống.

Để đánh giá tính hiệu quả của các chính sách, cần phải xem xét chúng có được thiết kế một cách khoa học, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương hay không? Có đảm bảo tính công bằng, minh bạch và dễ tiếp cận cho mọi đối tượng?. Các chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các chính

sách hỗ trợ khác cần được xây dựng và thực hiện một cách hiệu quả để giúp người dân có mức sống bằng hoặc tốt hơn so với trước khi thu hồi đất.

Thứ tư, tiêu chí về tính bền vững.

Việc đảm bảo an sinh xã hội cho người dân bị Nhà nước thu hồi đất là một vấn đề cấp bách và mang tính nhân văn sâu sắc. Để quá trình này diễn ra một cách công bằng và hiệu quả, chính sách an sinh xã hội cần phải có tính lâu dài. Thay vì chỉ tập trung vào việc giải quyết những khó khăn trước mắt, các giải pháp cần hướng tới việc tạo dựng một tương lai ổn định cho người dân. Điều này bao gồm việc hỗ trợ tái định cư, đào tạo nghề, tạo việc làm, và đảm bảo quyền lợi về y tế, giáo dục. Cùng với đó, tính bền vững của chính sách còn thể hiện ở khả năng triển khai và duy trì hiệu quả trong thời gian dài. Các giải pháp đưa ra phải được xây dựng trên cơ sở khoa học, phù hợp với điều kiện thực tế và có sự tham gia của người dân. Đồng thời, cần có cơ chế giám sát và đánh giá thường xuyên để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Cuối cùng, chính sách an sinh xã hội không chỉ dừng lại ở việc bồi thường mà còn hướng tới mục tiêu phát triển. Người dân không chỉ cần được hỗ trợ để ổn định cuộc sống mà phải cần có cơ hội để phát triển bản thân và nâng cao chất lượng cuộc sống. Điều này đòi hỏi phải tạo ra các điều kiện thuận lợi để người dân tham gia vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

Một chính sách được xem là bền vững khi không chỉ mang lại lợi ích tức thời cho người dân bị ảnh hưởng mà còn phải đảm bảo sự phát triển lâu dài cho cộng đồng. Điều này bao gồm việc tạo điều kiện để người dân tái định cư ổn định, tiếp cận các dịch vụ công cộng đầy đủ và có cơ hội phát triển kinh tế mới. Bên cạnh đó, một cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả của chính sách cần được thiết lập một cách chặt chẽ. Cơ chế này sẽ giúp phát hiện và khắc phục kịp thời những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện, đảm bảo rằng chính sách luôn đáp ứng được nhu cầu thực tế và mang lại hiệu quả cao nhất cho người dân.

3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM ĐỂ ĐẢM BẢO THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI KHI THU HỒI ĐẤT.

Trước hết cần hoàn thiện khung pháp lý. Để đảm bảo tính công bằng, minh bạch và hiệu quả trong quản lý đất đai, việc hoàn thiện khung pháp lý là vô cùng cần thiết. Cụ thể, cần có những quy định rõ ràng và chi tiết về các khâu như xác định giá trị đất, mức bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất và thủ tục hành chính liên quan. Việc này không chỉ giúp ngăn ngừa tranh chấp, khiếu kiện mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh liên quan đến đất đai. Bên cạnh đó, việc xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai chính xác, minh bạch cũng là một yếu tố quan trọng để hỗ trợ quá trình quản lý và sử dụng đất đai hiệu quả.

Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền. Để quá trình đô thị hóa diễn ra một cách hài hòa và bền vững, việc tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền là điều không thể thiếu. Nhà nước cần chủ động cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời về các quy hoạch, dự án đô thị thông qua các kênh truyền thông đa dạng như báo chí, đài phát thanh, truyền hình, mạng xã hội và các cuộc họp cộng đồng. Bên cạnh đó, việc tạo điều kiện để người dân tham gia đóng góp ý kiến thông qua các kênh trực tuyến, hộp thư góp ý, hoặc các cuộc họp dân chủ là vô cùng quan trọng. Việc lắng nghe và tiếp thu ý kiến của người dân không chỉ giúp nâng cao chất lượng các quyết sách mà còn tạo ra sự đồng thuận xã hội, góp phần xây dựng một đô thị văn minh, hiện đại. Đồng thời, việc đảm bảo tính minh bạch trong quá trình thực hiện các dự án đô thị sẽ giúp tăng cường lòng tin của người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của đô thị.

Hơn nữa cần xây dựng cơ chế giám sát phù hợp, chặt chẽ và hiệu quả hơn. Việc xây dựng cơ chế giám sát thực hiện chính sách an sinh xã hội khi nhà nước thu hồi đất là một vấn đề hết sức cấp bách. Mục tiêu cuối cùng của cơ chế này là bảo vệ tối đa quyền lợi hợp pháp của người dân bị ảnh hưởng. Thông qua giám sát, chúng ta có thể ngăn chặn các hành vi vi phạm

pháp luật, đảm bảo rằng người dân được đền bù thỏa đáng và được hỗ trợ tái định cư một cách công bằng, góp phần ổn định cuộc sống và tạo niềm tin trong nhân dân.

Cần thành lập các tổ chức giám sát độc lập, có sự tham gia của nhiều thành phần xã hội. Xây dựng một hệ thống quy định, quy trình giám sát rõ ràng, minh bạch. Và tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai để người dân hiểu rõ quyền lợi của mình và biết cách bảo vệ quyền lợi đó.

Cuối cùng, cần nghiên cứu, xây dựng các chính sách hỗ trợ lâu dài cho người dân. Khi Nhà nước thu hồi đất, việc đảm bảo an sinh xã hội cho người dân là ưu tiên hàng đầu. Để đạt được mục tiêu này, cần có những chính sách hỗ trợ toàn diện, bao gồm đầu tư vào các chương trình tái định cư, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận các dịch vụ đào tạo nghề và tìm việc làm, đồng thời xây dựng các chính sách hỗ trợ lâu dài. Thay vì chỉ tập trung vào việc bồi thường một lần, Nhà nước cần có những hỗ trợ liên tục để giúp người dân ổn định cuộc sống và hòa nhập cộng đồng mới. Qua đó, giúp người dân không chỉ có cuộc sống ổn định mà còn góp phần vào sự phát triển chung của cộng đồng.



4. KẾT LUẬN

Khi Nhà nước thu hồi đất, việc đảm bảo người dân được hỗ trợ một cách công bằng, minh bạch về nhà ở, việc làm, và các nguồn lực khác là điều cần thiết. Các cơ quan nhà nước cần xây dựng và thực hiện chính sách một cách rõ ràng, minh bạch, đồng thời tăng cường công tác giám sát. Các tổ chức xã hội có thể đóng vai trò cầu nối, hỗ trợ người dân trong việc tiếp cận thông tin và giải quyết các vấn đề phát sinh. Bản thân người dân cũng cần chủ động tham gia vào quá trình này để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình. Tuy nhiên, quá trình thực hiện chính sách này vẫn còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau. Việc đảm bảo an sinh xã hội cho những người bị ảnh hưởng trực tiếp từ quá trình này luôn là một vấn đề quan trọng và cần được giải quyết một cách toàn diện, cần có những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả chính sách an sinh xã hội đối với người dân khi nhà nước thu hồi đất.

Tóm lại, chính sách an sinh xã hội khi Nhà nước thu hồi đất là một vấn đề phức tạp, đòi hỏi sự quan tâm và giải quyết từ nhiều phía. Việc thực hiện tốt chính sách này không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội./.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Quốc hội (2013): *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
3. Đoàn Minh Huấn (2023): *Quản lý phát triển xã hội bền vững, thúc đẩy chính sách xã hội toàn diện, bao trùm, hiện đại, lấy người dân làm trung tâm*, Tạp chí Cộng sản (Chuyên đề), số 7/2023
4. Nguyễn Hữu Hải và Lê Văn Hòa (2014): *Đại cương về Chính sách công*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
5. Đỗ Hồng Phúc (2015): *Đánh giá chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội*, Luận án thạc sĩ, Học viện nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.
6. Lê Như Thanh - Lê Văn Hòa (2017): *Hoạch định và thực thi chính sách công*, Nxb. Chính trị quốc gia - sự thật, Hà Nội.



KHÁT VỌNG CỐNG HIẾN CỦA ĐỘI NGŨ DOANH NHÂN VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. HOÀNG THU TRANG *

TÓM TẮT

Để đội ngũ doanh nhân Việt Nam có thể phát huy và thực hiện tốt vai trò đặc biệt quan trọng của mình với tư cách là lực lượng đại diện cho sức sản xuất mới của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thì một trong những điều kiện tiên quyết là đội ngũ này phải có khát vọng cống hiến đối với quê hương, đất nước. Bài viết tập trung làm rõ một số vấn đề lý luận và thực trạng khát vọng cống hiến của đội ngũ doanh nhân Việt Nam hiện nay, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm khơi dậy mạnh mẽ khát vọng cống hiến của đội ngũ này trong thời gian tới, đáp ứng yêu cầu mới đặt ra.

Từ khóa: doanh nhân; đội ngũ doanh nhân Việt Nam; khát vọng cống hiến.

Nhận bài: 14/12/2024; đưa vào quy trình biên tập: 14/12/2024; duyệt đăng: 25/2/2025.

1. KHÁT VỌNG CỐNG HIẾN CỦA ĐỘI NGŨ DOANH NHÂN VIỆT NAM HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG

Một cách chung nhất có thể hiểu: Khát vọng cống hiến của đội ngũ doanh nhân Việt Nam chính là niềm mong muốn, ao ước, khát khao dâng hiến toàn bộ sức lực, trí tuệ của các doanh nhân Việt Nam một cách tự nguyện, tự giác để phục vụ cho lợi ích chung của tập thể, cộng đồng, đất nước.

Xuất phát từ vị trí, vai trò trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, có thể khẳng định khát vọng cống hiến của đội ngũ doanh nhân Việt Nam thể hiện ở những nội dung cụ thể như sau:

Một là, khát vọng làm giàu một cách chính đáng, hợp pháp góp phần xây dựng, phát triển đất nước giàu mạnh, hùng cường.

Với vai trò là lực lượng xung kích đi đầu trong phát triển kinh tế của đất nước, khát vọng cống hiến của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trước hết phải được thể hiện ở khát vọng làm giàu nhưng chỉ dừng lại ở đó là chưa đủ. Bởi, khát vọng cống hiến được hiểu là việc một cá nhân mong muốn,

ước ao, khát khao dâng hiến toàn bộ sức lực, trí tuệ của mình một cách tự nguyện, tự giác cho sự phát triển chung, vì lợi ích chung của tập thể, cộng đồng, xã hội. Do đó, khát vọng làm giàu của đội ngũ doanh nhân Việt Nam hiện nay muốn trở thành khát vọng cống hiến thì đó phải là khát vọng làm giàu không phải chỉ cho bản thân mà quan trọng hơn là cho doanh nghiệp, để doanh nghiệp phát triển thực sự giàu mạnh từ đó mang lại sự giàu có, thịnh vượng cho nhân viên, người lao động của doanh nghiệp, rồi tiếp đó đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội thông qua các hoạt động an sinh, phúc lợi xã hội tương xứng với khả năng và tiềm lực của doanh nghiệp. Cùng với đó, khát vọng làm giàu này phải là làm giàu một cách chính đáng, hợp pháp được hiểu là các hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển doanh nghiệp thông qua sự lãnh đạo, quản lý, điều hành của doanh nhân phải tuân thủ các quy định của pháp luật, tuân thủ những chuẩn mực chung của đạo đức xã hội tiến bộ cũng như đạo đức nghề nghiệp ở từng ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh

cụ thể. Có như vậy, hoạt động làm giàu, phát triển doanh nghiệp mới không đi ngược lại lợi ích chung của người lao động, người tiêu dùng, của cộng đồng, xã hội và lợi ích chung lâu dài của nước, của dân.

Như vậy, nếu trước đây, sự cống hiến của doanh nghiệp, doanh nhân yêu nước thể hiện bằng những hành động đóng góp của cải, vật chất cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, thì ngày nay, tinh thần, khát vọng cống hiến của đội ngũ doanh nhân, doanh nghiệp trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa nên được thể hiện bằng những khát khao, nỗ lực, quyết tâm làm giàu chính đáng góp phần hiện thực hóa mục tiêu xuyên suốt của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Hai là, khát vọng đổi mới sáng tạo để phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Với tư cách là lực lượng nòng cốt, chủ lực trong xây dựng, phát triển đất nước trong mọi lĩnh vực trước hết là trên lĩnh vực kinh tế, trách nhiệm của đội ngũ doanh nhân Việt Nam là phải bảo đảm cho sự phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đất nước nhanh nhưng sự phát triển đó phải là sự phát triển bền vững đồng thời bảo đảm vững chắc 3 trụ cột: tăng trưởng kinh tế; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và bảo vệ môi trường sinh thái. Muốn thực hiện được điều này, đòi hỏi đội ngũ doanh nhân Việt Nam cần phải có khát vọng đổi mới sáng tạo. Luật Khoa học và Công nghệ [3] đã chỉ rõ: “Đổi mới sáng tạo (innovation) là việc tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa” [3].

Có thể khẳng định rằng, để tạo ra sự phát triển nhanh, bền vững cho doanh nghiệp, từ đó tạo cơ sở cho sự phát triển nhanh, bền vững đất nước, các doanh nhân ở mỗi doanh nghiệp phải thực hiện sự đổi mới sáng tạo trên

tất cả các mặt hoạt động của doanh nghiệp trên cơ sở ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại với 4 cấu phần chính: “(1) Đổi mới sáng tạo sản phẩm/dịch vụ; (2) Đổi mới sáng tạo quy trình; (3) Đổi mới sáng tạo marketing; và (4) Đổi mới sáng tạo tổ chức” [8] nhằm hướng tới mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng, sản phẩm hàng hóa/dịch vụ, tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, giảm chi phí, tăng sự hài lòng và đáp ứng nhu cầu của khách hàng và người tiêu dùng trên cơ sở gắn hoạt động sản xuất, kinh doanh với bảo vệ môi trường sinh thái ở tất cả các khâu, các mặt trong hoạt động của doanh nghiệp... hướng tới nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp, tạo chỗ đứng vững chắc đồng thời bảo đảm sự phát triển nhanh, bền vững của doanh nghiệp trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Đây chính là nền tảng cho sự phát triển nhanh, ổn định của nền kinh tế vĩ mô, từ đó tạo cơ sở cho sự phát triển nhanh, bền vững đất nước, xây dựng xã hội phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

2. KHÁT VỌNG CỐNG HIẾN CỦA ĐỘI NGŨ DOANH NHÂN VIỆT NAM HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Từ thực tế của công cuộc đổi mới có thể thấy, đa số doanh nhân Việt Nam hiện nay có khát vọng cống hiến và đang thực hiện tốt khát vọng đó thể hiện ở khát vọng làm giàu chính đáng và khát vọng đổi mới sáng tạo, cụ thể như sau:

Trước hết, có thể khẳng định: sau gần 40 năm đổi mới, Việt Nam đã có lực lượng doanh nhân hùng hậu, đa số mang trong mình khát vọng vươn lên làm giàu. Tuy nhiên, điều đáng nói ở đây là, khát vọng làm giàu này đã vượt ra khỏi nhu cầu của bản thân, gia đình, mà đó là khát vọng làm giàu cho đất nước để xây dựng đất nước ngày một “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh trước lúc ra đi đã căn dặn. Khát vọng làm giàu ấy được xây dựng dựa trên nền tảng tuân thủ pháp luật, luôn gắn lợi ích của doanh nghiệp, doanh nhân với lợi ích của cộng đồng, đất nước, nhân dân.

Cũng nhờ mang trong mình khát vọng cống hiến thông qua việc làm giàu chính đáng, hợp pháp nhằm mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, người lao động, cho cộng đồng, xã hội, cho đất nước... mà nhiều doanh nhân Việt Nam đã có nỗ lực, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thử thách để tìm kiếm cơ hội đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh ở thị trường trong và ngoài nước nhằm phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp, từ đó đóng góp xứng đáng vào sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Cũng chính sự lớn mạnh không ngừng của các doanh nghiệp dưới sự lãnh đạo, quản lý, điều hành của các doanh nhân Việt Nam đã khiến khu vực này đóng góp đến hơn 60% GDP, 70% nguồn thu ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, khi các doanh nghiệp được mở rộng và phát triển mạnh mẽ cũng đồng nghĩa với việc doanh nhân, doanh nghiệp đã góp phần quan trọng trong việc giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động trong xã hội, ổn định thu nhập và từng bước cải thiện, nâng cao đời sống của người lao động về mọi mặt mà trước hết là đời sống vật chất.

Không chỉ dừng lại ở đây, khát vọng cống hiến của doanh nhân thông qua nỗ lực thúc đẩy việc phát triển, mở rộng doanh nghiệp, vươn lên làm giàu chính đáng còn là để giúp doanh nhân có tiềm lực vật chất nhằm chung tay góp sức cùng Đảng, Nhà nước giải quyết các vấn đề xã hội như: tham gia các chương trình xóa đói, giảm nghèo, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, các chương trình vì cộng đồng, đóng góp các quỹ nhân đạo, từ thiện, hỗ trợ người dân có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ khắc phục hậu quả của thiên tai, dịch bệnh, xây dựng các công trình phúc lợi góp phần bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân...

Cùng với khát vọng vươn lên làm giàu chính đáng, hợp pháp, phần lớn các doanh nhân Việt Nam hiện nay cũng nhận thức rõ vấn đề: trong bối cảnh của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư với sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ, nếu chỉ có khát vọng làm giàu chính đáng thôi thì chưa đủ mà để có thể cống hiến cho sự phát triển

đất nước thì doanh nhân, doanh nghiệp Việt Nam nhất thiết phải có khát vọng đổi mới sáng tạo. Sự phát triển của khoa học, công nghệ đang đặt các doanh nhân, doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt với áp lực đột phá trong cải tiến công nghệ, đổi mới chiến lược quản trị, nâng cấp trình độ nghiên cứu phát triển, cũng như nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nếu muốn tìm kiếm sự phát triển nhanh, bền vững cho doanh nghiệp từ đó đóng góp vào sự phát triển nhanh, bền vững đất nước. “Theo kết quả khảo sát Top 50 doanh nghiệp sáng tạo và kinh doanh hiệu quả (VIE50) năm 2024, có đến 86% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng, đổi mới sáng tạo là động lực tăng trưởng quan trọng nhất của doanh nghiệp trong giai đoạn 3 - 5 năm tới (tăng nhẹ so với tỷ lệ 83,2% trong khảo sát VIE50 năm 2023)” [9].

Cũng bởi nhận thức như vậy cho nên thời gian qua, nhiều doanh nhân Việt Nam trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đã nỗ lực, chủ động, tích cực tiến hành đổi mới sáng tạo trên tất cả các phương diện hoạt động của doanh nghiệp trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại, áp dụng quy trình sản xuất kinh doanh mới để tăng năng suất, giảm chi phí; tạo ra những sản phẩm mới, hữu ích, thiết thực hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng nhưng đồng thời gắn sản xuất, kinh doanh với bảo vệ môi trường để bảo đảm sự phát triển bền vững lâu dài cho chính doanh nghiệp và cho đất nước. Nhờ những nỗ lực đổi mới sáng tạo của các doanh nhân, doanh nghiệp Việt Nam đã góp phần làm tăng Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam, theo đó, năm 2023, Việt Nam được xếp hạng 46/132 quốc gia, nền kinh tế, tăng 2 bậc so với năm 2022; đồng thời được đánh giá là một trong 7 quốc gia thu nhập trung bình đạt được nhiều tiến bộ nhất về đổi mới sáng tạo trong thập kỷ qua và cũng là một trong 3 quốc gia giữ kỷ lục có thành tích vượt trội so với mức độ phát triển trong 13 năm liên tiếp [7].

Tuy nhiên, cùng với những thành tựu đạt được, thẳng thắn nhìn nhận có thể thấy, bên cạnh những doanh nhân có khát vọng cống hiến

thì vẫn còn một bộ phận doanh nhân chưa có khát vọng cống hiến hoặc khát vọng cống hiến chưa đủ lớn. Mục đích trước hết của doanh nhân khi làm kinh doanh là thu lợi nhuận. Nhưng, nếu chỉ mong muốn làm giàu cho bản thân và doanh nghiệp, chỉ quan tâm đến lợi ích riêng mà không nghĩ đến lợi ích chung của cộng đồng, xã hội thì đất nước không thể phát triển giàu mạnh. Trên thực tế nội số doanh nhân, doanh nghiệp vì đặt mục tiêu lợi nhuận lên trên hết đã bất chấp tất cả, coi thường đạo lý, thậm chí vi phạm pháp luật, gây thiệt hại lớn đến lợi ích của đất nước, nhân dân, người tiêu dùng, cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội với các hành vi: làm hàng giả, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại, buôn lậu, sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường... Thậm chí, đang xuất hiện ngày càng nhiều các vụ việc doanh nhân, doanh nghiệp cấu kết với cán bộ các cấp, đặc biệt là những cán bộ có chức, có quyền để thực hiện các hành vi đưa hối lộ, tham nhũng, tiêu cực nhằm chiếm đoạt tài sản, gây thất thoát, lãng phí ngân sách, tài sản, nguồn lực của Nhà nước và của nhân dân, để lại hậu quả hết sức nghiêm trọng. Chẳng hạn, có thể kể đến như vụ án Vạn Thịnh Phát: trong 10 năm (2012-2022), Chủ tịch Tập đoàn Vạn Thịnh Phát - Trương Mỹ Lan cùng đồng phạm đã “rút ruột” của ngân hàng SCB hơn 1 triệu tỉ đồng, tổng dư nợ gốc không thể thu hồi tính đến thời điểm khởi tố vụ án là hơn 677.000 tỉ đồng. Trong vụ việc có đến 23 cán bộ là lãnh đạo cấp vụ, cục và cán bộ cơ quan thanh tra, kiểm toán, thanh tra, giám sát ngân hàng, lãnh đạo thanh tra, ngân hàng địa phương bị khởi tố có liên quan đến tội danh nhận hối lộ, cấu kết với doanh nghiệp để thực hiện các hành vi tiêu cực [11]. Trong vụ đại án của Tập đoàn Phúc Sơn gây ra những thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng cho Nhà nước, liên đến việc các cán bộ nhà nước nhận hối lộ, cấu kết, bao che, tiếp tay cho doanh nghiệp thực hiện các hành vi trái pháp luật cũng có nhiều bị can bị khởi tố [4]...

Cùng với đó, thực tế cũng cho thấy, còn không ít doanh nghiệp, doanh nhân chưa thực sự muốn đổi mới sáng tạo hoặc khát vọng đổi mới sáng tạo chưa thực sự đủ lớn để thúc đẩy doanh

NGHIỆP VÀ ĐẤT NƯỚC PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG. Theo bà Trịnh Thu Hương, phó Cục trưởng Cục phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch đầu tư cho biết, hiện nay, chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số đã được ban hành khá đầy đủ, đồng thời đã xây dựng công cụ nền tảng số, cơ sở dữ liệu chuyển đổi số, xây dựng và triển khai đào tạo chuyển đổi số cho doanh nghiệp. Mặc dù vậy, đa số doanh nghiệp vẫn chưa sẵn sàng với chuyển đổi số và chưa chủ động tìm kênh hỗ trợ cho chuyển đổi số. Doanh nghiệp Việt Nam còn gặp nhiều trở ngại khi đổi mới sáng tạo, chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của đổi mới sáng tạo [10].

Theo một khảo sát gần đây của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), trong số các doanh nghiệp được khảo sát, chỉ có 23,8% biết về chuyển đổi số nhưng thiếu nguồn lực tài chính và nhân lực để thực hiện; cũng chỉ có 11% số doanh nghiệp thành công trong quá trình chuyển đổi số, còn lại 89% số doanh nghiệp còn lại đang “lạc lối” trong quá trình chuyển đổi số. Khảo sát của Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ công nghệ thông tin (Vinaso) cho thấy, có tới 92% số doanh nghiệp được hỏi không biết cách thức chuyển đổi số như thế nào, 72% số doanh nghiệp không biết bắt đầu chuyển đổi số từ hoạt động nào của tổ chức; 69% số doanh nghiệp không biết lựa chọn đối tác nào để triển khai (Minh Dũng, 2024). Theo Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ), số lượng doanh nghiệp nhận thức được sự cần thiết của việc đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) đang chiếm tỷ lệ thấp. Ngoài một số doanh nghiệp lớn đã có chiến lược và nguồn vốn đầu tư, thì doanh nghiệp Việt Nam tham gia đầu tư cho R&D chưa nhiều. Doanh nghiệp Việt Nam hiện nay mới chỉ dành khoảng 0,4% doanh thu hàng năm cho công tác đổi mới công nghệ. Số doanh nghiệp trích lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ hàng năm không nhiều, nhưng nhiều doanh nghiệp vẫn không dùng đến hoặc không dùng hết, sau đó phải hoàn nhập. Theo số liệu thống kê của Tổng cục

Thuế, trong giai đoạn 2015-2021, có tổng số 1.281 lượt doanh nghiệp trích lập Quỹ với tổng số tiền trên 23.895 tỷ đồng, trong đó số sử dụng trên 14.411 tỷ đồng tương đương khoảng 60,3%. Số doanh nghiệp đã thực hiện trích lập Quỹ là khá khiêm tốn so với tổng số doanh nghiệp hiện có. Số trích Quỹ và sử dụng Quỹ lớn tập trung vào một số tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp lớn [7].

Thực trạng trên phải chăng chủ yếu là do một số doanh nhân, doanh nghiệp chưa có hay khát vọng chưa đủ lớn để thay đổi mà chỉ dừng lại ở việc linh hoạt, thích nghi với hoàn cảnh. Khi không có khát vọng hoặc có nhưng khát vọng chưa đủ lớn sẽ không thể trở thành trở thành động lực để chúng ta biến nó thành hành động.

Trong thời gian tới để khơi dậy mạnh mẽ khát vọng cống hiến của đội ngũ doanh nhân Việt Nam nhằm phát huy tối đa vai trò và sức mạnh của đội ngũ này vào công cuộc xây dựng, phát triển đất nước cần thiết phải triển khai thực hiện đồng bộ một số giải pháp như sau:

Một là, phải đẩy mạnh giáo dục, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, tính tự giác, tích cực của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong việc khơi dậy mạnh mẽ và thực hiện khát vọng cống hiến. Chỉ khi nhận thức đúng, đầy đủ tầm quan trọng và ý nghĩa to lớn của việc khơi dậy và thực hiện khát vọng cống hiến đội ngũ doanh nhân Việt Nam mới có nỗ lực, quyết tâm, tích cực, chủ động vượt qua mọi khó khăn, thử thách, mọi cám dỗ vật chất tầm thường, cống hiến hết sức lực của mình cùng với doanh nghiệp vươn lên thực hiện khát vọng làm giàu chính đáng và khát vọng đổi mới sáng tạo để góp phần xứng đáng vào sự phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Hai là, phải có chiến lược phát triển mạnh mẽ đội ngũ doanh nhân, doanh nghiệp Việt Nam cả về số lượng và chất lượng. Từ thực tế có thể thấy, bản thân mức độ ảnh hưởng khi khát vọng cống hiến của đội ngũ doanh nhân Việt Nam được hiện thực hóa phụ thuộc nhiều vào quy mô và tốc độ phát triển của doanh nhân, doanh nghiệp. Chẳng hạn, đối với các doanh nghiệp lớn, việc doanh nhân có khát vọng làm giàu chính đáng và

hiện thực hóa tốt khát vọng đó sẽ có tầm ảnh hưởng vô cùng lớn lao và là một trong những nhân tố có vai trò quyết định thành công trong sự nghiệp phát triển đất nước. Đối với doanh nhân ở các doanh nghiệp nhỏ, đặc biệt là siêu nhỏ, thì sự tác động trong việc thực hiện khát vọng cống hiến tuy vẫn hết sức quan trọng những mức độ ảnh hưởng và vai trò quyết định lại chưa thật nhiều, hay nói cách khác là khát vọng cống hiến của các doanh nhân này nhiều khi chưa đủ sức mạnh tạo ra động lực lớn để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển mạnh mẽ. Cũng bởi thế, để việc khơi dậy và hiện thực hóa khát vọng cống hiến của đội ngũ doanh nhân Việt Nam thực sự trở thành động lực to lớn cho công cuộc xây dựng đất nước trong thời kỳ mới thì nhất thiết phải đẩy mạnh thực hiện chiến lược phát triển mạnh mẽ doanh nhân, doanh nghiệp hướng tới thực hiện mục tiêu được xác định trong Nghị quyết số 41-NQ/TW, ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới: Đến năm 2030 “Phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam có quy mô, năng lực và trình độ đáp ứng mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Phấn đấu ngày càng có nhiều doanh nghiệp đạt tầm khu vực, một số doanh nghiệp đạt tầm thế giới...”; Đến năm 2045: “Phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam có quy mô, năng lực và trình độ đáp ứng mục tiêu quốc gia phát triển, thu nhập cao, có vị thế, uy tín khu vực và quốc tế; một bộ phận doanh nghiệp có thương hiệu thế giới, dẫn dắt một số chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu” [2].

Ba là, đẩy mạnh hoàn thiện thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để đội ngũ doanh nhân Việt Nam khơi dậy mạnh mẽ và hiện thực hóa khát vọng cống hiến. Chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự bảo đảm chính trị - pháp lý, là điều kiện, môi trường tiên quyết để hoạt động của doanh nhân và doanh nghiệp là một thể thống nhất. Do đó, chỉ khi nào thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được

hoàn thiện một cách đầy đủ mới tạo ra môi trường thực sự thuận lợi, thông thoáng, an toàn, công bằng, bình đẳng nhất là trong cơ hội tiếp cận và sử dụng các nguồn lực... giúp cho đội ngũ doanh nhân vươn lên cạnh tranh lành mạnh, tích cực tìm kiếm cơ hội phát triển, phát huy được hết mọi khả năng, năng lực, sức sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh, từ đó, cổ vũ, khích lệ, thúc đẩy đội ngũ này khởi dậy mạnh mẽ và thực hiện hiệu quả hơn nữa khát vọng cống hiến của mình. Đây cũng là vấn đề được Đảng ta đặc biệt nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội XIII với khẳng định: “Nhà nước xây dựng và hoàn thiện thể chế, bảo vệ quyền tài sản, quyền kinh doanh...; tạo môi trường thuận lợi, công khai, minh bạch cho các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và thị trường hoạt động” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập I: 130); “Xây dựng khung khổ pháp luật, môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo” [1, tr. 132]; “Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho doanh nhân khởi nghiệp sáng tạo, kinh doanh lành mạnh, cống hiến tài năng” [1, tr.168]...

Bốn là, thực hiện tốt chính sách khen thưởng, tôn vinh những doanh nhân giỏi có nhiều đóng góp, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới. Chính sách tôn vinh doanh nhân không chỉ khẳng định thành tích cá nhân mà còn khẳng định sự nhìn nhận của Đảng, Nhà nước, xã hội và nhân dân về vị thế, vai trò to lớn, quan trọng của đội ngũ doanh nhân trong quá trình phát triển đất nước. Bởi thế, thực hiện tốt giải pháp này sẽ tạo ra động lực vô cùng to lớn nhất là động lực tinh thần để đội ngũ doanh nhân Việt Nam tiếp tục nỗ lực vươn lên phát triển, khởi dậy mạnh mẽ và hiện thực hóa tốt hơn nữa khát vọng cống hiến của mình. Về vấn đề này, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng cũng đã chỉ rõ phải: “Tôn vinh, khen thưởng kịp thời, xứng đáng những doanh nhân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [1, tr.168]. Tất nhiên, để thực hiện hiệu quả giải pháp này thì chính sách tôn vinh, khen thưởng đối với doanh cần đi vào thực chất và cần mở rộng trên nhiều phương diện để ngày càng lan tỏa, nhân rộng

được những tấm gương doanh nhân tiêu biểu trên mọi lĩnh vực từ đó khơi dậy mạnh mẽ hơn nữa khát vọng cống hiến trong đội ngũ doanh nhân Việt Nam. Đặc biệt, để giải pháp này thực sự có hiệu quả thì đi đôi với đẩy mạnh tôn vinh, khen thưởng những doanh nhân, doanh nghiệp có những cống hiến to lớn đối với đất nước cũng cần xử lý kịp thời, nghiêm minh những doanh nhân, doanh nghiệp vì lợi ích cá nhân mà làm giàu bất chính, bất chấp thủ đoạn xâm hại nghiêm trọng đến lợi ích của cộng đồng, xã hội cản trở quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Như vậy, một lần nữa cần nhấn mạnh rằng, đội ngũ doanh nhân Việt Nam có vai trò vô cùng quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước và thực sự đang có những đóng góp hết sức to lớn đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, để phát huy tốt hơn nữa vai trò của đội ngũ này thì nhất thiết phải triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm khơi dậy mạnh mẽ hơn nữa khát vọng cống hiến của đội ngũ doanh nhân Việt Nam và tạo cơ sở để hiện thực hóa hiệu quả những khát vọng này trong thực tế.



TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII - tập I*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2023): *Nghị quyết của Bộ chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới số 41-NQ/TW*, ngày 10/10/2023. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban> truy cập ngày 06/9/2024.
3. Quốc hội (2013): *Luật Khoa học và công nghệ*, Luật số: 29/2013/QH13, ngày 18/6/2013, truy cập ngày 06/9/2024.
4. Báo Chính phủ điện tử (2024): *Bộ Công an: Vụ Tập đoàn Phúc Sơn rất phức tạp, liên quan đến nhiều địa phương*. <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/> truy cập ngày 16/7/2024.
5. Minh Dũng (2024): *Trợ lực cho doanh nghiệp trong chuyển đổi số*. <https://nhandan.vn/tro-luc-cho-doanh-nghiep-trong-chuyen-doi-so-post742781.html>, truy cập ngày 20/2/2024.
6. Hoàng Giang (2023): *Tầng 2 bậc, Việt Nam xếp thứ 46 chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu 2023*, https://ipvietnam.gov.vn/tin-tuc-su-kien/-/asset_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/gii2023, truy cập ngày 27/9/2023.
7. Hoàng Giang (2024): *Để 'tròn' sứ mệnh Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp*. <https://baochinhphu.vn/de-tron-su-menh-quy-phat-trien-khoa-hoc-va-cong-nghe-cua-doanh-nghiep-102230602173353042.htm>, truy cập ngày 19/2/2024.
8. Như Loan (2023): *Đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp lớn Việt Nam: Góc nhìn từ doanh nghiệp VIE5*. <https://baodautu.vn/doi-moi-sang-tao-tai-cac-doanh-nghiep-lon-viet-nam-goc-nhin-tu-doanh-nghiep-vie50-d188060.html>, truy cập ngày 20/4/2023.
9. Minh Ngọc (2024): *Đổi mới sáng tạo và khát vọng vươn tầm của doanh nghiệp Việt*. <https://baodautu.vn/doi-moi-sang-tao-va-khat-vong-vuon-tam-cua-doanh-nghiep-viet-d218283.html>, truy cập ngày 26/6/2024.
10. Xuân Thảo (2024): *Nhiều chính sách hỗ trợ đổi mới sáng tạo nhưng doanh nghiệp còn khó tiếp cận*. <https://haiquanonline.com.vn/nhieu-chinh-sach-ho-tro-doi-moi-sang-tao-nhung-doanh-nghiep-con-kho-tiep-can-186869.html>, truy cập ngày 10/6/2024.
11. Tuyển Phan (2023): *Vụ án Vạn Thịnh Phát: Đã có 23 cựu cán bộ bị khởi tố*. <https://thanhnien.vn/vu-an-van-thinh-phat-da-co-23-cuu-can-bo-bi-khoi-to-185231217174614531.htm>, truy cập ngày 17/12/2023.



3 PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH THỰC TẾ VỀ QUÊ LÀM GIÀU CHÍNH THỨC LÊN SÓNG TẬP ĐẦU TIÊN

Hành trình đầu tiên của chương trình truyền hình thực tế “Về quê làm giàu” đem đến nhiều tình huống hài hước, bất ngờ, chân thực và đầy ý nghĩa.

Tập 1 của chương trình truyền hình thực tế “Về quê làm giàu” chính thức lên sóng, bắt đầu hành trình đưa nghệ sĩ, người nổi tiếng trở về với đời sống lao động chân thực nơi làng quê Việt Nam.

Điểm đến đầu tiên là tỉnh Thanh Hóa, một trong những địa phương ven biển có truyền thống đánh bắt và kinh doanh hải sản lâu đời.

Chương trình có góp mặt của MC Quyền Linh, diễn viên Thu Hà Ceri và diễn viên Long Vũ trong vai trò dàn cast chính thức. Đặc biệt trong hành trình tại Thanh Hoá có sự xuất hiện của ca sĩ - diễn viên Diệp Lâm Anh, mang đến nhiều tình huống hài hước, chân thực và đầy ý nghĩa.



Dàn nghệ sĩ đồng hành cùng hành trình “Về quê làm giàu” tại Thanh Hoá.



MC Quyền Linh cùng Thu Hà Ceri tích cực với thử thách bán cá.

Ngay từ những phút đầu tiên, chương trình đã truyền cảm hứng mạnh mẽ với chia sẻ đầy tâm huyết của MC Quyền Linh:

“Ở những vùng quê, chúng ta có rất nhiều cơ hội để phát triển và làm giàu nếu biết tận dụng thế mạnh sẵn có. Vậy tại sao không nghĩ đến một ngày nào đó, mình sẽ trở về quê hương để khởi nghiệp ngay trên chính mảnh đất thân thuộc của mình?”.

Tập mở màn của “Về quê làm giàu” là những khoảnh khắc chân thực và giàu cảm xúc khi các nhân vật dần thân vào cuộc sống mưu sinh, bước ra khỏi vùng an toàn.

MC Quyền Linh gây ấn tượng khi đeo dây chuyền vàng, cùng ngư dân ra khơi từ sáng sớm, đối mặt với sóng to gió lớn giữa biển khơi. Trong khi đó, Diệp Lâm Anh tạm rời xa ánh đèn sân khấu để hóa thân thành nhân viên phục vụ tại một nhà hàng bình dân ở Thanh Hóa.

Không khí tại chợ cá trở nên căng thẳng khi hai nhân vật trẻ “Pu” và “Chải” cạnh tranh quyết liệt để giành từng mối khách, từng con cá trong cuộc mưu sinh đầy thử thách.

Một tình huống bất ngờ xảy ra khi MC Quyền Linh bị mất 500.000 đồng trong lúc bán cá, tạo nên một khoảnh khắc vừa kịch tính, vừa xúc động.

“Về Quê Làm Giàu” không chỉ là chương trình giải trí, mà đó còn là hành trình kết nối con người với cội nguồn, đưa công nghệ, kiến thức và lòng tin trở lại quê hương. Tại đây, nghệ sĩ không chỉ trải nghiệm mà còn lan tỏa giá trị sống, khơi dậy tinh thần làm giàu từ những gì đang có.

Bên cạnh đó, “Về quê làm giàu” còn là một sáng kiến đặc biệt của Halotimes, đóng vai trò cầu nối giữa doanh nhân thành thị và tiềm năng phát triển tại các vùng quê.



Mô hình này kết hợp hài hòa giữa đổi mới công nghệ số và giá trị truyền thống, mở ra cơ hội phát triển kinh tế bền vững cho các địa phương.

Đồng thời, chương trình còn kết nối doanh nghiệp với nông thôn, tạo giá trị văn hóa và kinh tế, ứng dụng công nghệ hiện đại vào phát triển sản xuất, cũng như tổ chức nhiều hoạt động thực tiễn và sự kiện đa dạng nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện cho cộng đồng.

Chương trình được phát sóng hằng tuần, mang đến những câu chuyện đa dạng từ khắp các vùng miền, với mỗi tập ghi hình tại một địa phương khác nhau, khai thác những ngành nghề đặc trưng và bài học ý nghĩa về phát triển kinh tế nông thôn bền vững.

Chương trình lên sóng định kỳ vào lúc 20h thứ 7, bắt đầu từ ngày 29/03/2025 trên HTV7, kênh YouTube Halotimes TV và ứng dụng Soctrip.



NGƯỜI TRẺ NGHĨ GÌ VỀ Ý TƯỞNG "VỀ QUÊ LÀM GIÀU"?

ANH THỊNH

Ý tưởng "Về quê làm giàu" thu hút người trẻ khi áp lực cuộc sống đô thị ngày càng gia tăng, nhưng họ cần sự chuẩn bị kỹ lưỡng và quyết tâm lớn để thực hiện ước mơ này.



Ảnh: Báo người Lao Động

Trong bối cảnh áp lực đô thị ngày càng gia tăng và nhu cầu tìm kiếm một cuộc sống tự chủ, yên bình, ý tưởng trở về quê hương lập nghiệp đang thu hút sự quan tâm của nhiều người trẻ.

Tuy nhiên, muốn hiện thực hóa giấc mơ về quê làm giàu đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ lưỡng và quyết tâm lớn lao để có thể tận dụng tốt những cơ hội và vượt qua mọi thách thức.

Áp lực đô thị và ước mơ về quê

Đối với nhiều người trẻ, thành phố là nơi hứa hẹn mang lại nguồn thu nhập ổn định và cơ hội phát triển sự nghiệp.

Kiều Linh, sinh ra ở Hà Tĩnh và hiện đang làm nhân viên văn phòng tại TP.HCM, chia sẻ: *"Công việc hiện tại của mình khá áp lực, làm việc 8 tiếng mỗi ngày, buổi tối còn phải tăng ca. Ngoài ra, mình còn phải lo chi phí tiền trọ, tiền sinh hoạt hàng ngày, nên đôi khi cảm thấy rất căng thẳng và mệt mỏi"*.

Lê Hồng Hào, một nhân viên cắt tỉa cây xanh, cũng nhắc đến những khó khăn khi sống ở thành phố: *"Chi phí sinh hoạt cao, tiền trọ đắt đỏ, đồ ăn ở đây cũng không rẻ. Nhưng bù lại, cuộc sống nhiều tiện lợi và thu nhập chắc chắn cao hơn ở quê"*.

Cả Kiều Linh và Hồng Hào đều nhấn mạnh rằng, dù áp lực, thành phố vẫn là nơi giúp họ có nguồn thu nhập ổn định, điều mà cuộc sống ở quê chưa thể mang lại.

Dù cuộc sống đô thị mang lại nhiều cơ hội, không ít người trẻ vẫn ấp ủ giấc mơ trở về quê để lập nghiệp. Đối với họ, quê hương không chỉ là nơi chốn bình yên mà còn chứa đựng nhiều tiềm năng chưa được khai thác.

Kiều Linh chia sẻ mong muốn mở một xưởng sản xuất kẹo cu đơ trên mảnh đất quê hương của mình. Cô cho biết: *"Hà Tĩnh nổi tiếng với làng nghề kẹo cu đơ truyền thống. Nếu có vốn trong tay, mình sẽ trở về quê và góp phần phát triển làng nghề này, đưa sản phẩm quê hương đến với nhiều người hơn"*.

Tương tự, Lê Hồng Hào cũng bày tỏ mong muốn quay về Tiền Giang để khởi nghiệp: *"Tiền Giang có rất nhiều đặc sản như trái cây miệt vườn, hủ tiếu Mỹ Tho. Nếu có vốn, tôi sẽ nhất định trở về quê để tận dụng tiềm năng này. Cuộc sống ở thành phố tuy sôi động nhưng cũng đầy bon chen. Quê hương vẫn luôn là nơi yên bình nhất để gắn bó lâu dài"*.

Không ít bạn trẻ đã lên kế hoạch rõ ràng cho việc trở về quê hương lập nghiệp. Trần Nam Khánh, sinh viên Trường Đại học TP.HCM, đang tích lũy kinh nghiệm và vốn để quay lại Vũng Tàu. Cậu nói: *"Vũng Tàu đang phát triển mạnh, môi trường cạnh tranh ít khốc liệt hơn so với TP.HCM, mở ra nhiều cơ hội cho những người trẻ muốn lập nghiệp"*.

Trang, nhân viên văn phòng vừa tốt nghiệp ở TP.HCM, cho biết muốn trở về Buôn Mê

Thuật để phát triển thương hiệu cà phê của riêng mình: “Mình muốn dùng kiến thức kinh tế học được để mở một cửa hàng và quảng bá rộng rãi sản phẩm cà phê Buôn Mê Thuật. Mình cũng mong các bạn trẻ sẽ góp phần phát triển nông sản hoặc các sản phẩm đặc thù của địa phương, vừa làm giàu cho bản thân vừa giúp quê hương phát triển”.

Hồng Thái, sinh viên quê Bến Tre, cũng ấp ủ giấc mơ phát triển làng nghề kẹo dừa truyền thống: “*Em muốn làm cho kẹo dừa Bến Tre không chỉ nổi tiếng trong nước mà còn vươn ra thế giới. Điều đó không chỉ giúp bản thân em mà còn góp phần thúc đẩy kinh tế địa phương*”.



Thách thức trên hành trình về quê

Dù vậy, việc từ bỏ cuộc sống đô thị để trở về quê không hề dễ dàng. Kiều Linh thừa nhận: “Ở quê, mức thu nhập thường thấp hơn và cơ hội việc làm cũng hạn chế. Để trở về, mình cần một số vốn lớn và phải chắc chắn với hướng đi của mình”.

Lê Hồng Hào cũng nhấn mạnh: “Điều quan trọng nhất là phải có công việc ổn định hoặc nguồn thu nhập vững vàng trước khi quyết định quay về quê”.

Ngoài ra, một số bạn trẻ lo ngại về khả năng thất bại khi khởi nghiệp tại quê nhà. Trần Nam Khánh thừa nhận: “Mình sợ nhất là không đủ kinh nghiệm và thất bại khi lập nghiệp ở quê”.

Xu hướng về quê lập nghiệp đang ngày càng phổ biến, thể hiện mong muốn chân thành của những người trẻ muốn góp phần phát triển địa phương, là minh chứng rõ ràng cho tinh thần dám nghĩ, dám làm của thế hệ trẻ.

Dù con đường phía trước có nhiều khó khăn, khát khao mang lại sự đổi thay cho quê hương

vẫn là động lực lớn lao để họ kiên trì theo đuổi mục tiêu. Quê hương, với tất cả tiềm năng và sự yên bình, có thể không chỉ là nơi bắt đầu, mà còn là đích đến lâu dài của những người trẻ muốn làm giàu trên chính mảnh đất sinh ra mình.

VỀ QUÊ LÀM GIÀU

Mô hình “Về Quê Làm Giàu” của Halotimes là một sáng kiến truyền thông và phát triển kinh tế nông thôn, được thiết kế để kết nối thế hệ doanh nhân thành thị với nguồn lực và tiềm năng của các vùng quê. Đây cũng là sự kết hợp độc đáo giữa đổi mới công nghệ số và giá trị truyền thống, giúp mở ra cơ hội phát triển kinh tế bền vững cho các vùng nông thôn, đồng thời lan tỏa những câu chuyện cảm hứng về sự gắn kết giữa con người và quê hương.

Chương trình truyền hình thực tế “Về Quê Làm Giàu” dự kiến khám phá các địa điểm nổi bật như: Nước mắm Ba Làng (Thanh Hóa); Hương xạ Cao Thôn (Hưng Yên); Chè Vân Bản Sen (Quảng Ninh); Bánh đa gác Kê sặt (Hải Dương); Bánh ép Thuận An (Huế); Bánh tráng Tụy Loan (Đà Nẵng),...

Với mục tiêu quảng bá văn hóa và sản vật địa phương, chương trình không chỉ tập trung vào hoạt động bán hàng mà còn hướng đến việc xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm, giúp người dân gia tăng thu nhập, đồng thời góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực.

Ngoài việc quảng bá, chương trình còn thể hiện trọn vẹn 4 giá trị cốt lõi của Halotimes: Phát triển ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam; giữ gìn bản sắc dân tộc; đổi mới sáng tạo công nghệ, ứng dụng trí tuệ nhân tạo; gia tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp và thu nhập cho người dân.

4 CHÂN DUNG NHÀ TRIẾT HỌC

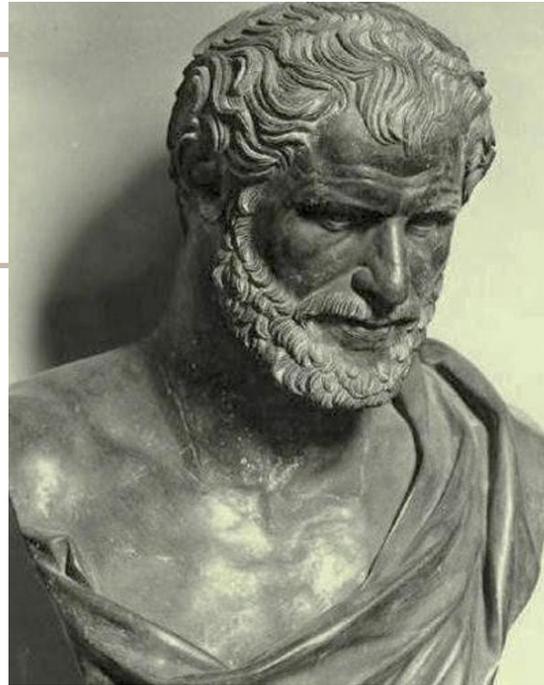
HERACLITUS (HÊRACLIT)

ĐỖ MINH HỢP *

Hêraclit, (khoảng 540 - 480 TCN) - nhà triết học, nhà tư tưởng tôn giáo, đạo đức, nhà tiên tri người Hy Lạp cổ đại.

Ông sinh ra tại thành phố Ephes nằm ở trung tâm Ionia, thuộc dòng dõi hoàng tộc. Song, Hêraclit khước từ quyền lực và địa vị sang trọng để dành nó cho người em, còn bản thân ông dành toàn bộ cuộc đời cho nghiên cứu vũ trụ. Nhân cách Hêraclit được phản ánh trong quyết định này của ông: cố ý bác bỏ các con đường mà thế gian đi theo, không chấp nhận cuộc sống và suy nghĩ quen thuộc. Hêraclit có hai biệt danh là: “Khó hiểu” và “Lè nhè”, vì tác phẩm triết học quá khó hiểu của ông và vì ông than khóc con người tự huỷ hoại bản thân bằng cuộc sống ngu xuẩn. Hêraclit để lại tác phẩm duy nhất gồm có ba phần: về thế giới, về nhà nước, về Thượng đế.

Vấn đề tồn tại đích thực là trung tâm của tư tưởng Hêraclit. Cái gì ở trong cái hiện hữu là thực tại đích thực, còn cái gì chỉ là vẻ bề ngoài, có kỳ vọng được gọi là tồn tại? Tính thực tại đích thực của cái hiện hữu thể hiện ở đâu? Những sự vật, hiện tượng, con người thực tại ở chừng mực nào? Các vấn đề này luôn hiện diện trong tư duy, định hướng và quyết định toàn bộ tiến trình lập luận của Hêraclit. Đây hoàn toàn không phải là vấn đề bịa đặt, không có quan hệ với con người, vì chỉ khi biết tồn tại đích thực, con người nhận được chỗ dựa quan trọng nhất cho cuộc sống của mình.



Thế giới bao quanh nhấn chìm con người vào những sự vật và những cá nhân, những quá trình và những tình huống đa dạng khó bao quát hết. Khái niệm “đa” của Hêraclit bao chứa tất cả những cái hiện hữu đa dạng. “Đa” là thế giới hữu hình, cảm tính, đa dạng, có bản chất là “Nhất”. “Đa” chỉ là hình thức nhất thời, thường biến, không đích thực của tồn tại, có cơ sở của mình là “Nhất”. Hêraclit vạch trần vẻ bề ngoài hư ảo của tồn tại để phát hiện ra bộ mặt thực sự của nó. Đa hữu hình và Nhất vô hình. Hêraclit nói đến sự thống nhất tuyệt đối của “tồn tại thâm kín”, coi nó là Thượng đế. Theo ông, quan niệm đa thần giáo là sai lầm, chỉ có một Thượng đế duy nhất, đưa con người đến gần với Thượng đế là mục đích của triết học, vì đây là Thực thể

thông thái - Trí tuệ điều khiển toàn bộ vũ trụ. Tương tự, tất cả các luật chi phối cuộc sống của con người có cội nguồn của mình là một luật - thần luật. Hêraclit không quan niệm cầm quyền tốt nhất là cầm quyền của một người (quân chủ), mà tin tưởng cái Tốt nhất cần phải cai quản, hành động như một ý chí thống nhất. Ông coi cái Tốt nhất ấy là luật công minh và sáng suốt, vì nó mà công dân được kêu gọi chiến đấu như vì quê hương thân yêu. Nhân cách riêng của mình là thần linh của con người. Song, tính chất sinh hoạt của con người cản trở số phận chân thực ấy hiện thực hóa. Hêraclit so sánh dòng chảy của cuộc sống với dòng chảy của con sông. Mỗi người đều bị nhấn chìm vào dòng chảy của cuộc sống, những loại nước khác nhau thường xuyên đổ vào đó. Câu cách ngôn nổi tiếng của Hêraclit “không thể hai lần tắm trên một khúc sông” đã trở thành biểu tượng về tính thường biến và không thể đảo ngược của tồn tại, trong khi sự thống nhất và tự đồng nhất của tồn tại là chân lý của tồn tại. “Tắm trên dòng sông” có nghĩa là “cái Ngã” của con người bị nhấn chìm xuống dòng chảy của những ấn tượng và những tình huống sống kéo theo và không ngừng để lại dấu vết của mình. Để tồn tại đích thực, sống theo chân lý, con người cần phải tự tách mình ra khỏi dòng chảy ấy, không cho phép nó chi phối, đồng hóa mình. Cần phải giữ lại sự đồng nhất với bản chất thực sự của mình trong tính đa dạng của tồn tại thế tục của mình.

Song, vấn đề số phận con người không dừng lại ở quyền lực của thế giới ngoại tâm đối với bản chất con người. Con người không nhận thấy chân lý của tồn tại, vì họ bị nhấn chìm vào những ý kiến của mình và làm tù nhân cho chúng. Ấn dụ nổi tiếng của Hêraclit về thế giới như logos xuất hiện ở đây. “Logos” ở Hêraclit là “luật”. Toàn bộ vũ trụ được thâm nhập bởi một bản nguyên thống nhất (logos - luật). Con người không nắm bắt nó theo tồn tại chân thực của nó, mà một cách tùy tiện, từ đó là những sai lầm và trở trêu của cuộc đời. Với tư cách “logos” được hiểu đúng, thế giới là “Nhất”, còn bị đọc và nghe sai là “Đa”.

Do vậy, thông thái là hiểu vạn vật là Nhất. Hêraclit vạch rõ nội dung của tồn tại đích thực thống nhất này nhờ ẩn dụ triết học quan trọng - “Lửa”. Ông biểu thị “Nhất” bằng danh từ Lửa, song không phải là theo nghĩa đen, mà là “nhiệt huyết, nhiệt tâm, nghị lực”. Với ông, nó trở thành biểu tượng cho tồn tại thuần túy, vĩnh cửu, tự đồng nhất, vô tận. “Lửa” này khác với lửa tự nhiên ở chỗ nó có ý thức và ý chí, đại diện cho công bằng tối cao và là Quan tòa hung dữ trừng trị những kẻ phạm tội ở ngày tận thế, do vậy Hêraclit dùng tên gọi của vị thần tối cao ở người Hy Lạp - Thần Zeus để đặt tên cho Lửa của mình. Logos là sự hiện thực hóa bản chất của Lửa như công bằng tối cao thâm nhập thế gian. Ông nói tới hai con đường của vũ trụ: “đi xuống” và “đi lên” như tách ra xa và tiến đến gần Thần linh của con người và vũ trụ, như sự thống trị hữu hình của “đa” và thống trị vô hình của “nhất” - Lửa, Tồn tại tối cao và đích thực thống nhất.

Quan niệm vũ trụ luận này của Hêraclit chỉ ra đường đời của con người. Tâm thần của mỗi người đang sống thuộc về thế giới “lạnh” và “chết” hữu hình, do vậy “ấm ướt”, bị lấp đầy bởi những ấn tượng. Nước xé nát tâm thần, “làm cho các tâm thần bị diệt vong”. Khác với Thales, nước ở Hêraclit đe dọa, thủ tiêu hô hấp, do vậy biểu tượng cho sự chết. Lý giải này gắn liền với vấn đề giải phóng tâm thần. Sự ấm ướt của tâm thần cho thấy nó bị thế giới “Đa” đồng hóa và do vậy bị chết. Cần phải khắc phục sự ấm ướt bằng cách làm cho nó gần gũi với Lửa thiêng, vì tâm thần khô là tâm thần thông thái và tốt nhất, tức là sống theo quy luật của Nhất.

Hêraclit đề cập đến các vấn đề đạo đức và chính trị - xã hội nhiều hơn các vấn đề khoa học tự nhiên. Ông nói tới những vấn đề về chiến tranh, tự do và nô lệ, polis (thành bang) và luật của nó, v.v., song các luận điểm của ông mang cả sắc thái vũ trụ luận và bản thể luận. Ngôn ngữ rất kỳ quặc và mâu thuẫn của ông đưa ông đến gần với những lo âu cấp thiết của con người: sống để làm gì và nên sống như thế nào, chiến tranh và hòa bình là gì, có công lý hay không? Hêraclit nói về thế gian

như “ngọn lửa sống vĩnh hằng”, qua đó nâng con người vượt lên trên cấp độ phàm tục và hướng nó lên cái vĩnh hằng. Nói cách khác,

tồn tại tự chủ của con người là tồn tại trước tính vĩnh hằng, chứ không phải trước tính nhất thời.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đặng Hữu Toàn: *Học thuyết về nhận thức trong triết học Hêraclít*, Tạp chí Triết học, số 7, 2003.
2. Bernard Morichère và Nhóm giáo sư Triết học các trường đại học Pháp, (Biên dịch: Phan Quang Định): *Triết học phương Tây từ khởi thủy đến đương đại*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2010.
3. Phạm Văn Đức: *Vấn đề kế thừa và phát triển những tư tưởng về qui luật trong triết học cổ đại Hy Lạp*, Tạp chí Triết học, số 3, 1992.
4. Đặng Hữu Toàn: *Khái niệm “logos” trong triết học Hêraclít*, Tạp chí Triết học, số 4 (131), tháng 4-2002.

5. Đặng Hữu Toàn: *Triết học Hêraclít và phép biện chứng của ông dưới nhãn quan của các nhà sáng lập Chủ nghĩa Mác - Lênin*, Tạp chí Triết học, số 2 (153), tháng 2 - 2004.
6. Đặng Hữu Toàn: *Lửa - Bản nguyên vật chất đầu tiên và duy nhất của vũ trụ trong triết học Hêraclít*, Tạp chí Triết học, số 05 (168), 2005.
7. Đỗ Minh Hợp, *Lịch sử Triết học phương Tây*, (Tập 1, 2), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014.



TRIỆT LÝ CUỘC SỐNG

HOÀI AN (SƯU TẦM)

*Không có áp lực, sẽ không có kim cương.
Để tìm đam mê, hãy bắt đầu bằng việc thức dậy.
Đầu đầy sợ hãi sẽ không chỗ cho khát khao.
Sức mạnh thật sự chỉ lộ ra khi đó là lựa chọn duy nhất.
Đừng lo ai giỏi hơn, chỉ cần vượt qua chính mình mỗi ngày.
Không cần đáp trả kẻ nguyên rủa, như không cần cắn lại chó điên.
Chim không sợ cành gãy, vì tin vào đôi cánh của mình.
Không ai có quyền phán xét bạn, vì họ không sống cuộc đời bạn.
Ngay cả đồng hồ chết cũng đúng hai lần một ngày.
Nếu số phận xấu, hãy học cách chơi bài giỏi.
Tuổi tác, điểm số hay lời đồn không định nghĩa bạn.
Một ngày, nỗi đau tưởng chừng vĩnh viễn cũng sẽ lùi xa.
Mỗi người là thiên tài trong lĩnh vực của mình, đừng đánh giá con cá qua khả năng leo cây.
Sợ dư luận là sợ lớn nhất. Khi không còn sợ, bạn sẽ tự do.
Có người đang luyện tập khi bạn nghỉ ngơi. Đối đầu với họ, bạn sẽ thua.
Cuộc sống như đi xe đạp, muốn thăng bằng phải tiếp tục di chuyển.
Dù chưa thấy con đường, quan trọng là trái tim bạn biết nơi cần đến.
Người không sai lầm là người không làm gì cả. Đừng sợ sai, chỉ cần không lặp lại.*



7 ARTICLES' ABSTRACTS IN ENGLISH

THE THOUGHT OF MORE FRIENDS AND FEWER ENEMIES IN HO CHI MINH'S DIPLOMATIC ACTIVITIES IN THE PERIOD 1945-1954 AND ITS HISTORICAL VALUE

Dr. Huynh Tuan Linh

Abstract: After the success of the August Revolution in 1945, the Vietnamese revolution faced a dire situation, akin to “a thousand pounds hanging by a hair.” It confronted internal and external enemies while suffering from economic exhaustion. The country was isolated and blockaded by reactionary and imperialist forces, which sought to sever all connections with the outside world and eradicate the newly established revolutionary government. The political landscape in Vietnam was extremely challenging, with a vast imbalance of power between the revolutionaries and their enemies. To navigate these difficulties, Ho Chi Minh adopted the foreign policy approach of “gaining friends, reducing enemies,” aiming to divide and isolate adversaries while avoiding simultaneous conflicts with multiple powerful foes. Thanks to this scientific, flexible, and strategic diplomacy, Vietnam’s revolution achieved crucial turning points, ultimately leading to a complete victory over the French colonial forces in 1954.

Keywords: Diplomacy; more friends and fewer enemies; peace; harmony.

ACHIEVEMENTS OF NEARLY 40 YEARS OF THE NATIONAL RENOVATION - THE FOUNDATION FOR REFUTING HOSTILE MISCONCEPTIONS THAT DENY VIETNAM'S PATH TO SOCIALISM

Dr. Tran Thi Thuy Chinh

Abstract: This article identifies several hostile and false viewpoints that reject Vietnam’s socialist development path. Through analysis, it affirms the achievements gained over nearly 40 years of national renovation and concludes that these hostile perspectives are entirely fabricated, unscientific, and contrary to Vietnam’s current realities.

Keywords: National renovation achievements; socialism; false and hostile viewpoints; struggle and refutation.

EDUCATION AND TRAINING IN REVOLUTIONARY ETHICS STANDARDS FOR PARTY'S CADRES AND MEMBERS UNDER REGULATION 144 OF THE POLITBURO - FOR A PROSPEROUS AND STRONG VIETNAM

Nguyen Viet Thanh, Luong Thi Hoai Thanh

Abstract: In Vietnam, educating and training Party’s cadres and members in revolutionary ethics holds a crucial role. Revolutionaries must possess revolutionary ethics as their core to successfully accomplish the revolutionary cause. However,

a significant portion of Party's cadres and members today exhibit ideological and political decline, moral corruption, and unethical lifestyles, leading to weakened ideals, corruption, and public distrust. This article evaluates the current state of revolutionary ethics among Party's cadres and members and proposes solutions to enhance ethics education and training based on Regulation 144-QD/TW (issued on May 9, 2024) regarding revolutionary ethical standards for Party's cadres and members in the new era. Strengthening revolutionary ethics in Party building and rectification is both a fundamental and urgent task for ensuring a prosperous and strong Vietnam.

Keywords: Party's Cadres, ethical standards, Party's members, revolutionary ethics, Politburo's Regulation 144.

BUILDING WELL-ROUNDED VIETNAMESE INDIVIDUALS ACCORDING TO GENERAL SECRETARY NGUYEN PHU TRONG'S VIEW

Assoc. Prof. Dr. Nguyen Thi Quyet, Dr. Lai Van Nam

Abstract: Developing well-rounded Vietnamese Individuals is a fundamental strategic policy in building an advanced Culture Deeply imbued with National Identity. This ensures stable and sustainable national development. Cultivating individuals with well-rounded qualities in morality, intellect, physique, and aesthetics creates a strong driving force for Vietnam's advancement into a new era. This article clarifies General Secretary Nguyen Phu Trong's key thoughts on shaping well-rounded Vietnamese Individuals in the context of industrialization, modernization, and deep international integration. Based on this, the author proposes core directions for further developing comprehensive Vietnamese individuals following his guidance.

Keywords: Vietnamese man; comprehensive development; General Secretary Nguyen Phu Trong.

DEVELOPING HIGH-QUALITY HUMAN RESOURCES IN THE NEW ERA ACCORDING TO HO CHI MINH'S THOUGHT

Assoc. Prof. Dr. Hoang Anh

Abstract: Ho Chi Minh's thought emphasizes the vital role of humans in societal development. Throughout historical turning points, human factors have consistently played a central role. Therefore, President Ho Chi Minh believed that nurturing and educating people is essential for development. Humans are both the key element and the primary driving force behind revolutionary success and national development. In the new era, as Vietnam rises, high-quality human resources-those equipped with modern technological knowledge - will be the decisive factor in national success. This article outlines Ho Chi Minh's thoughts on human development and proposes solutions to apply his ideology in fostering high - quality human resources to meet national development needs.

Keywords: Ho Chi Minh's thoughts on man, socialist individuals, high-quality human resources, new era of Vietnam's rise.

DIFFERENCES IN MARXIST-LENINIST PHILOSOPHY TEXTBOOKS FOR STUDENTS NOT SPECIALIZED IN POLITICAL SCIENCE IN CHINA & VIETNAM

Dr. Pham Thanh Ha

Abstract: In recent years, the University of Social Sciences and Humanities (Vietnam National University, Hanoi) has received a significant number of international students, particularly from China, accounting for about 60%. Chinese students have diverse learning needs, with many studying Vietnamese at the undergraduate level and continuing with higher studies in fields such as Linguistics, Literature, Oriental Studies, Political Science, and Marxist-Leninist Philosophy. Additionally, some Chinese graduate students studying in China seek to supplement their political theory education abroad by taking Marxist-Leninist Philosophy and Scientific Socialism courses at the Faculty of Philosophy, University of Social Sciences and Humanities - Vietnam National University, Hanoi.

Keywords: Chinese students, Marxist-Leninist Philosophy, University of Social Sciences and Humanities - VNU Hanoi.

SOLUTIONS TO ENHANCE TALENT ATTRACTION AND RETENTION IN BAC NINH PROVINCE

M.A. Cao Van Dan

Abstract: Applying Ho Chi Minh's thought and the policies of the Party and State, Bac Ninh province has proactively implemented regulations and policies for training, fostering, attracting, and utilizing the talented. This article highlights the necessity of talent attraction and retention and proposes solutions to enhance its effectiveness, serving socio-economic development and international integration in Bac Ninh.

Keywords: Solutions, talent attraction, talent retention, Bac Ninh.

THE VALUE OF PATRIOTISM IN THE WORSHIP OF NATIONAL HEROES BY THE VIETNAMESE PEOPLE

M.A. Ho Thi Xuan Thanh

Abstract: Patriotism is one of the most fundamental spiritual values of individuals and nations. This article explores key manifestations of patriotism in the Vietnamese practice of worshipping national heroes, such as deep gratitude towards national heroes, strengthening community solidarity, educating younger generations about patriotism and national defense traditions, and affirming, preserving, and developing cultural identity.

Keywords: Beliefs, worship, national heroes, patriotism.

A COMPARISON THE MORAL EDUCATION THOUGHTS OF JOHN DEWEY AND CONFUCIUS': LESSONS FOR VIETNAM'S MORAL EDUCATION TODAY

Dr. Bui Xuan Dung

Abstract: The thoughts of moral education of John Dewey and Confucius originate from different cultures and historical periods. Dewey, representing Western pragmatism,

emphasized experiential learning to foster independent thinking and social contribution in democratic societies. His “learning by doing” approach encouraged students to engage in practical activities for moral education. In contrast, Confucius, a key figure in Confucianism, advocated for moral self-cultivation through values like “ren” (benevolence) and “li” (ritual propriety), stressing self-reflection, exemplary learning, and adherence to societal norms to build a harmonious society. Despite their differences, both thinkers agreed that moral education is integral to overall education. Combining Dewey’s pragmatic philosophy with Confucian ethical foundations could create a holistic educational system that balances individual freedom with social responsibility.

Keywords: John Dewey, Confucius, moral education, schools, philosophy of education.

BUILDING A CIVILIZED SOCIETY BASED ON THE HARMONIOUS DEVELOPMENT OF ECONOMY, SOCIETY, ENVIRONMENT, AND CULTURE

M.A. Nguyen Thi Quynh

Abstract: The author asserts that a civilized society must encompass all the noble values created by the people of that society throughout their history in various aspects, including material, spiritual, political, social, ecological, ideological, theoretical, ethical, literary, artistic, educational, and scientific fields, along with all other forms of the social life of their own nation and humanity as a whole, which they have acquired, inherited, supplemented, and creatively developed. To build a civilized society, the foremost and most fundamental requirement is to achieve a high level of economic development; a fair and equal society imbued with profound humanitarian values, along with a rich, diverse, and deeply characteristic cultural foundation.

Keywords: Society, civilization, progress, equality.

CRITERIA FOR EVALUATING THE EFFECTIVENESS OF SOCIAL WELFARE POLICIES WHEN THE STATE RECLAIMS LAND

MA. Phan Huu Chanh

Abstract: Land reclamation for socio-economic development projects is a sensitive issue that directly impacts the rights and livelihoods of citizens. Currently, the State has issued various social welfare policies to ensure the rights of those affected. However, the actual implementation of these policies remains limited and has not achieved high results. This article will clarify the criteria for evaluating the effectiveness of social welfare policies for citizens when the State reclaims land and propose several recommendations and solutions to enhance the effectiveness of social welfare policies, ensuring fairness and balancing the interests of the people affected by land reclamation.

Keywords: land reclamation, social welfare policies, satisfaction levels, effectiveness.

THE ASPIRATIONS OF THE VIETNAMESE BUSINESS COMMUNITY TODAY

Dr. Hoang Thu Trang

Abstract: In order for the contingent of Vietnamese entrepreneurs to fully develop and fulfill its crucial role as the driving force behind the new productive strength of a socialist-oriented market economy, one of the fundamental conditions is that this community must have a strong desire to contribute to the homeland and the country. This article focuses on clarifying some theoretical and practical issues regarding the aspirations of the current contingent of Vietnamese entrepreneurs and proposes several solutions to strongly awaken this desire to contribute in the near future, in line with the new requirements.

Keywords: entrepreneurs, contingent of Vietnamese entrepreneurs, aspiration to contribute.

**VIETNAM JOURNAL
OF PHILOSOPHICAL RESEARCH**

THỂ LỆ GỬI BÀI TẠP CHÍ

1. Tạp chí Nghiên cứu Triết học đăng các bài nghiên cứu thuộc lĩnh vực triết học và các lĩnh vực chuyên môn có liên quan đến triết học. Tác giả chịu trách nhiệm về nội dung cơ bản cũng như các trích dẫn được sử dụng trong bài.
2. Bài viết cần ghi rõ họ và tên, chức danh khoa học, địa chỉ, điện thoại, email của tác giả.
3. Bài viết được soạn theo phông chữ Times New Roman; có độ dài không quá 5.000 từ; tóm tắt không quá 300 từ; từ khóa 3-5 từ.
4. Nội dung bài viết gồm 4 phần: Giới thiệu (mở đầu hoặc đặt vấn đề), nội dung, kết luận và danh mục tài liệu trích dẫn.
5. Tài liệu trích dẫn sắp xếp theo thứ tự tiếng Việt - tiếng nước ngoài - các trang website có đường dẫn cụ thể; Trình tự: 1. Tên tác giả, năm xuất bản, tên sách hoặc tên tài liệu, nhà xuất bản, nơi xuất bản. Ví dụ: 1. Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, t.4, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội. Trích dẫn tiếng Việt xếp theo tên tác giả (thứ tự A, B, C); tiếng nước ngoài xếp theo họ (ví dụ: Các Mác xếp theo M).
5. Nguồn của trích dẫn được đặt trong ngoặc vuông, số đầu là số thứ tự tài liệu trích dẫn, tiếp theo là số trang của tài liệu. Ví dụ: [1, tr.10].
6. Bài gửi đến Tòa soạn, chấp nhận đăng hay không đăng, Tòa soạn không trả lại bản thảo cho tác giả.
7. Bài viết được gửi theo hộp thư điện tử: tapchincthvn@gmail.com
Điện thoại liên hệ: 098 983 4161 hoặc: 094 214 8999.

VỀ QUÊ LÀM GIÀU

LÀM GIÀU TRÊN ĐẤT QUÊ HƯƠNG



DIỄN VIÊN
LONG VŨ

NGHỆ SĨ
QUYỀN LINH

DIỄN VIÊN
THU HÀ CERİ



**CHƯƠNG TRÌNH
TRẢI NGHIỆM THỰC CHIẾN!**

20:00
THỨ 7 HÀNG TUẦN

Bắt đầu từ **29.03.2025**



MẸ VIỆT NAM GIA ĐÌNH VIỆT NAM

Đoàn kết một lòng vì dân tộc Việt Nam

Dòng chảy của văn hóa bắt nguồn từ Mẹ Âu Cơ cùng truyền thuyết “trăm trứng đẻ trăm con”. Cùng với cha Lạc Long Quân, mẹ Âu Cơ được xem là tổ tiên của dân tộc Lạc Việt - khởi nguồn của đất nước Việt Nam chúng ta ngày nay.

Theo truyền thuyết, Mẹ Âu Cơ chính là người đã dạy dỗ và truyền lại nhiều kỹ thuật quan trọng cho người nông dân Việt Nam như trồng trọt, chăn nuôi, quản lý mùa màng, phòng chống thiên tai... Không chỉ đảm bảo cho người nông dân một cuộc sống sung túc, Mẹ còn phát triển văn hóa qua việc định hình các phong tục tập quán đầu tiên của người Việt. Hình ảnh Mẹ Âu Cơ gắn liền với văn minh nông nghiệp lúa nước, tạo nên một niềm tự hào về bản sắc văn hóa và cũng khẳng định giá trị không thể thay thế của người phụ nữ trong gia đình, cộng đồng. Các câu chuyện về bà được lưu truyền qua các thế hệ, nhắc nhở chúng ta về những giá trị của gia đình, lòng yêu nước và sự gắn kết trong cộng đồng.

Là một dân tộc gắn liền nền văn minh lúa nước đã hàng nghìn năm chăm chỉ cày sâu cuốc bẫm, “bán mặt cho đất, bán lưng cho trời”, thế nhưng, xã hội hiện đại đã khiến những người con, người cháu sớm rời xa cánh đồng lúa, con trâu để đến với nhịp sống công nghiệp hóa nơi thị thành. “Quê nhà” chỉ còn là nơi để về thăm trong những dịp đặc biệt như Lễ, Tết. Những làng nghề truyền thống dần dà bị mai một, bởi những người trẻ đã không còn mấy ai mặn mà với việc sống ở quê, kế thừa và nối nghiệp gia đình. Những bữa cơm canh nóng hổi được nấu từ vườn rau, vườn cây ăn quả của bà và từ tình yêu của mẹ đã nhường chỗ cho những suất ăn công nghiệp.



Với tình yêu thương và trách nhiệm trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam, Halotimes mong muốn phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; lấy việc bảo tồn và phát triển các giá trị văn hoá truyền thống làm trọng tâm, từ đó mang lại sự thịnh vượng cho những gia đình Việt Nam.

Trong tương lai, khi những người nông dân có thể làm giàu trên đất quê hương, kế thừa và phát triển từ những công việc, nghề nghiệp mà cha ông để lại thì cũng chính những gia đình ấy tạo nên một gia đình Việt Nam đoàn kết và thịnh vượng.

Đó cũng là lý do chiến dịch “Mẹ Việt Nam - gia đình Việt Nam” ra đời.

ĐƠN VỊ ĐỒNG TỔ CHỨC

<https://mevietnam.vn>

Du lịch



Soctrip



YOIO.VN

Tap chí điện tử
GIA ĐÌNH MỚI